



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **Sea (internet)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **SỐNG 40 NĂM HẢI NGOẠI** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 6
- **NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 7
- **LẬP HẠNH, TRANG NGHIỆM CÔI TỊNH, DUYÊN ĐỜI** (thơ Minh Đạo), trang 9
- **Ý NGHĨA TỊNH ĐỘ** (HT. Thích Trí Thủ), trang 10
- **HOA NGHIỆM PHÁP GIỚI QUÁN** (Tuệ Sỹ), trang 13
- **RỰC RỠ SÁT-NA** (thơ Thy An), trang 15
- **GIỮ GIỚI VÀ ĐỊNH TÂM, PHÁP TU CĂN BẢN CỦA PHẬT TỬ** (Quảng Tánh), trang 16
- **CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN LẦN THỨ 2647** (GHPGVNTN Hoa Kỳ), trang 17
- **MÂY NGÀN BAY, THÁC GHÈNH CHÁY** (Nguyễn Siêu), trang 18
- **NGÔI CHÙA NHỎ NHỎ, GIÁC NGỘ** (thơ Diệu Viên), trang 19
- **AN CƯ KIẾT HẠ VÀ ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN PL. 2567** (GHPGVNTNKH), tr. 20
- **NGỌN LỬA** (Đỗ Hồng Ngọc), trang 21
- **NHỮNG MẦM SEN, TREO DƯỚI MỠI SỢI TÓC** (thơ Lý Thừa Nghiệp) trang 22
- **BÁO CÁO V/V CỨU TRỢ NẠN NHÂN ĐỘNG ĐẤT Ở TURKEY & SYRIA** (TV Từ Thiện Xã Hội), trang 23
- **THƠ THÁNG TƯ** (thơ Kiều Mộng Hà), trang 24
- **PHẬT DẠY CÁC PHÁP HẠNH PHÚC CHO CƯ SĨ TẠI GIA** (TN. Hằng Như), trang 25
- **MAI NÀY TRĂNG HỘI NƯỚC NON** (thơ Thanh Nguyên), tr. 27
- **LÝ NHÂN DUYÊN SANH** (Phật Pháp Thứ Năm, GDPTVN), tr. 30
- **THEO DẤU CHÂN NGƯỜI XƯA** (TN. Giới Định), trang 31
- **THE STORY OF FIVE BHIKKHUS** (Daw Tin), trang 33
- **BÁN TRÂM HƯƠNG** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 34
- **THÔNG BÁO SỐ 2 - Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 10** (HT Thích Tuệ Uy), trang 37
- **CÂY CHỐI CỦA NGÀI CHU LỢI BÀN ĐÀ GIÀ** (Huệ Trân), tr. 39
- **VÔ THƯỜNG THƯỜNG TRỰC** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 41
- **MỜI TRÀ** (thơ Hoàng Duy), trang 42
- **VÀO 'THIÊN TẬP VỚI PHÁP ẦN' CỦA NGUYÊN GIÁC...** (Huỳnh Kim Quang) trang 43
- **TRỞ VỀ KHÔNG, RU KHÚC CA DAO** (thơ Tịnh Bình), trang 46
- **KHẢ ÁI THAY, CHÂN NGUYÊN!** (TN. Bửu Đức & TN. Hạnh Từ), trang 47
- **NĂM ĐÔNG CÔ XÀO SÀ ÓT** (G. Phương), trang 48
- **TRUYỆN CỤC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **GIỮ LÒNG BÌNH YÊN, NHẬT...** (thơ Lâm Bằng Phương), tr. 51
- **SỐNG VỚI VIÊM KHỚP** (Bs. Nguyễn Ý Đức), tr. 52
- **TỬ CỤ LỰC BÁT "BÀN TAY"** (thơ Vĩnh Hữu - Tâm Không), trang 53
- **TƯỜNG THUẬT LỄ RA MẮT THANH VĂN TẠNG, GIAI ĐOẠN I, PHẦN I...** (Huỳnh Kim Quang), tr. 54
- **SÓNG VÀ NƯỚC** (Vương Thúy Nga), trang 59
- **TÁM ĐIỀU GIÁC NGỘ** (thơ Hoàng Thục Uyên), tr. 60
- **CỜ TRÓI tập 1 - chương 3** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61
- **NÀY BIỂN HẦY MANG ĐI...** (thơ Phương Anh), trang 65

Báo Chánh Pháp số 137, tháng 04 năm 2023, do ĐLHT. Thích Thắng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng pháp thể kính an, chúng sinh dị độ; chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

NGƯỜI HIỀN TRÍ

Suốt mấy tháng mưa dầm dề, bầu trời luôn xám xịt. Hôm nay mới có được một ngày nắng ấm, trời xanh lơ, không cả mây trắng. Muôn hoa sẽ nở rộ trong những ngày sắp tới, và đây mới thực sự là dấu hiệu của mùa xuân nơi này.

Trong không khí trong lành, êm ả, với niềm vui được diện kiến và lắng nghe sở tri của những bậc long tượng hiền trí, lòng bất chợt chùng xuống khi có những lời dị nghị, gièm pha từ những người khác, nơi khác. Không phải buồn cho người hiền trí, mà buồn thương, ái ngại cho những người "*đường đi năm cũ thì một tắc một bước cũng chẳng dời đổi*" (1). Một tắc một bước không dời cố về như ca ngợi lập trường kiên định, không lung lay. Nhưng kỳ thực, không phải.

Người hiền trí là người đã thấy, đã tin, và tinh tấn thực hành những điều tự mình chứng ngộ và chứng nghiệm, bằng cách tiến tới một cách thông tuệ và vững chãi, tiến tới mãi, buông bỏ và vượt thoát những sở tri kiến vừa đạt được (2), để tiến đến sự hoàn thiện nhân cách và giải thoát giác ngộ hoàn toàn như đức Phật. Điều mà người hiền trí kiên định, không lung lay, chính là tín tâm bất hoại đối với Chánh Pháp, chứ không phải là thái độ khư khư bám giữ lập trường, danh nghĩa, địa vị, hay một ý tưởng (dù một thời trước đó được cho là đúng).

Sống ở đời hay trong đạo, cần gần gũi những người hiền trí, tránh xa những người bạn ác (3). Gần bạn ác chẳng mang lại lợi ích gì cho tự thân, cho xã hội, trái lại còn kéo mình xuống vũng lầy ác kiến, làm những việc bất chánh, tổn hại tha nhân, trong hiện tại và tương lai. Trong khi người hiền trí thực hiện những điều lành, chánh thiện, thì người ác chỉ làm những điều ngược lại, thậm chí còn công kích, ngăn trở việc làm của người hiền trí. Công kích và ngăn trở việc chánh thiện có được không? — Không.

Việc chánh thiện thì luôn như mặt trời tỏa rạng. Dù mây đen che khuất bao lâu, có ngày cũng tan đi để hiển lộ một bình minh nắng ấm.

- 1) "*Người xuất gia là cất bước thì muốn vượt tới phương trời cao rộng, tâm tính và hình dung khác hẳn thế tục, tiếp nối một cách rạng rỡ dòng giống của Phật, làm cho quân đội của ma phải rúng động khuất phục, với mục đích báo đáp bốn ân, cứu vớt ba cõi. Không như vậy thì chỉ là kẻ lạm xen vào hàng ngũ tăng sĩ, lời nói và việc làm trống rỗng, sơ suất, hưởng dụng một cách vô ích cúng phẩm của tín đồ, đường đi năm cũ thì một tắc một bước cũng không dời đổi, quãng hoàng suốt cả một đời thì còn lấy gì mà nương tựa và cậy nhờ? Huống chi tăng tướng đường hoàng, dung mạo khả quan, toàn do thiên căn đời trước gieo trồng mới có được cái quả báo đặc biệt ấy, vậy mà chỉ nghĩ đến việc ngồi thẳng, khoan tay, chứ không biết quý trọng từng tắc bóng của thi giờ. Nhưng đạo nghiệp mà không chịu nỗ lực thực hành thì đạo quả sẽ không có nhân tố thành tựu. Như vậy đâu phải chỉ một đời này qua đi một cách vô ích, mà mọi việc trong những đời sau cũng không được bổ ích gì.*" (Quy Sơn Cảnh Sách Văn, HT. Thích Trí Quang dịch)
- 2) Giải thoát tri kiến, là phần thứ 5 trong 5 phần pháp thân của bậc Thánh giả: Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến. Giải thoát tri kiến là vượt qua cả những tri kiến và thành tựu, nghĩa là tâm rộng rang tự tại, vô cầu, vô chấp đối với tất cả thành tựu lớn hay nhỏ, ngay cả quả vị giải thoát vừa đạt được.
- 3) "*Đi xa thì phải nhờ bạn tốt để luôn luôn lọc sạch tai mắt, trú ở thì cần chọn bạn hiền để thường thường nghe điều chưa nghe. Nên ngàn ngữ đã nói, sinh ta là cha mẹ, tác thành ta là bạn bè. Gần gũi người hiền thì như đi trong sương móc, tuy không ướt áo mà lúc nào cũng thấm đượm; quen thân kẻ ác thì lớn thêm kiến thức độc ác, sớm tối làm ác, ác báo đã bị ngay trước mắt mà chết rồi lại phải chìm đắm, làm cho thân người một khi mất đi, muôn kiếp vẫn khó mà khôi phục.*" (Quy Sơn Cảnh Sách Văn, HT. Thích Trí Quang dịch)
- 4) "*Chớ nên kết bạn với người ác, chớ nên kết bạn với người kém hèn, hãy nên kết bạn với người lành, với người chí khí cao thượng.*" (Kinh Pháp Cú, phẩm Hiền Trí, câu 78)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

THÁI LAN: Hội Trung tâm Thiền của Phụ nữ Quốc tế trao tặng 16 Giải thưởng Phụ nữ Phật giáo Xuất sắc

Đánh dấu dịp kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ vào ngày 8-3-2023, Hội Trung tâm Thiền Phụ nữ Quốc tế (IWMCF) từ trụ sở chính ở Thái Lan đã công bố giải thưởng năm nay dành cho những phụ nữ xuất sắc trong Phật giáo.

Hội đã trao giải thưởng cho 16 phụ nữ, hầu hết trong số họ là tu sĩ, mặc dù một số nữ cư sĩ cũng được đưa vào.

IWMCF đã trao giải thưởng cho phụ nữ trong Phật giáo từ năm 2002.

Các giải thưởng này bắt đầu như một sáng kiến của 2 nữ tu sĩ Phật giáo, là Tỳ kheo ni Rattanavali đến từ Thái Lan và Tỳ kheo ni Tiên sĩ Lee đến từ Hoa Kỳ. Cả hai đã tạo ra giải thưởng sau khi tham dự các sự kiện tôn vinh phụ nữ vào năm 2001 - Giải thưởng Phụ nữ Xuất sắc tại Thái Lan và Liên Hiệp Quốc nhân Ngày Quốc tế Phụ nữ vào ngày 8-3-2001.

Sau những sự kiện nói trên, cả hai bắt đầu lên kế hoạch cho một lễ kỷ niệm toàn cầu về phụ nữ trong Phật giáo, đỉnh cao là các giải thưởng phụ nữ xuất sắc trong Phật giáo đầu tiên vào năm 2002.

Các giải thưởng nhằm ghi nhận sự xuất sắc trong nhiều lĩnh vực và thực hành, bao gồm thiền định, công tác xã hội, phát triển cộng đồng, giảng dạy Đạo Pháp - thông qua các bài viết, công việc học tập, hoặc xuất hiện trên các phương tiện truyền thông - và các hoạt động vì hòa bình.

Phụ nữ Phật giáo từ khắp nơi trên thế giới có thể được đề cử mỗi năm, với sự lựa chọn được hoàn thiện bởi 12 thành viên ủy ban IWMCF.

(Buddhistdoor Global - March 9, 2023)

Biểu trưng của Hội Trung tâm Thiền của Phụ nữ Quốc tế
Photo: tipitaka.net



CAM BÔT: Trụ đá chạm nghìn tượng Phật trưng bày tại bảo tàng ở tỉnh Siem Reap

PHNOM PENH, Cam Bốt - Ngày 11-3-2023, Cơ quan Quốc gia Apsara (ANA) thông báo: Một trụ đá sa thạch chạm khắc hình tượng ngàn Đức Phật có niên đại hàng trăm năm tuổi đang được trưng bày cho công chúng tại Bảo tàng Preah Norodom Sihanouk-Angkor ở tỉnh Siem Reap, tây bắc Cam Bốt.

Trụ đá lớn với hình ảnh Đức Phật này được chạm khắc theo phong cách Bayon và có lẽ được tạo tác vào cuối thế kỷ 12 - ANA, cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ và bảo tồn Công viên Khảo cổ Angkor nổi tiếng, cho biết.

Theo ANA, trụ nặng hơn nửa tấn, có hình chữ nhật - cao 122 cm, rộng 58 cm và dày 45 cm.

Có 1,008 hình chạm khắc Đức Phật ngồi thiền nhỏ trên 4 mặt của trụ; ở phía trên và phía dưới có một số hư hỏng - với bề mặt của đá có các vết nứt; và trên đỉnh của 4 góc có hình chạm khắc đầu rắn thần Naga.

(bignewsnetwork.com - March 11, 2023)



Trụ đá chạm nghìn tượng Phật trưng bày tại bảo tàng ở tỉnh Siem Reap, Cam Bốt
Photo: ANA



ẤN ĐỘ: Hội nghị quốc tế "Chia sẻ di sản Phật giáo"

Ấn Độ sẽ tổ chức hội nghị quốc tế "Chia sẻ Di sản Phật giáo" cho các quốc gia thành viên của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) vào 2 ngày 14-15 tháng 3 năm nay.

Diễn đàn, được xem là diễn đàn đầu tiên thuộc loại này, sẽ tập trung vào các mối liên hệ giữa nền văn minh của Ấn Độ với thế giới Phật giáo. Những người tham gia từ Trung, Đông, Nam Á và Trung Đông sẽ đến New Delhi cho chương trình kéo dài 2 ngày - được tổ chức bởi Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại giao Ấn Độ và Liên đoàn Phật giáo Quốc tế.

Diễn ra tại trung tâm hội nghị Vigyan Bhawan của New Delhi, hội nghị sẽ có sự góp mặt của các học giả và chính trị gia. Họ sẽ thảo luận và kỷ niệm các mối liên hệ trong quá khứ, hiện tại và tương lai thông qua tôn giáo Phật giáo.

Hội nghị nhằm tái khẳng định vai trò trung tâm của Ấn Độ trong việc truyền bá Phật giáo khắp các nước láng giềng và xa hơn nữa. Các nhà tổ chức hy vọng sẽ thiết lập lại các liên kết xuyên văn hóa đã được hình thành thông qua du lịch và thương mại của Phật giáo trong khu vực, bao gồm các cuộc thảo luận về nghệ thuật, triết học, khảo cổ học và văn hóa.

(Buddhistdoor Global - March 14, 2023)



Biểu trưng của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO)
Từ wionnews.com

THÁI LAN: Khách du lịch đổ về tỉnh Nong Khai khi bảo tháp Phật giáo linh thiêng nổi lên từ sông Mekong

NONG KHAI, Thái Lan – Cảnh tượng hiếm có về một bảo tháp Phật giáo cổ xưa nổi lên từ sông Mekong đã khiến khách du lịch đổ xô đến tỉnh Nong Khai ở phía đông bắc Thái Lan.

Bảo tháp này có tên là Phra That Klang Nam, tương truyền đã được xây dựng cách đây khoảng 700 năm trên một bờ sông. Tuy nhiên, nó đã bị đổ xuống sông Mekong vào năm 1847 và bị nhấn chìm hoàn toàn khi dòng sông thay đổi dòng chảy trong nhiều năm.

Vào ngày 12-3, rất đông du khách đã đến tỉnh nong Khai để chiêm ngưỡng bảo tháp hiếm thấy đang hiện ra trước mắt sau khi mực nước sông rút mạnh trong những ngày gần đây.

Theo biên niên sử Phật giáo truyền thống Urangkhatat (Phrathat Phanom), bảo tháp này cất giữ xá lợi xương của Đức Phật.

Khách du lịch tụ tập trên lối đi dạo ven sông ở Nong Khai để xem bảo tháp, trong khi những người khác đi thuyền trên sông để quan sát cận cảnh.

(straitstimes.com March 14, 2023)



*Bảo tháp Phra That Klang Nam nổi lên từ sông Mekong
Photo: The Nation*

PAKISTAN: Hội Khyentse hỗ trợ quyền góp các bản thảo Phật giáo Gandhari cổ đại cho Pakistan

Hội Khyentse, một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập bởi Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche, vị Lạt ma nổi tiếng người Bhutan, đã thông báo rằng: Một bộ sưu tập lớn gồm các bản thảo Phật giáo 2,000 năm tuổi bằng ngôn ngữ Gandhari và chữ viết Kharoshthi đã được tặng cho Bảo tàng Islamabad tại Pakistan.

Ước tính có khoảng 50 - 60 cuộn vỏ cây bạch dương và các đoạn cuộn văn bản Phật giáo đại diện cho bộ sưu tập cuộn bạch dương Gandhari lớn nhất được biết đến cho đến nay. Và, dựa trên phân tích sơ bộ về cổ sinh vật học và về niên đại bằng carbon phóng xạ của các bản thảo đã chọn, kết quả chúng được cho là có niên đại từ thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên đến thế kỷ thứ hai sau Công nguyên.

Với sự bảo trợ của Hội Khyentse, khoản đóng góp này đã được thực hiện cho Bảo tàng Islamabad theo thỏa thuận giữa Cục Khảo cổ và Bảo tàng Pakistan (DOAM) và Đại học Sydney, với sự hỗ trợ của Cao ủy Úc tại Islamabad và Cao ủy Pakistan tại Canberra.

Theo thỏa thuận, bộ sưu tập các bản thảo này sẽ được bảo tồn, phân tích, số hóa và xuất bản bởi Dự án Bản thảo Gandhari (GMP), một nhóm học giả quốc tế do Giáo sư Mark Allon của Đại học Sydney đứng đầu.

(Buddhistdoor Global – March 15, 2023)



Lễ ký kết các thỏa thuận giữa Cục Khảo cổ và Bảo tàng Pakistan (DOAM) và Đại học Sydney về bảo tồn các bản thảo Phật giáo Gandhari cổ đại



Các bản thảo Phật giáo Gandhari cổ đại-Photos: Khyentse Foundationx

BỈ: Nước Bỉ sẽ trở thành quốc gia EU thứ hai công nhận Phật giáo

BRUSSELS, Bỉ - Nước Bỉ dự kiến sẽ chính thức công nhận Phật giáo sau khi chính phủ liên bang thông qua một dự thảo luật vào ngày 17-3-2023, mở cửa cho nguồn tài trợ liên bang, các đại biểu chính thức và các lớp học của tôn giáo này. Liên đoàn Phật giáo Bỉ đã yêu cầu được công nhận vào tháng 3-2006. Liên đoàn ước tính số lượng Phật tử ở Bỉ là 150,000 người. Quốc gia EU duy nhất khác mà Phật giáo được công nhận là nước Áo.

Phật giáo sẽ được công nhận là "một tổ chức triết học phi-giáo phái" cùng với chủ nghĩa thể tục có tổ chức, được công nhận từ năm 2002. Tổ chức này sẽ nhận được khoản tài trợ liên bang lên tới 1.2 triệu euro.

Sau khi được Quốc hội Áo biểu quyết, luật sẽ mở đường cho việc thành lập các tổ chức địa phương, gửi các đại biểu Phật giáo đến các cảng và phi trường, nhà tù, quân đội, bệnh viện, mở các khóa học Phật giáo trong giáo dục chính thức bên cạnh việc giảng dạy các dịch vụ thờ cúng khác.

Tất cả các tỉnh của Bỉ và Vùng Brussels sau đó cũng sẽ phải tài trợ cho mỗi trung tâm Phật giáo địa phương.

(Reuters – March 17, 2023)

THỔ NHĨ KỲ: Hội Từ Tế của Phật giáo mang lòng từ bi và sự cứu trợ đến 36,000 gia đình ở Thổ Nhĩ Kỳ

Hội Phật giáo Từ Tế, tổ chức nhân đạo và từ thiện toàn cầu có trụ sở tại Đài Loan, đã thông báo rằng: cho đến nay, các hoạt động cứu trợ nạn nhân của trận động đất lớn ở miền nam Thổ Nhĩ Kỳ và một số vùng của Syria đã tiếp cận được 36,314 gia đình bị ảnh hưởng.

Sau những trận động đất và dư chấn tàn khốc trong khu vực, các đội ứng phó thảm họa của Hội Từ Tế đã làm việc hết lòng để tiếp cận những người ở tâm chấn của thảm họa nhân đạo này ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Các nỗ lực cứu trợ nhân đạo của Hội Từ Tế bao gồm việc phân phối thẻ giá trị

tiền mặt mà người nhận có thể sử dụng để mua thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác, cũng như chăn sinh thái và khăn quàng cổ sinh thái do các tình nguyện viên Từ Tế làm từ 100% chai PET tái chế cho 36,314 gia đình từ các khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi trận động đất ngày 6-2-2023.

Hội này báo cáo rằng họ cũng đã tặng 13,083 chiếc chăn cho những người sống sót sau trận động đất thông qua chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, trong khi Từ Tế Jordan đang gửi 426,800 mặt hàng quần áo và 50,000 chiếc chăn cho những người sống sót ở Syria, với sự giúp đỡ của Tổ chức từ thiện Hashemite Jordan và OCHA của Liên hợp quốc.

(Buddhistdoor Global - March 17, 2023)



Tình nguyện viên Hội Từ Tế đi quyên góp cứu trợ nạn nhân động đất ở Thổ Nhĩ Kỳ và Syria



*Quần áo và chăn mền từ Từ Tế Jordan được vận chuyển đến những người sống sót ở Syria
Photo: Hội Phật giáo Từ Tế*

INDONESIA-THÁI LAN: RI nhận tượng Phật từ Thái Lan để tăng cường hợp tác.

Jakarta (ANTARA) - Ông AAGN Ari Dwipayana, Điều phối viên Nhân lực Đặc biệt của Tổng thống Indonesia đã tham dự lễ trao tặng "Buddha Rupa" (tượng Phật) cho các Phật tử Indonesia tại chùa Wat Raja Rajabophit Sathimahasimarama ở Bangkok, Thái Lan.

Dwipayana nhấn mạnh rằng tượng Phật không chỉ được trao tặng bởi Vương quốc Thái Lan cho Indonesia, mà những tượng Phật từ Indonesia - đặc biệt là Java - cũng đã được trao tặng cho Thái Lan.

Lễ trao tượng Phật (Buddha Rupa) cho các Phật tử Indonesia đã được tiếp nhận một cách tượng trưng bởi Bhante Pannavaro Mahathera - Tăng đoàn Nguyên thủy Sanghapamokkha của Indonesia.

Kế hoạch dành cho 2 tượng Phật - mỗi tượng cao 3 mét - của Thái Lan tặng sẽ được đặt tôn trí tại 2 địa điểm ở Indonesia: Đó là Chùa Jinapannasarana ở thành phố Perbaungan, huyện Serdang Bedagai, tỉnh Bắc Sumatra và Chùa Buddhataratana, quận Medan Polonia, thành phố Medan, tỉnh Bắc Sumatra.
(ANTARA - March 20, 2023)

NHẬT BẢN: Dao cạo của vị thánh tăng thời trung cổ được trưng bày tại ngôi chùa Higashi Honganji ở Kyoto

KYOTO, Nhật Bản - Một chiếc dao cạo liên quan đến Shinran - một vị thánh tăng thời trung cổ - sẽ được trưng bày lần đầu tiên để kỷ niệm 850 năm ngày sinh của ngài.

Shinran là người sáng lập một trong những giáo phái Phật giáo lớn nhất ở Nhật Bản.

Vào ngày 14-3-2023, một buổi lễ được tổ chức tại chùa Shoren-in để cho chùa Higashi Honganji mượn chiếc dao cạo. Hiện vật lịch sử này sẽ được trưng bày tại chùa Higashi Honganji từ ngày 25-3 đến ngày 29-4.

Con dao cạo dài 21 cm nói trên tương truyền đã được dùng để cạo đầu nhà sư Shinran khi ngài được nhận vào giới tu sĩ

Phật giáo vào năm 9 tuổi.

Con dao cạo râu được cất giữ tại chùa Shoren-in, ngôi chùa xưa kia từng do danh sư Jien trụ trì. Ông được cho là người đã cạo đầu ngài Shinran trong lễ nhập môn.

Sư Shinran, người sáng lập giáo phái Tịnh Độ Chân Tông, là một trong những vị thánh Phật giáo nổi tiếng nhất ở Nhật Bản, với các tiểu thuyết và phim truyền hình nổi tiếng mô tả cuộc đời và giáo lý của ngài.

(asahi.com - March 15, 2023)



Con dao cạo dài 21 cm được cho là đã dùng để cạo đầu nhà sư Shinran khi ngài xuất gia



Photo: Kenta Sujino



SÔNG 40 NĂM HẢI NGOẠI

Hơn bốn mươi năm ở xứ người,
Buồn vui lẫn lộn với đất trời,
Người thương cũng lắm, luôn quý mến,
Kẻ ghét cũng nhiều, vẫn đùa vui.
Vui đạo vui đời, nên cố giữ,
Giảng kinh giảng pháp, chẳng hề lui...
Làm người xứ thể ôi khó thật!
Mặn đắng chua cay lẫn ngọt bùi...

Ngọt bùi mặn đắng cũng cam tâm,
Cố giữ thân tâm: chớ sai lầm...
Học pháp chuyên tâm trừ loạn động,
Hành thiền luyện trí xả tham sân,
Văn tư tu cần hành chuyên nhất,
Giới định huệ giữ đúng vào thân,
Khi xả báo thân mong giải thoát,
Chẳng còn dư nghiệp của thế nhân...

Tuy nhiên tùy nghiệp hệ thọ thân,
Lành dữ do ta tạo cái nhân,
Tạo ác như xe theo con vật, (*)
Làm hiền như bóng chạy theo hình, (*)
Ở chùa chuyên giữ ba thời tụng,
Đi giảng mãi vui mấy thời kinh.
Bốn chục năm qua là thế đó,
Buồn vui vẫn giữ niệm chân tình.

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Quý xuân Quý Mão - March 10th, 2023

Ghi chú:

(*) Lấy ý của hai bài kinh Pháp cú.

Bài 1.- Trong các pháp, Tâm dẫn đầu, Tâm làm chủ, Tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự đau khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe theo chân con vật kéo xe.

Bài 2.- Trong các pháp, Tâm dẫn đầu, Tâm làm chủ, Tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự vui vẻ sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình.

NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC

HT. Thích Thắng Hoan

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

V.- PHÂN LOẠI VẠN PHÁP:

Vạn pháp là danh từ chung gồm chỉ cho những pháp có hình tướng và những pháp không có hình tướng, những pháp thuộc duyên sanh và những pháp thuộc thể tánh. Vạn pháp trong vũ trụ tuy nhiều, theo như Duy Thức Học có thể phân làm 100 loại gọi chung là một trăm pháp. Một trăm pháp nếu như tóm lược nữa thì trở thành hai loại chính: Hữu thể chất pháp và vô thể chất pháp.

A.- Một Trăm Pháp: Một trăm pháp được phân thành năm nhóm:

- 1)- Tâm Pháp: gồm có 8 Tâm Thức
- 2)- Tâm Sở Pháp: gồm có 51 Tâm Sở
- 3)- Sắc Pháp: gồm có 11 loại.
- 4)- Bất Tương Ứng Hành Pháp: gồm có 24 loại.

5)- Vô Vi Pháp: gồm có 6 loại. Chúng ta ngộ được 100 pháp này là thông suốt được vạn pháp.

B.- Hữu Thể Chất Pháp:

Hữu Thể Chất Pháp là những pháp có thể tánh chân thật và những pháp có tâm thức duy trì sức sống để tồn tại. Những pháp có thể tánh chân thật là những pháp do Tạng Như Lai ảnh hiện và những pháp có tâm thức duy trì sức sống là những pháp do Tạng Thức xây dựng.

C.- Vô Thể Chất Pháp:

Vô Thể Chất Pháp là những pháp không có thể chất chân thật, nghĩa là những pháp không có tâm thức hiện hữu để duy trì sức sống và những pháp chỉ do nghiệp duyên nội kết. Những pháp không có tâm thức hiện hữu để duy trì sức sống và được thành hình là do Ý Thức thứ sáu xây dựng. Những pháp chỉ do nghiệp duyên nội kết với hình thức chúng tử nghiệp tướng và nghiệp lực, do Ý Thức thứ sáu chỉ đạo kết hợp qua thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp.

VI.- KHẢO SÁT TÂM THỨC:

A.- Những Nhận Thức Sai Lầm:

1)- **Một số luận thuyết cho rằng:** "Căn Duyên Trần Sanh Thức."

Luận thuyết này sau khi khảo sát có những điểm sai lầm như sau:

a)- Những nhà luận thuyết này nếu đứng trên lập trường Duy Tâm hay Duy Thức thì phạm vào lỗi "Tự ngữ tương vi," nghĩa là lời nói chống lại lập trường của mình, nguyên vì luận thuyết Căn Duyên Trần Sanh Thức là thuộc về luận thuyết của phái Duy Vật chủ trương:

*) Căn là thuộc về vật chất,

*) Trần cũng là thuộc về vật chất,

*) Kết luận: Căn duyên Trần sanh Thức, nghĩa là vật chất sanh tinh thần.

b)- Khảo sát một người ngủ mê: Trong lúc anh A ngủ say mê, chúng ta lấy hạt muối câu vào miệng của anh vẫn thấy miệng của anh cử động liếm muối, nhưng trong lúc đó anh không biết đó là muối và cũng không biết ai chơi phá giấc ngủ của anh. Hiện tượng trên cho thấy:

*) Muối là trần thuộc về vật chất,

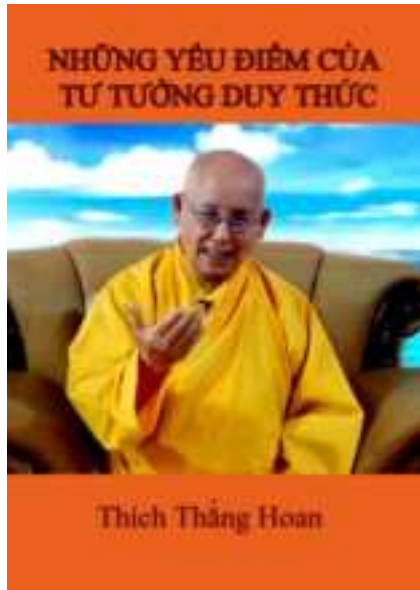
*) Miệng của anh là căn cũng thuộc về vật chất,

*) Kết luận: miệng anh A (căn) duyên vào muối (trần) sao không thấy sanh ra thức (không hiểu biết đó là muối và không hiểu biết ai chơi phá mình)?

c)- Luận thuyết trên so với lời Phật dạy trong kinh cũng không đúng. Đối với vấn đề nhận thức, đức Phật chia thành hai phần: phần năng duyên và phần sở duyên. Phần năng duyên là chỉ cho phần chủ thể nhận thức gồm có sáu loại hiểu biết gọi là sáu Tâm Thức. Phần sở duyên là phần đối tượng của nhận thức gồm có sáu Trần Cảnh. Ngoài phần sở duyên còn có đối tượng thứ hai là phần sở y (phần làm chỗ nương tựa để sinh hoạt hiểu biết). Phần sở y này gồm có sáu Căn (sáu giác quan). Phần sở y (sáu Căn) và phần sở duyên (sáu Trần) cộng chung là 12 Xứ. Sáu Căn cộng với sáu Trần và thêm sáu Tâm Thức vào (phần năng duyên) thì thành 18 Giới. Từ tinh thần đó, chúng ta nhận thấy:

*) Sáu Tâm Thức nương nơi sáu Căn (sở y) để hiểu biết sáu Trần

*) Tuyệt đối không phải sáu Căn duyên nơi sáu Trần để sanh ra sáu Tâm Thức.



*) Kết Luận: sáu Căn duyên nơi sáu Trần sanh ra sáu Tâm Thức là sai với lập trường của đức Phật chủ trương.

2)- **Một số luận thuyết chủ trương:** "Não bộ sanh ra sự hiểu biết."

Luận thuyết này sau khi khảo sát nhận thấy không đúng như sau:

Đại chúng trong một đạo tràng đang ngồi nghe giảng sư thuyết pháp. Trong số thính giả, có một người đang ngủ ngời một cách say mê. Tiếng nói của giảng sư vẫn vang động ào ạt khắp đạo tràng, nhưng người ngủ mê vẫn không nghe biết chi cả. Hiện tượng đó cho thấy:

*) Âm thanh của giảng sư vẫn tràn vào hai lỗ tai của người ngủ say,

*) Não bộ của người ngủ say vẫn không bị hư, vẫn tiếp xúc với âm thanh của giảng sư.

*) Nhưng tại sao não bộ của người ngủ say kia không hiểu biết vị giảng sư đang thuyết những pháp gì?

*) Kết luận: não bộ không phải sanh ra sự hiểu biết.

3)- **Một số luận thuyết như Tâm Lý Học Phổ Thông cho rằng:** "Não bộ có khả năng bảo trì và tàng trữ."

Theo đại sư Thái Hư, luận thuyết này không thể thành lập. Trong tác phẩm *Khái Luận Về Pháp Tướng Duy Thức Học* (dịch giả Thích Thắng Hoan, trang 84 – 85), đại sư Thái Hư giải thích rằng:

*) "Não bộ ước lượng chỉ độ một tấc vuông thì làm sao có thể bảo trì và tàng trữ những vật quá to tát rộng lớn bao la như nhũ cửa, vũ trụ, biển cả, nước non, v.v... cho đến chỗ rất xa tít mù kia có thể nhìn thấy được?"

*) "Thử hỏi làm cách nào mà đem nhà cửa, vũ trụ, biển cả, nước non đã nhìn thấy đôn nhét vào não bộ chỉ một tấc vuông?"

*) "Giả sử nói rằng: não bộ bảo trì và tàng trữ cũng giống như máy nhiếp ảnh thu ảnh vào, nhưng máy nhiếp ảnh chỉ thu được ảnh tử của hình bóng sự vật mà không thể thấy được và đo lường được vấn đề lớn nhỏ của sự vật giống như sự thật và sự đo lường của Nhãn Thức."

*) "Hơn nữa hình ảnh của máy nhiếp ảnh thì lẫn lộn, không theo thứ tự như não bộ."

Thí dụ như mình nhớ hình ảnh nào thì hình ảnh đó trong bộ não hiện ra không chút lẫn lộn, v.v...

Qua những dữ kiện trên cho thấy, não bộ không có khả năng bảo trì và tàng trữ. Não bộ chỉ có giá trị như monitor của computer mà thôi.

4)- **Một số luận thuyết cho rằng:** Ý Thức thứ sáu là ông chủ hiểu biết. Ý Thức thứ sáu phân



phối vào con mắt để thấy hình sắc (sắc trần), phân phối vào lỗ tai để nghe âm thanh (thính trần), phân phối vào lỗ mũi để ngửi mùi hương (hương trần), phân phối vào miệng lưỡi để nếm chất vị (vị trần), phân phối vào thân thể để cảm xúc (xúc trần). Trường hợp này cũng giống như dòng điện chạy vào bóng đèn để soi sáng, chạy vào quạt máy để quay, chạy vào Radio để phát thanh, chạy vào TV để chiếu hình, v.v...

Luận thuyết này sau khi khảo sát cảm thấy không được đúng pháp:

*) Ý Thức thứ sáu nếu là trung tâm phân phối để hiểu biết thì Ý Thức thứ sáu muốn như thế nào năm giác quan kia cũng phải nghe theo. Nhưng trên thực tế tại sao Ý Thức thứ sáu muốn nghỉ để ngày mai có sức đi làm việc mà giác quan con mắt không

chịu nghe theo khiến cho con người phải thức suốt đêm.

*) Trường hợp thứ hai, con người hiện đang cầm chìa khóa xe trong tay của mình mà không hay biết để phải đi tìm kiếm khắp nơi.

*) Những hiện tượng trên cho thấy, Ý Thức thứ sáu không phải là trung tâm phân phối cho năm giác quan để hiểu biết năm trần cảnh bên ngoài mà ở đây mỗi tâm thức đều có hạt giống (chủng tử) riêng, có nguồn thể riêng và Ý Thức thứ sáu chỉ là quan hệ với tư cách lãnh đạo năm tâm thức trước trong sự sinh hoạt hiểu biết vạn pháp.

B.- Vấn Đề Bốn Phần:

Căn cứ nơi sự sinh hoại để hiểu biết vạn pháp, nhà Duy Thức chia mỗi Tâm Thức thành bốn phần khác nhau để khảo sát: Kiến Phần, Tướng Phần, Tự Chứng Phần và Chứng Tự Chứng Phần.

1)- Định Nghĩa:

Theo *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* cùng một tác giả, quyển I, trang 148 giải thích:

a)- Kiến Phần: là phần chủ thể của sự hiểu biết (Subject of Understanding), cũng gọi là phần Năng Tri của Tâm Thức hoặc gọi là phần Năng Duyên của Tâm Thức để hiểu biết.

b)- Tướng Phần: là phần đối tượng để hiểu biết (Object of Understanding), cũng gọi là phần Sở Tri của Tâm Thức hoặc gọi là phần Sở Duyên của Tâm Thức để có hiểu biết.

c)- Tự Chứng Phần: là phần thể chất của Tâm Thức. phần này có khả năng kiểm soát và chứng thực sự hiểu biết vạn pháp hoặc đúng hoặc sai của Kiến Phần. Đây là chỉ cho khối năng lượng của Tâm Thức ở trạng thái hạt giống (chủng tử).

d)- Chứng Tự Chứng Phần: là phần Tướng Trạng (Form) của mỗi Tâm Thức ở trạng thái hạt giống (chủng). Phần này có khả năng xác định sau

cùng cho sự kiểm soát và chứng thực đúng hoặc sai của Tự Chứng Phần, đồng thời bảo vệ và duy trì phần thể chất của mỗi Tâm Thức được tồn tại mãi với hình thức là Tự Chứng Phần không bị biến thể. Phần này cũng gọi là Căn Thức (tánh chất của mỗi Tâm Thức) có nhiệm vụ bảo trì hạt giống (chủng tử) Tâm Thức và hỗ trợ Tự Chứng Phần làm nền tảng (Foundation) cho Kiến Phần nương tựa sinh hoạt.

Đây là định nghĩa tổng quát bốn phần của mỗi Tâm Thức khi tác dụng để hiểu biết vạn pháp.

Mỗi con người hay mỗi chúng sanh hữu tình dù lớn hay nhỏ bé như mỗi con vi trùng đều có tám hiểu biết (tám chủ thể nhận thức) khác nhau mà không thể thay thế cho nhau để hiểu biết, thường gọi là tám Tâm Thức, cũng gọi là tám Năng Tri hoặc tám Năng Duyên.

2)- **Giá Trị Hiểu Biết:**(Giá Trị Năng Tri)

a)- Nhãn Thức chỉ có khả năng hiểu biết sự vật về phương diện nhìn thấy hình tướng mà không có khả năng hiểu biết về phương diện nghe tiếng, về phương diện ngửi mùi, về phương diện nếm vị, về phương diện cảm xúc, v.v....

b)- Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức và Thân Thức đều cũng giống như thế, nghĩa là mỗi Tâm Thức chỉ có khả năng hiểu biết sự vật trong lãnh vực của mình mà không có khả năng hiểu biết sự vật sang các lãnh vực khác.

c)- Ý Thức thứ sáu chỉ có khả năng hiểu biết tánh chất, giá trị và ý nghĩa (Pháp Trần) của vạn pháp về phương diện phân biệt mà không có khả năng hiểu biết sang các lãnh vực khác như, nhìn thấy hình tướng, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, cảm xúc, v.v....

d)- Thức Mạt Na thứ bảy chỉ có khả năng hiểu biết vạn pháp về phương diện so đo chấp trước mà không có khả năng hiểu biết sang các lãnh vực khác giống như sự hiểu biết của Ý Thức thứ sáu và cũng như sự hiểu biết của năm Tâm Thức ở trước.

e)- Thức A Lại Da (Alaya) thứ tám chỉ có khả năng hiểu biết vạn pháp về phương diện xây dựng hệ thống sinh lý thân thể, về phương diện phát triển cơ năng, và về phương diện bảo trì sự tồn tại của sinh mệnh muôn loài. Ngoài ra, Thức A Lại Da thứ tám không có khả năng hiểu biết vạn pháp giống như sự hiểu biết của bảy Tâm Thức vừa kể trên.

(còn tiếp)



LẬP HẠNH

*Lập hạnh rèn tu đẹp cõi đời
Dương trần phúc âm chẳng nào rời
Tâm an kệ tụng thiền đầu bước
Dạ dữ lòng rong ác khó rời*

*Gặp Pháp xin nguyện nương tựa Phật
Theo Thầy linh giáo đèn ơn Tăng
Ngày đêm cứ thế xa dân khổ
Hy lạc tuôn tràn rải khắp nơi.*

TRANG NGHIÊM CÔI TỊNH

*Huyền linh trái rộng chẳng vô tri
Vạn cảnh xoay vần rõ tế vi
Cứ gọi tâm rong... còn lỡ nữa!
Thêm hoài mộng tưởng... để không gì*

*Kinh thâm mãi tụng càng nhanh tỏ
Pháp bảo luôn cầu chớ nhọc nghi
Đạo hạnh ân sư thời giáo dưỡng
Nguồn chơn vốn tịnh bất tư nghi.*

DUYÊN ĐỜI

*Trần gian đã xuống bởi duyên đời
Phận đời thăng trầm... Sóng biển khơi
Rõ biết quần sinh đều tạm gọi
Rời ra vạn nỗi vốn đau đời*

*Thân hờ rán ngẫm... càng thương hồi
Kiếp bạc suy hoài... xả lỡ rời
Tự hiểu... nào ai cùng công với
Buồn chi lẽ đạo ứng trong trời...*

thơ MINH ĐẠO

Ý NGHĨA TỊNH ĐỘ

HT. Thích Trí Thủ

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

A- SAO GỌI LÀ TỊNH ĐỘ?

Tịnh độ là chỉ cho quốc độ trang nghiêm thanh tịnh khiết an tịnh quốc, độ ấy tối thiểu phải có những điều kiện về nhân dân và thổ địa như sau:

a) Về nhân dân (Chánh báo)

- 1) An lạc vô bệnh.
 - 2) Thọ mạng lâu dài.
 - 3) Thân tướng đẹp đẽ.
 - 4) Không có sự bất bình đẳng về giàu nghèo, sang hèn.
 - 5) Tâm tánh nhu hòa, đạo đức cao thượng.
 - 6) Đạo tâm kiên cố.
 - 7) Mọi người đều do hóa sanh mà có, không do thai sanh là kết quả của dâm dục ô trược.
 - 8) Không có sự sai khác về nhỏ lớn, già trẻ, mạnh yếu.
 - 9) Không dơ bẩn ô uế.
 - 10) Tâm trí phóng khoáng, thông đạt.
 - 11) Hết luân hồi trong lục đạo.
 - 12) Đủ sáu món thần thông.
 - 13) Đầy đủ huệ nhãn, chánh kiến.
- Mười ba món trang nghiêm thanh tịnh trên đây thuộc phần chúng sanh thể gian (chánh báo).

b) Về thổ địa (y báo)

- 1) Đất đai bằng phẳng đầy châu ngọc trong suốt; không có khe hố núi gò lờm chớm và ao rãnh sông ngòi hùng hê.
- 2) Không có các nạn thiên tai như lụt bão, sấm sét, đại hạn, địa chấn, gây ra mất mùa đói rét.
- 3) Bầu trời luôn luôn quang đặng, không cần ánh sáng mặt trời mặt trăng hay đèn nến.
- 4) Tất cả vật dụng luôn luôn mới mẻ, không vỡ, không hư, không mục nát, không cũ nhớp.
- 5) Phong cảnh xinh tươi, cây hoa đẹp để lâu gác mỹ lệ, không cần nhọc công kiến trúc trang hoàng mà tự nhiên hiện thành.
- 6) Khí trời luôn luôn mát mẻ.
- 7) Âm nhạc nhiệm màu hòa tấu tự nhiên hay ngưng dứt tùy theo sở thích người nghe.
- 8) Không có động vật nào khác, ngoài loài người, trừ sự biến hóa của Phật.
- 9) Hồ nước trong thơm ngọt ngào; cạn sâu ấm mát tùy từng sở thích.
- 10) Cảnh vật tiếp xúc gây được khoái cảm nhẹ nhàng mà không làm chao động đạo niệm.
- 11) Bày báu và vật dụng tự nhiên thành tựu để cung ứng đầy đủ mà không cần đến sức người.
- 12) Không có các sự trần lao phiền não.
- 13) Không có nạn nhân mãn, mặc dù dân số vãng sanh mỗi ngày mỗi tăng.
- 14) Nhân dân sống trong thái bình an lạc, không có tà ma ngoại đạo bức hiếp.



Mười bốn món trang nghiêm thanh tịnh thứ hai này thuộc phần "Khí thể gian" (y báo).

Có đầy đủ cả hai phần "chúng sanh thể gian" và "khí thể gian" trang nghiêm thanh tịnh như thế mới được gọi là Tịnh độ.

B- CÁC CÕI TỊNH ĐỘ TRONG MƯỜI PHƯƠNG

Trong mười phương hư không có vô lượng vô số quốc độ với những trang hưởng khổ vui ngàn sai muôn khác. Nguyên nhân thành tựu các quốc độ sai khác ấy tuyệt đối không do một sức thần thánh nào hoặc một sự ngẫu nhiên nào tạo thành.

Quốc độ tuy nhiều, nhưng khái quát có thể chia thành hai loại:

1) Quốc độ do công nghiệp của chúng sanh duyên khởi. Công nghiệp ấy cảm thành quốc độ y báo chung, để chúng sanh tùy từng biệt nghiệp thiện hay ác mà thọ quả báo hoặc vui hoặc khổ.

2) Quốc độ do Phật và Bồ tát hóa hiện để dùng làm chốn đạo tràng độ sanh.

Loại trước gọi là uế độ. Vì nguyên nhân trong quá khứ, chúng sanh làm điều phước đức ít, mà gây điều tội ác nhiều nên cảm báo thành quốc độ vui ít khổ nhiều.

Loại sau gọi là Tịnh độ. Vì nguyên nhân tạo nên quốc độ này là do sức phước huệ của Chư Phật Bồ tát, sức gia trì của bốn tâm vô lượng: Từ, bi, hỷ, xả. Thêm vào các nguyên nhân ấy lại có tăng thượng duyên là công đức tu tập của chúng sanh hồi hướng nguyện sanh về các cõi ấy. Có sự cảm ứng đạo giao giữa nội nhân và ngoại duyên ấy liên hệ với nhau nên mới duyên khởi được quốc độ trang nghiêm thanh tịnh thuần vui không có khổ nhưn tội báo xen vào.

Trong mười phương thế giới có vô số uế độ nhưng cũng có vô số Tịnh độ. Trong các uế độ, thế giới Ta bà của chúng ta mới chỉ là một. Nếu ta tưởng rằng chỉ có một uế độ này thôi thì đó là một sự đại lầm lẫn. Cũng như trong các Tịnh độ, thế giới Cực lạc của Đức A Di Đà cũng mới chỉ là một. Nếu không hiểu rằng giữa hư không vô tận còn có vô lượng Tịnh độ khác của Chư Phật, đó lại cũng là một sự đại lầm lẫn khác nữa.

Trong ba bộ kinh nói về Tịnh độ sơ dĩ Đức Phật chỉ chuyên nói về thế giới Cực lạc là chỉ vì một lý do sẽ nói ở sau. Ngoài ra, trong kinh "Dược sư lưu ly bản nguyện công đức." Ngài còn nói đến cõi Tịnh độ Tịnh lưu ly của Đức Dược sư Như Lai; trong kinh "Đại Bửu tích Ngài còn nói đến cõi Tịnh độ Diệu hỷ của Đức Bất Động Như Lai; hay trong kinh "Di Lạc thượng sanh" Ngài còn nói đến cõi Tịnh độ Đầu Suất của Đức Di Lạc Bồ tát. Tuy nhiên, đó cũng chỉ mới sơ lược kể qua vài ba cõi mà thôi. Kỳ thật, trong mười phương thế giới có hằng hà sa số chư Phật thì cũng có hằng hà sa số cõi Tịnh độ. Những chúng sanh nào được sanh về các Tịnh độ ấy đều do nhơn duyên riêng và tại mỗi cõi đều có phương pháp tu hành khác nhau, phù hợp với từng nhơn duyên. Tu hành y theo phương pháp nào thì đến khi thuần thực sẽ được vắng sanh về cõi Tịnh độ đó. Phương pháp tu hành cầu quả vắng sanh Tịnh độ thì gọi là phép tu Tịnh độ.

Các cõi Tịnh độ trong mười phương có nhiều vô lượng mà pháp tu cũng có nhiều vô số. Vậy ai theo phương pháp của cõi nào cũng đều có thể tùy nguyện được vắng sanh ở cõi ấy.

Ở đây riêng đối với thế giới Cực lạc Tây phương, Đức Phật đặc biệt tán thán và giới thiệu một cách tường tận hơn cả là vì chúng sanh ở cõi này, lòng tham dục quá nặng, đức tin quá yếu nên tâm chí loạn động; trong tình trạng đó, nếu giới thiệu nhiều cõi Tịnh độ quá thì sợ khó thành tựu, Cho nên, chỉ đặc biệt nói nhiều về một cõi Tây phương Cực lạc, khiến nghe chuyên nhất tập trung ý chí hướng về một mối, mới ghi nhớ dễ dàng và thấu hoạch có hiệu quả.

C- CÁC LOẠI TỊNH ĐỘ SAI KHÁC

Tịnh độ hay uế độ tuy hình như thuộc ngoại cảnh nhưng sự thật thì đều do nhứt tâm biến hiện. Chư Phật khi lấy diệu dụng của tịnh thức biến hiện ra Tịnh độ, vì tác dụng có sai khác nên danh nghĩa Tịnh độ cũng tùy đó mà có sai khác.

Căn cứ vào Tây phương Hiệp luận đã chép thì Tịnh độ có 10 loại không đồng nhau.

1) TỶ LÔ GIÁ NA TỊNH ĐỘ

Tỷ lô giá na tức là pháp thân của Chư Phật, Hán dịch là biến nhứt thể xứ (nghĩa là cùng khắp nơi chốn). Cõi Tịnh độ này bất luận ở đâu cũng hóa hiện được, vì ở đâu cũng có vô lượng hóa Phật. Đây cũng tức là báo độ của chư Phật.

2) DUY TÂM TỊNH ĐỘ

Loại Tịnh độ này tùy tâm biến hiện. Tâm uế thì quốc độ uế, tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Như trong kinh Duy Ma Cật dạy: "Trực tâm là Tịnh độ của Bồ tát; khi Bồ tát thành Phật những chúng sanh trung trực đều vắng sanh về cõi ấy... Nếu Bồ tát muốn được quả Tịnh độ phải tịnh lòng mình; tùy lòng mình tịnh thì cõi Phật tịnh."

Đó là nghĩa của Duy tâm Tịnh độ.



3) HẰNG CHƠN TỊNH ĐỘ

Hằng chơn Tịnh độ tức như cảnh giới mà Đức Phật đã thị hiện trên hội Linh Sơn để hướng dẫn hàng tam thừa quyền giáo Bồ tát, cho họ biết rằng ở cõi này tuy ô uế nhưng cũng chính đó là cõi thanh tịnh vậy. Trong kinh chép rằng trên hội Linh Sơn, các đệ tử hỏi Phật vì sao cảnh giới của Ngài hiện đương sống lúc bấy giờ (núi Linh Thứu) lại cũng ô uế bất tịnh, thế thì nhơn địa tu hành của Ngài cũng bất tịnh chăng? Phật liền lấy ngón chân ấn xuống đất, cảnh uế độ liền biến thành trang nghiêm thanh tịnh.

Như vậy cảnh hằng chơn Tịnh độ này là một cảnh hằng thường, nhưng biến hiện tùy theo nghiệp nhơn của chúng sanh mà thấy có tịnh hay có uế.

4) BIẾN HIỆN TỊNH ĐỘ

Biến hiện Tịnh độ là do sức gia cảm của Phật mà có biến hiện. Như trong kinh bát nhã nói đức Phật dùng thần lực biến thế giới này thành một thế giới như ngọc lưu ly, có đủ bảy báu trang nghiêm và hoa sen rải khắp mặt đất. Cảnh giới ấy tức là cảnh giới mà Đức Phật tạm thời biến hiện để cho chúng ta thấy rằng bản lai diện mục của uế độ tức cũng chính là Tịnh độ vậy.

5) KÝ BẢO TỊNH ĐỘ

Luận Khởi Tín chép rằng: "Khi Bồ tát hoàn mãn công đức, sanh lên cung trời Sắc Cứu Kỉnh thì hiện ra thân tướng rất cao lớn. Trước khi bồ xứ kế vị thành Phật, Bồ tát tạm ký thác báo thân ở đó một thời gian, nên gọi cung trời ấy là ký bảo Tịnh độ", như cung trời Đầu Suất của đức Bồ tát Di Lạc hiện an trú trước khi sẽ bồ xứ thành Phật.

6) PHÂN THÂN TỊNH ĐỘ

Theo kinh Niết Bàn, Phật bảo Ương Quật rằng: "Người không biết rằng ta đã an trú trong thực tại vô sanh. Nếu người không tin, cứ qua Đông phương hỏi Đức Phật ở đấy tên gì thì sẽ nghe Ngài tự giới thiệu: "Thích Ca là ta"!

Không có gì đáng ngạc nhiên cả, vì nên biết rằng pháp thân của Phật đã an trú trong thực tại vô sanh thì đức Phật ở Đông phương hay ở cùng khắp mười phương đều cũng chỉ là phân thân của một đức Phật mà thôi vậy.



7) Y THA TỊNH ĐỘ

Kinh Phạm Võng: “Nay ta là Lô Xá Na ngồi trên đài sen gồm có ngàn hoa. Trên ngàn hoa ấy lại thị hiện ngàn thân Thích Ca. Mỗi hoa lại biến thành trăm ức cõi Phật và trong mỗi cõi lại hiện ra một thích Ca.”

Các cõi được thị hiện như vậy gọi là báo thân tha thọ dụng (hiện báo thân cho người khác thọ dụng) mà chỉ có Đấng địa Bồ tát mới trông thấy. (Đấng địa nghĩa là đã lên từ nhứt địa tới thập địa).

8) THẬP PHƯƠNG TỊNH ĐỘ

Thập phương Tịnh độ là các cõi Tịnh độ trong mười phương. Như ở Đông phương thì có các cõi Tịnh độ của đức Phật A súc, đức Phật Dược sư, đức Phật Tu Di Đấng Vương ... Nam phương có cõi Tịnh độ của đức Phật Nhật Nguyệt Đấng ..., Thượng phương có cõi Tịnh độ của đức Phật Hương tích v.v...

Mỗi đức Phật đều an trú tại một cõi Tịnh độ thanh tịnh trang nghiêm không còn có trần cấu.

9) NHỨT TÂM TỊNH ĐỘ

Loại Tịnh độ này nương nơi tâm mà biến hiện và tùy theo công năng tu chứng cao thấp nên có phân ra bốn bậc không đồng.

a) Phàm Thánh đồng cư Tịnh độ

Đây là quốc độ của hàng nhị thừa và nhơn thiên. Nhị thừa là Thánh; nhơn thiên là phàm. Thánh phàm cùng ở chung nên gọi là Phàm Thánh đồng cư, lại vì tính chất tịnh uế không đồng mà có chia thành hai thứ. Như cõi Ta bà là đồng cư uế độ; cõi Cực lực là đồng cư Tịnh độ.

b) Phương tiện hữu dư Tịnh độ

Đây là cảnh giới an trú của hàng tiểu thừa. Hàng tiểu thừa nhờ đoạn được phiền não của kiến hoặc và tư hoặc nên thoát ra khỏi tam giới. Kiến hoặc là sự mê lầm về kiến thức, tư hoặc là sự mê lầm về tư tưởng. Trên con đường tu chứng, đoạn trừ kiến hoặc và tư hoặc chỉ là mới đạt được phương tiện chứ chưa đạt được cứu cánh. Còn cần phải tiến lên nữa và phải đoạn hai món mê lầm là trần sa hoặc (mê lầm nhỏ như cát bụi) và vô minh hoặc (mê lầm căn bản) mới thật gọi là chứng quả. Trần sa hoặc là sự mê lầm nhỏ nhặt như vi trần; vô minh hoặc là sự mê lầm cội gốc do căn bản vô minh gây nên. Đoạn kiến hoặc và tư hoặc chỉ là mới đạt được phương tiện, nên hành giả còn phải

tu tiến thêm nữa; vì vậy gọi là phương tiện hữu dư. Hữu dư nghĩa là còn sót, chưa tốt ráo.

c) Thật báo vô chướng ngại Tịnh độ

Đây là cảnh giới an trú của các vị đại Bồ tát. Các vị đại Bồ tát nương theo phương pháp chơn thật mà tu hành cảm được quả báo thù thắng chơn thật; sắc giới (vật chất) cũng như tâm giới (tinh thần) không còn gây chướng ngại đối với Bồ tát nên gọi là thật báo vô chướng ngại. Cảnh giới của các vị Bồ tát đã tu chứng.

d) Thường tịch quang Tịnh độ

Đây cũng tức là cảnh giới đại Niết bàn của Chư Phật an trú. Thể tánh của cảnh giới này thường vắng lặng mà vẫn thường quang minh vì do trí huệ của Phật hằng thường tỏa chiếu cùng khắp. Vì thế nên gọi là thường tịch quang độ. Thường tịch nghĩa là thường vắng lặng, thường quang nghĩa là thường soi sáng.

10) BẤT KHẢ TƯ NGHÌ TỊNH ĐỘ

Bất khả tư nghĩ Tịnh độ tức là cảnh giới Cực lạc của đức Phật A Di Đà để thâm nhiếp, tiếp nhận chúng sanh trong mười phương. Sức thâm nhiếp ấy không thể nghĩ bàn, vì ngoài sức tư tưởng và luận bàn của chúng sanh.

Đây là chỉ đứng về nghĩa thù thắng của cảnh giới Cực lạc mà nói, chứ sự thật thì tất cả các cõi Tịnh độ trong mười phương đều có công năng thâm nhiếp tiếp nhận và đều có tác dụng bất khả tư nghĩ như thế.

Tóm lại, 10 cảnh Tịnh độ trên này tuy có sai khác về danh từ, nhưng cùng đồng nhất tâm biến hiện, vì cõi Tịnh độ nào cũng đều lấy sự thâm nhiếp nhận chúng sanh bất khả tư nghĩ làm căn bản, Cho nên, nói một cõi tức gồm đủ cả bốn cõi: đồng cư, phương tiện, thật báo và tịch quang. Sự lập danh sai khác chẳng qua là tùy theo mỗi phương tiện mà thôi.

Ở đây chỉ riêng chú trọng về cõi Tịnh độ Cực lạc của đức Phật A Di Đà là vì cõi ấy rất có quan hệ mật thiết với chúng ta, như Đức Thích Ca đã dạy.

Vì vậy cõi Cực lạc Tịnh độ là mục tiêu chính để cho chúng ta tập trung tất cả lực lượng tư tưởng vào đó. Nếu thật chứng được một cõi Tịnh độ ấy thì bao nhiêu cõi Tịnh độ khác cũng đều chứng được.

HOA NGHIÊM PHÁP GIỚI QUÁN

Tuệ Sỹ

TU TƯỜNG PHẬT HỌC

Thế giới của Hoa nghiêm được biểu tượng như một hoa sen nghìn cánh, trong đó mỗi sự vật như một tấm kính chiếu phản chiếu lẫn nhau. Thế giới này hoàn toàn có tính cách giả tưởng, nhưng các nhà Hoa nghiêm tông nỗ lực mang lại cho ý thức giả tưởng ấy một nội dung cụ thể và sống động, độc giả có thể thấy như vậy bởi những trang trình bày sau đây.

Bài này chỉ là quảng diễn tác phẩm: **Hoa nghiêm Pháp giới Tam quán** của Đại sư Đỗ Thuận (557-640), nhưng nguyên bản hình như thất truyền: có giả thuyết cho rằng đây không phải là tác phẩm của Đỗ Thuận. Tuy nhiên, Tam quán vẫn là họa đồ tổng quát dẫn vào thế giới Hoa nghiêm, do đó gán cho khai tổ của nó là Đỗ Thuận vẫn không có gì quá đáng.

– Không có nguyên bản, nhưng chúng tôi y cứ theo nguyên văn được ghi lại trong các tác phẩm sau đây:

Hoa nghiêm Pháp giới Huyền kinh của Trường Quán (737-838) (DTK. 1883)
Chú Hoa nghiêm Pháp giới Quán môn của Tùng Mật (780-841) (DTK. 1884)



Giới hạn trong những sinh hoạt không tục, khả năng tạo tác của tâm hành luôn luôn cứ trên kinh nghiệm thấu đạt được từ một thế giới mà trật tự như đã được an bài cố định ở đó, bằng một thế lực tuyệt đối nào đó. Ngay cả trong những sinh hoạt giả tưởng, tác dụng của tâm hành vẫn phải đổi theo hình ảnh của những cái mệnh danh là thực chất của kinh nghiệm. Nó sinh hoạt trong một thế giới đã có đó. Nơi thế giới này, có tất cả những yếu tố cần thiết cho sự tạo tác của tâm; ngay cả tạo tác giả tưởng. Một hình ảnh tuyệt đối được phóng đại từ chiều cao chót vót của ngọn núi. Một lãnh vực sâu thẳm huyền ảo, là hình ảnh của lòng biển. Thế giới trải dài ra vô hạn là hình ảnh khoáng trương từ mặt biển bao la. Sau hết, hình ảnh của những giấc mộng đã mang lại cho thế giới này một dáng dấp nửa hư nửa thực.

Dù vậy, chúng ta vẫn có thể xác tín về khả năng sáng tạo không giới hạn của tâm hành. Nó có thể bồi xóa tất cả những dấu vết ghi được từ một thế giới đã có đó; và từ nơi lòng trống không hư này của chính nó, nó tạo dựng lên những cái

đó bằng các yếu tố không hư. Ý kiến này hình như nghe được, đáng chấp nhận. Nhưng kèm theo, nó đã quyết rằng tâm như là tác giả chủ trì một cách tự do trong những tác dụng một tác giả tự hữu, tự chủ, tự tại. Nếu không quả quyết như vậy mà nói đến sự sáng tạo của tâm, thì quả thật là một điều lạ. Thế chưa có gì đáng lấy làm lạ. Điều đáng lạ hơn là tại sao phải có một tác giả chủ trì sự tạo tác, ta mới hiểu và ước lượng được sự diễn tiến của tạo tác ấy. Nghi vấn này quả quyết với ta

rằng, thế giới đã có, trật tự đã được an bài cố định ở đó; đây là vận chuyển của vạn hữu, đây là chỗ tác động của tâm hành; vận vẫn. Rồi cũng trong thế giới đó, có những người tự đứng đứng lên chống lại trật tự của nó; dù vậy họ vẫn không cố tình đảo lộn trật tự đã được an bài từ trước. Thế giới chống lại chính nó, thế giới tự thành, tự hủy: đâu là tác giả?

Bây giờ, cũng từ một thế giới có trật tự ở đó, người ta đã vận dụng tâm hành như thế nào mà có thể thâm nhập vô số thế giới khác vào trong mỗi một hạt bụi; và trật tự cố định vẫn vĩnh viễn cố định?

Người ta giả thiết như sau:

I. Thế giới trước mắt ta xuất hiện từ hư vô. Nếu thử xóa bỏ tất cả dấu vết của nó được ghi ở tâm hành; tâm hành trở nên khoáng trống không hư. Và thế giới biến mất một cách lặng lẽ, vô thanh vô tức.

II. Tâm hành khởi lên tác dụng, miền im lặng tịch nhiên của hư vô bị chấn động: bây giờ nói rằng hư vô xuất hiện, và quả thực đây là một câu nói vô nghĩa. Vô nghĩa, nhưng lại là sự thực của tâm hành; một sự thực như có như không. Đây là lúc tâm hành tác động một cách tự tại giữa cực đoan của hữu tướng và vô tướng, giữa hư vô và hiện hữu.

III. Không còn giới hạn cực đoan nào nữa; tâm hành tự do phối trí trật tự của thế giới – một trong tất cả, tất cả trong một vận vẫn.

Chúng ta quảng diễn các điểm vừa nói.

I. CHÂN KHÔNG QUÁN

Có hai khái niệm tương phản về không, một thuộc lý tánh trừu tượng: tánh Không; và một thuộc sự tướng cụ thể: hư không. Trong tác dụng của ngôn ngữ, cả hai xuất hiện hoặc như một,

hoặc như hai, không chống trái lẫn nhau, tùy theo mục đích diễn tả của ngôn ngữ. Trong tác dụng của tâm hành, tánh Không trực tiếp xuất hiện, không làm đối tượng quán sát. Bằng mọi cách, tánh Không được biểu tượng như là hư không. Tính chất vô hạn, vô phân biệt, cả đến vô hình tích của hư không có thể tượng trưng cho tánh Không. Nơi đây, tác dụng của tâm hành là y cứ trên những cái xuất hiện trong tri thức thường nghiệm, rồi khoáng đại thành bản tính vượt ngoài kinh nghiệm giả tưởng. Nó thực hiện điều này bằng cách thức gọi là ngược chiều hay nghịch lưu. Thí dụ, đối chiếu với cái thường, nó đi ngược chiều và cuối cùng đạt đến khái niệm về sát na sinh diệt, một khái niệm hợp lý, nhưng đẩy về giả tưởng và hoàn toàn vượt ngoài lãnh vực thường nghiệm.



Muốn hình dung một thể giới chân không, theo chủ định đã nói, trước tiên nó hình dung đây là một thể giới trống rỗng; kể đến trống rỗng như hư không: và sụ hết, vô hạn như hư không.

Sự trống rỗng là một khái niệm cụ thể, đối lập với khái niệm về sắc hay hình chất. Người ta vận dụng cặp đôi cụ thể và đối lập này để tiến đến Chân Không, vượt hẳn thế giới thường nghiệm, qua bốn lớp.

1. HỘI SẮC QUI KHÔNG

Nếu căn cứ phân biệt duyên khởi, khám phá ra bản tánh vô tự tánh của sắc - của hình chất; ta có cái không của bản tánh, nó trừu tượng. Nơi đây, qui chiếu sắc vào không, bản tánh của sắc là không. Sự qui chiếu này gán cho khái niệm về không hai khái niệm tương phản, mà ta đã biết: vừa là tánh Không vừa là hư không. Nó là cái không của hư không nên tương phản với sắc; nó là cái xuất hiện sau khi sắc đã biến mất. Như vậy, đối chiếu với không, qui chiếu vào không, sắc không phải là không, vì sự tương phản giữa hư không và hình chất; nhưng cũng chính sắc đó là không, vì tính và tướng là một. Vì giới hạn trong tác dụng thường nghiệm của tâm hành, lối qui định Sắc tức là không ở đây chỉ có tính cách giả tạm.

Thực sự, nếu trong lãnh vực tư biện của ngôn ngữ, ta có thể nói, không cần qua trung gian một hình ảnh không hư như hư không mới đặt được tánh Không vào tác dụng của tâm hành. Nhưng theo đường lối phân biệt của ngôn ngữ này, tánh Không sẽ được tượng hình bằng những dáng vẻ mộng ảo, bất thực, mà ta thường biết qua các thí dụ, như quang năng, như hoa đốm giữa trời, như quái tượng giữa sa mạc. Đó cũng là một cách qui định tánh Không ngay trong những cảnh vật hữu

hình nhưng bất thực. Ta có thể quả quyết, nếu không y cứ vào những ấn tượng đã có từ kinh nghiệm thì không còn cách nào thực hiện những lý tưởng cứu cánh ngay trong đời sống. Ở đây, trong tác dụng của tâm hành, sự qui định Sắc và không cũng nằm trên chiều hướng đó. Và ta biết rằng đây là chiều hướng của giả thi thiết.

2. KHÔNG TỨC SẮC

Chúng ta quả quyết, tác dụng của tâm hành chỉ có thể diễn ra trong những đối tượng khả tri, tức có thể tượng một cách cụ thể. Ta cũng biết thêm rằng, trong lãnh vực gọi là cụ thể hay nghiệm này, tùy theo vị trí bất đồng mà kết quả đạt được trong tâm hành cũng bất đồng. Như vậy, ta phân biệt sự sai biệt giữa hai vị trí hoặc sắc hoặc không kết quả, Sắc tức

không không giống như không tức Sắc. Trong diễn tả của ngôn ngữ, sự thay đổi vị trí này hình như không mấy quan hệ, nhưng trong tác dụng của tâm hành, mỗi vị trí là quyết định một chiều hướng sai biệt.

Sau đây thử trích dẫn trình bày của Đỗ Thuận, và tất nhiên trong tính cách diễn tả của lý luận ngôn ngữ, ta không thấy sai biệt nào hết.

* Trích dẫn 1.

- Về *hội sắc qui không*. Lý luận 1: «Sắc Không tức là không vì tức là không vậy».

- Về *không tức sắc*. Lý luận 1: (không không tức là sắc, vì sắc là sắc vậy).

* Trích dẫn 2.

- Về *hội sắc sắc qui không*. Lý luận 4: «Sắc tức là không vì sao? Phạm là Sắc tất Không khác với chân không».

- Về *không tức sắc*. Lý luận: «không tức Sắc. Vì sao? phạm là chân không khác với Sắc?»

Nếu khởi đi từ Sắc, tác dụng của tâm hành diễn ra trong một chiều độc nhất, luôn luôn vì sắc cho nên không; và kết quả đạt được là Sắc của Không. Ngược lại, và cũng diễn ra trong một chiều độc nhất, luôn luôn vì không cho nên Sắc; và kết quả là Không của Sắc. Nói cách khác, Sắc tức Không vì là Sắc của Không; Không tức Sắc vì là không của Sắc. Ta thấy ngay rằng đây chưa phải là kết như mong muốn.

3. SẮC KHÔNG VÔ NGẠI

Toàn thể Sắc là không. Toàn thể Không là Sắc. Nói toàn thể theo nghĩa toàn diện không phải như một toàn thể có hai phần, phần ẩn và phần hiện, hay những khái niệm tương tự. Toàn thể như là toàn diện, ẩn thì tất cả cùng ẩn và hiện thì tất cả cùng hiện. Nơi đây, không nói đến ý nghĩa tương phản giữa tác thành và hủy hoại. Như nói,

thành để hoại và hoại để thành; thành tức loại và hoại tức thành, vân vân.

Nhắc lại kết quả đạt được ở trên: Sắc tức Không và không tức Sắc; vì là Sắc của Không và không của Sắc. Bây giờ, cả hai cùng tác dụng trong một vị trí độc nhất mà không bức bách lẫn nhau để một đấng ẩn thì một đấng hiện, hay một cái thành thì một cái hoại, cả hai hình ảnh, vừa Sắc vừa không, cùng xuất hiện và cùng tác dụng trong một vị trí độc nhất, xuất hiện với tư cách là một toàn thể toàn diện: Toàn thể Sắc và toàn thể Không.

Nếu vận dụng trong đường lối này, và thành tựu, tính cách một chiều của tác dụng tâm hành bị đảo ngược. Nó tác dụng cùng một lúc trong hai chiều hướng mâu thuẫn. Từ đây trở đi, nó sẽ có khả năng dung nạp tất cả mọi tướng phần, mà không hủy hoại bản sắc của sự thể nào. Đây là một chỗ thành tựu cứu cánh mà hành đạt được; và chỉ thành tựu riêng về phía cạnh tự kiến.

4. DẪN TUYỆT VÔ KỶ

Trong ba giai đoạn đầu, tâm hành đã chuẩn bị những tri kiến cần phải có, đã thiết lập các chiều hướng sẽ phải đi. Sự chuẩn bị ấy đã diễn ra có trình tự mạch lạc. Đến đây là chỗ khởi hành thực hiện của định: quán về chân không. Chân không thì làm thế nào có thể trở thành đối tượng để mà quán? Chúng ta đã biết phương pháp vận dụng, là giả thi thiết về sự đối đãi giữa Sắc và Không, và tác dụng vô ngại của chúng rồi đến lúc phải xóa bỏ tất cả giả định Sắc Không. Tức là bỏ hẳn chiều hướng của tiệm và bước sang chiều hướng của đốn. Trong chiều giả thi thiết của tiệm ta hỏi; chân không là gì? và làm sao để quán? Trong chiều hướng của đốn, chân không tự trình diện trong tác dụng của tâm hành, không qua trung gian nào hết. Những giả thiết như tượng hình đối đãi, vân vân, đều chấm dứt ở đây.

Như thế là đã thành tựu chân không quán. Tức là đã đi và đã thắng thế giới lý tánh; thế giới không có giới hạn, không có phân sự sai biệt. Đó là thế giới của cái một. Ta sẽ hỏi, cái một này có hay không có phân tán để trở thành những sai biệt của vạn hữu? Nếu có phân tán, thì bằng cách nào, nó vẫn là cái Một trong tất cả? Nếu không phân tán, bằng cách nào mà tất cả ở trong Một. Những câu hỏi vừa sơ lược thúc đẩy ta bước sang phần thứ II của Tam Quán: "Lý sự vô ngại."

(còn tiếp)



RỰC RỠ SÁT NA

*hai bàn tay chấp lại
hơi lạnh gân nhau
trong phút giây thật ngắn ta trôi bồng bênh
từ cõi xa vắng có những hành hạ của kỷ niệm
ngươi tu bao nhiêu năm
bỗng nhìn đời bật khóc*

*thị giác bay ra khỏi óc não
thấy bầu trời và những giọt mưa
ngôn ngữ trở thành vô thanh
bài thơ chui vào ánh sáng của linh thiêng nào đó
rực rỡ một sát na
nén nhang thấp lên chóng tàn*

*đi cho hết hành trình
chốn gió bụi vẫn còn mờ nhân ảnh
tàn năm âm lịch run run
chiếc áo lam phủ lên người
đóa hoa vàng cô độc
bức hình xưa thanh thản mùa giông*

*nẻo đường yên lặng
những thì thâm của bước chân cỏ ướt
khói và bụi vô thường bay nhẹ
lăn theo tâm thức chiều đông
giọt thơ lạnh khẽ rơi
trong lòng*

thơ **THY AN**

GIỮ GIỚI VÀ ĐỊNH TÂM: PHÁP TU CĂN BẢN CỦA PHẬT TỬ

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Giữ năm giới là khó, giữ gìn một cách hoàn hảo càng khó hơn. Muốn giữ giới hoàn hảo, trước phải học và thông hiểu về mỗi giới cùng các điều kiện liên quan, nhất là biết rõ lợi ích to lớn nhờ giữ giới, hoan hỷ và an lạc trong sự bảo hộ của Thánh giới.

"Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, cư sĩ Cấp Cô Độc cùng chúng Ưu-bà-



tắc gồm có năm trăm người đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử (Xá-lợi-phất). Tôn giả Xá-lê Tử thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ. Ngài dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ rồi, liền rời chỗ ngồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật và ngồi xuống một bên.

Sau khi Tôn giả Xá-lê Tử đi chẳng bao lâu, cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm Ưu-bà-tắc cũng đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn dạy:

- Nay Xá-lê Tử, nếu thầy biết rằng bạch y Thánh đệ tử gìn giữ, thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bốn tầng thượng tâm, hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được.

- Xá-lê Tử, thế nào là bạch y Thánh đệ tử khéo giữ gìn và thực hành năm pháp? Đó là bạch y Thánh đệ tử xa lìa sát sanh...; bạch y Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho...; bạch y Thánh đệ tử xa lìa tà dâm...; bạch y Thánh đệ tử xa lìa nói dối...; bạch y Thánh đệ tử xa lìa say nghiện.

- Nay Xá-lê Tử, thế nào là bạch y Thánh đệ tử được bốn tâm tầng thượng, hiện pháp lạc trú, dễ chứ không phải khó được? Đó là bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai; bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp; bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Tăng, bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Giới.

- Nay Xá-lê Tử, nếu thầy biết rằng bạch y Thánh đệ tử gìn giữ và thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bốn tâm tầng thượng, hiện

pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được, thì nay Xá-lê Tử, thầy nên ghi nhận rằng: Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến đến quả vị Chánh giác, tôi đa chịu bảy lần sanh tử nữa, sau bảy lần qua lại cõi trời và nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau". (Kinh Trung A-hàm, phẩm Đại, kinh Ưu-bà-tắc, số 128 [trích,

lược])

Có thể xem bản kinh này là tóm lược cách thức tu hành căn bản của hàng Phật tử.

Đầu tiên là "gìn giữ, thực hành năm pháp một cách hoàn hảo". Giữ năm giới là khó, giữ gìn một cách hoàn hảo càng khó hơn. Muốn giữ giới hoàn hảo, trước phải học và thông hiểu về mỗi giới cùng các điều kiện liên quan, nhất là biết rõ lợi ích to lớn nhờ giữ giới, hoan hỷ và an lạc trong sự bảo hộ của Thánh giới. Phân biệt kỹ càng giữa khuyết giới và phạm giới. Hầu hết chúng ta đều bị khuyết giới mà hiếm khi phạm giới. Nếu khuyết giới thì sám hối và trở nên trong sạch.

Sau khi thành tựu giới, người Phật tử cố gắng tu tập định. Nhân giới sinh định là một sự thật. Những ai từng nỗ lực tu tập định sẽ nhận ra giá trị quý báu của Thánh giới. Định có được chính nhờ tu tập niệm Như Lai, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới. Pháp niệm này được Thế Tôn xác định có kết quả ngay trong hiện tại "được bốn tâm tầng thượng, hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được". Tâm được an định và hỷ lạc; nếu tưởng niệm đúng với nhất hướng, nhiệt tâm, tinh cần thì tịnh lạc là điều dễ được.

Tu tập như vậy thì có thánh quả xa lìa ba đường ác, đủ duyên sẽ dự vào dòng Thánh, đắc Sơ quả Tu-đà-hoàn. Từ đây, hành giả chắc chắn thẳng tiến đến quả vị Chánh giác.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
EXECUTIVE COUNCIL
4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. Tel.: (714) 548-4148

THÔNG BÁO SỐ HAI
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN LẦN THỨ 2647
PHẬT LỊCH 2567 - DƯƠNG LỊCH 2023

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni
Kính thưa quý Đồng hương Phật tử, cùng quý Anh Chị các cấp GDPT thân mến,

Như Thông báo dẫn thượng số một đã ban hành nhằm mục đích báo cáo cho quý thành viên của Giáo Hội được liễu tri Đại Lễ Phật Đản năm nay được tổ chức chung của Giáo Hội cùng với Cộng Đồng Phật Giáo San Diego hoan hỷ đảm nhận. Sau thời gian nghiên cứu, tìm hội trường và thành lập Ban Tổ Chức đầu đó tương đối ổn định. Do vậy, hôm nay Giáo Hội ban hành Thông Báo Số Hai đến toàn thể quý thành viên và Phật tử được liễu tri để chuẩn bị mọi Phật sự tại địa phương mình, cũng như tổ chức đoàn hành hương về tham dự Đại Lễ được thập phân viên mãn. Thời gian và địa điểm tổ chức:

Thời Gian:

Thứ Bảy, Ngày 06 tháng 05 năm 2023

4:00 PM-7:00 PM: Múa lân khai mạc, thuyết Pháp, thắp nến hoa đăng nguyện cầu thế giới hòa bình chúng sanh an lạc. *(Có Chương Trình riêng)*

Chủ nhật, Ngày 07 tháng 05 năm 2023

10:00 AM – 12:30 PM: Lễ chính thức Mừng ngày Đức Phật Đản Sinh

12:30 PM – 4:00 PM: Thọ Trai, cúng dường trai Tăng, & chương trình Văn Nghệ Mừng Phật Đản

Địa điểm: Horace Mann Middle School
4345 54th Street San Diego, CA 92115

Trân trọng kính gọi Thông Báo Số Hai này đến toàn thể quý liệt vị được tường làm và nhất tâm, nguyện cầu con người sống trên thế giới hôm nay luôn tinh thức, để có được sự hành sử với nhau trong chánh niệm mà chấm dứt chiến tranh, tái lập hòa bình, cùng nhau xây dựng cuộc sống an lành và thịnh trị, trong tình thương yêu hiểu biết.

Kính chúc Chư Tôn Đức Tăng Ni Pháp thể khinh an, đạo nghiệp viên thành.

Đồng kính chúc Quý Đồng hương Phật tử vô lượng an khang, cát tường như ý.

Nam Mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật

Ngày 9 Tháng 02 Năm 2023

Văn Phòng Thường Trục



Tín Nghĩa

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Mây ngàn bay, thác ghềnh chảy

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tự nhiên, như cái như là. Con bướm nở ra có đôi cánh vàng. Con nòng nọc nở ra có cái đuôi. Cái đuôi đứt đi thành cóc con. Cóc con lớn thành cóc. Cóc lớn thành cậu ông trời. Cóc nghiêng rằng là trời phải mưa. Nước mưa rơi ngập ruộng đồng, cóc chui vào hang. Có bài thơ con cóc:

*"Con cóc nó ngồi trong hốc
Nợ xoay cái lưng ra ngoài
Ấy là con cóc."*

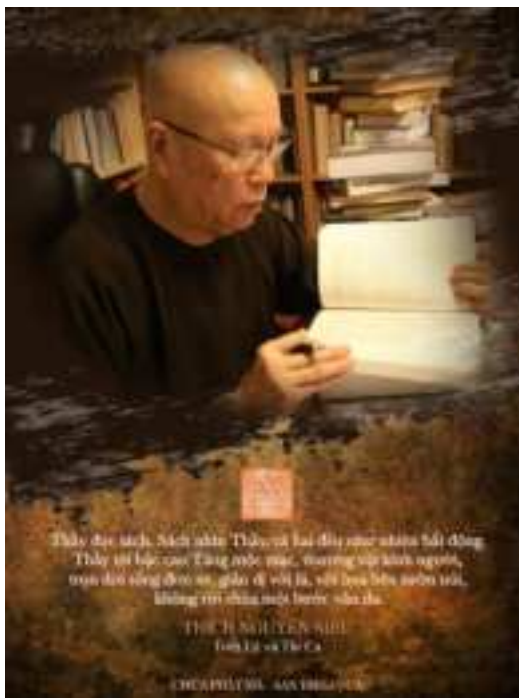
Con cóc chấp tay:

*"Lạy trời mưa xuống
Lấy nước tôi uống
Lấy ruộng tôi cày
Lấy bát cơm đầy
Nuôi người già yếu
Diu trẻ ngây thơ.
Giấc mơ trong trắng
Ráng vàng thời nắng
Ráng đỏ thời mưa
Ráng vừa thời gió.
Tiếng mõ công phu chiều
Tiếng chuông công phu sáng
Làm bạn với kê kinh
Như hình với bóng
Chẳng lìa ra khỏi tầm tay
Giấc mơ hằng được đong đầy
Xin Phật về trời Tây."*

Nghe chừng dường như là vậy. Mỗi bước chân đi chậm rãi, tay chống gậy. Tay lần hạt. Miệng niệm Nam Mô. Bóng hình kia trên triền núi. Một chiếc nón rộng vành mang sau lưng, trông dáng đạo thiền. Vạt áo trắng phất phơ trong gió, ra vẻ như một hiệp sĩ giang hồ. Kỳ thật là một nhà sư tu hành, chưa từng giết một con kiến, cái ong, mà lại còn cho sự sống đến chúng. Con người phải học cách cho sự sống.

Một hạt mầm, nằm dưới đất trải qua bao nhiêu thời gian. Hạt mầm vẫn không hư. Hạt mầm cố giữ lấy mình để sống. Chiều nay cơn giông, trời mưa xuống. Đất mềm, hạt mầm lấy sức vươn lên. Ngày thứ nhất, hạt mầm có được một mẩu lá non, màu trắng đục. Thấp bé tí ti. Nhưng qua một ngày màu trắng đục tiếp xúc với ánh nắng mặt trời, đã chuyển thành màu xanh, diệp lục tố, nuôi dưỡng. Và cứ thế ngày thứ hai, thứ ba... Và cuối cùng đã trưởng thành cây bàng to lớn nơi đầu làng. Làm điểm tựa. Chỗ ngồi hong mát. Hay mỗi khi đi đâu xa dân làng nhớ về cây bàng đầu làng. Cây bàng trở thành biểu tượng linh thiêng của dân làng ấy.

Cây bàng đến hôm nay là được 70 tuổi, chứng kiến bao lớp người qua và bao lớp người đến. Lớp



Cha ông thì không nữa. Cứ thế, tuần tự ra đi, giờ tính lại không còn một ai. Một lớp người giềng mối, kỷ cương, như là phảng phất đâu đó. Chỉ nghe hơi. Nghe hương mà chẳng thấy hình bóng đâu nữa. Cây bàng giờ này cũng đã già rồi. Thân bàng xù xì. Gốc bàng lồi lõm. Cảnh bàng nghèo ngoèo. Lá bàng to che mát, những ai còn ở lại với làng. Ấy là cái tình làng được biểu hiện qua cây bàng, dù nắng hay mưa, dù mùa hạ hay mùa đông, cây bàng luôn vững chắc đứng đó để che chở cho làng được bình yên.

*Dòng sữa Mẹ ngọt như lời
Cha hát
Có bao giờ Mẹ từ chối với con
Mẹ già trọn một đời luôn tần tảo
Sớm đầu sông chiều con nước no tròn.*

Để nhìn lại mây ngàn bay thác ghềnh chảy như không là một ảo tưởng mà là luôn hiện thực trong tôi. Hiện thực từng chút đồ ăn còn sót lại, bỏ vào nồi đất đun sôi, xúm xít người xin một muống. Nóng quá. Thơm quá. Đậm đà tình dư của đại chúng. Ai có làm mây ngàn mới biết được mây ngàn bay lang thang về phương trời vô định. Ai có làm thác ghềnh mới biết thác ghềnh cho dòng nước cuốn trôi. Mây ngàn thác ghềnh như bài thiền ca vô tận. Người ca thì ở nơi đây - thác ghềnh. Lời ca - mây ngàn thì mang đi khắp chốn. Gieo rải hạt mưa xuống mặt đất, núi rừng, gom góp lại nơi con nường, rạch tụy về suối nguồn lớn, trôi qua thác ghềnh. Vẫn cứ thế muôn thuở có nhau. Mây ngàn. Thác ghềnh tuy xa mà gần. Và tuy gần mà xa. Luôn cách nhau, nhưng luôn gần nhau. Xa trong nghìn trùng. Nhưng gần trong gang tấc. Cây bàng giờ vẫn còn đây, nhưng dân làng vẫn ra đi biệt mà âm hưởng, vết tích vẫn còn trinh nguyên. Nếu có ai về thăm lại chốn xưa. Đây là thiên thất. Đây là tầng đường. Đây là gác chuông và đây là tháp sất. Có cũ đi. Có điều tàn theo thời gian năm tháng gặm mòn, hư hao, nhưng ý vị của những buổi chiều bách bộ. Lên đồi hứng gió biển khơi, hay Thầy trò, ngồi quanh chuyện đạo, tất cả âm ba còn đồng vọng đầu đây. Nào có mất, dấu chân đi canh thiên còn đó. Tiếng chuông mõ giờ công phu khuya êm đêm thiên vị mãi sống trong lòng người tu.

Cành trúc vương vệt nắng mai. Cánh phượng hồng vương tiếng ve sầu than thở, như là bức tranh sống lưu dấu nơi lòng ai, chốn tha phương hoẵng đạo.

*Nắng vàng chiếu sáng đôi tây
Từng cơn gió nhẹ hây hây hiên chùa
Lá xanh vàng đỏ thu xưa
Sư về gõ cửa cảnh chùa tịch liêu.
Như con suối nhỏ ven rừng
Âm thầm ngày tháng lưng chừng cuộc chơi
Rồi đây mai một đời đời
Thân thành cát bụi mộ đời rong rêu.*

Ta có cảm giác như là người xưa mộng tưởng, để thốt lên lời thề. Như cây bàng kia, dầu rằng chẳng thề nhưng luôn hiện thân bảo hộ dân làng dù ở hay đi. Dù còn hay mất, luôn vẫn bên nhau. Vẫn cánh đồng lúa vàng. Vẫn dòng sông dẫn nước vào ruộng. Và con đường mòn thôn quê đã giữ lại bao dấu chân người yêu dấu, đầy sức sống. Cây bàng vẫn đợi. Dân làng vẫn đi. Tình quê thăm đượm khăng khít. Bỗng đứng nhớ lại bài Thề Non Nước của Tản Đà. Xin ghi lại đôi câu mà chia sẻ:

*"... Non cao những ngóng cùng trông
Suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày
Xương mai một năm hao gầy
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương...
... Non xanh đã biết hay chưa
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn
Nước non hội ngộ còn luôn
Bảo cho non chỗ có buồn làm chi
Nước kia dù hãy còn đi
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui..."*

Dầu mọi người đôi ngả cứ đi, nhưng tấm lòng son vẫn còn đó. Còn như ngày nào qua những huấn thị. Qua cách giáo dục điều kiện xưa, mà cây bàng ngồi đây như một lời minh chứng. Hạnh nguyện độ sinh của Bồ Tát thì rộng thênh thang. Phương trời nào cũng độ sinh được cả. Hạnh nguyện được thị thiết. Chúng sinh được an vui là thỏa chí vầy vùng trong trần thế, mà không bỏ gổ tọa thị bàng quan, mặc cho đời nói hươu nói vượn. Phải dập tắt cái ác, phát huy cái thiện, để thấy được ngàn dâu xanh tốt mà vui.

*Còi tàu lữ chiểu về xé gió
Bác nông phu cặm cũi trên đồng
Nắng mưa chỉ một tấm lòng
Chén cơm, khoai sắn mặn nồng quê hương.*

Bưng tách trà mà tay run run. Đứng bên hộp tủ chăm chú nhìn, sợ cái ly đánh rớt. Nhưng không. Run thì run tách không thể rớt. Ách yếu là ở chỗ đó chuyên nhất, chú mục. Do vậy, đâu để gì mà rớt. Là thị giả phải học chỗ đó. Học chỗ run mà vẫn chắc. Nếu không vững chắc mà rớt thì có gì để nói nữa. Bạc mô phạm là vậy. Người ngoài thấy vậy, mà không phải vậy. Một nội lực, sức mạnh bên trong. Do nội lực ấy mà ngồi thiền lưng thẳng bằng, như cội tùng già ngàn năm sương tuyết, nhưng thân tùng vẫn thẳng. Lối tùng vẫn chắc. Sương tuyết đầu hè hắt gì. Cội tùng già nơi cửa thiện cũng vậy. Giở thăm tưởng lại, mây ngàn vẫn bay. Thác ghềnh vẫn chảy. Người đi vào cõi Niết Bàn.

(trích Triết Lý và Thi Ca—Nguyên Siêu)



NGÔI CHÙA NHO NHỎ

*Ngôi chùa nho nhỏ mái cong cong
Hoa lá xum xuê tỏa bóng hình
Sừng sững chùa cao chuông thoảng vọng
Rộn ràng biển cả sóng vang kinh
Sườn non phơi phới đào tung cánh
Đầu núi chênh vênh trúc uốn mình
Vài vị sư già lom khom bước
Chú tiểu theo hầu quẩy Tâm Kinh
Phật tử hành hương cung kính lễ
Đèn từ rực rỡ ánh quang minh.*

GIÁC NGỘ

*Ta sống bấy lâu chi biết mình
Tham tài phụ khó để cầu vinh
Ước mơ thu gợn vòng tiền bạc
Hạnh phúc không ngoài chữ lợi-danh
Sực tỉnh tu Thiên xa nghiệp ác
Hết mê học Đạo phước muôn vàn
Nương thuyền Bát-nhã theo Bồ-tát
Vượt bể trầm luân hưởng thái bình.*

thơ **DIỆU VIÊN**



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
EXECUTIVE COUNCIL

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. Tel.: (714) 548-4148

THÔNG BÁO SỐ 2
AN CƯ KIẾT HẠ và ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN PL. 2567 - DL. 2023

Nam Mô Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính Bạch Chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, Chư Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni,
Kính thưa quý Cư sĩ thành viên Giáo Hội,

Tiếp theo Thông Báo Số 1 ngày 28.2.2023 về thời gian, địa điểm tổ chức An Cư Kiết Hạ và Đại Hội Thường Niên lần thứ III nhiệm kỳ IV. Nay xin xác nhận việc ghi danh An Cư Kiết Hạ cũng như chương trình cụ thể của Đại Hội Thường Niên như sau:

- **Chư Tôn Đức Tăng Ni ghi danh An Cư Kiết Hạ từ ngày 19 đến 29 tháng 6 năm 2023 qua hai số điện thoại sau đây trong khi chờ đợi Đại Đức Thích Quảng Từ điện thoại số (206) 723-4731 lo hậu sự cho gia đình xong:**

Sư Cô Thích Nữ Diệu Hoa - Chùa Cổ Lâm (206) 723-4741.

Sư Cô Thích Nữ Quảng Ngộ - Chùa Cổ Lâm (425) 306-4758.

Nhấn vào link này <https://forms.office.com/r/F1MMKeFEHq> để điền đơn ghi danh.

Thời gian ghi danh: Từ nay đến hết ngày 30 tháng 5 năm 2023 hay sớm hơn khi đủ túc số An Cư.

- **Chương trình họp Đại Hội Thường Niên: Thứ Hai ngày 19 tháng 6 năm 2023.**

09 giờ sáng: Cung thỉnh Chư Tôn Đức và quý thành viên Giáo Hội quang lâm hội trường.

04 giờ 00 chiều: Bế mạc Đại Hội. Sẽ có chương trình chi tiết sau.

07 giờ 00 tối cùng ngày: Họp Tăng để Cung an chức sự Trường Hạ.

Trân trọng kính Thông Báo đến quý Ngài tường lãm để cho Phật sự của Giáo Hội được thập phần viên mãn.

Kính niệm ân đức của quý Trưởng lão Hoà Thượng, quý Thượng Toạ, Đại Đức, Tăng Ni cùng toàn thể quý Cư sĩ thành viên Giáo Hội luôn được vô lượng an Khang, cát tường như ý.

Nam Mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật

Santa Ana, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Chủ Tịch,



Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Ngon lửa

ĐỖ HỒNG NGỌC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Người ta hỏi Phật vậy chớ chia sẻ cái “phước” cho nhiều người thì phước đó có bớt đi không? Phật mỉm cười bảo: “Như lửa ở một ngọn đuốc, hàng trăm hàng ngàn người đến lấy lửa từ ngọn đuốc đó để soi sáng, để nấu ăn, thì lửa nơi ngọn đuốc kia vẫn y như cũ!”

Dạy học chính là chia lửa! Nếu dạy học chỉ là trao truyền kiến thức không thộì thì kiến thức sẽ rất mau... lỗi thời, rất mau cạn kiệt, nhất là trong một xã hội thông tin vô tận như hôm nay!

Nhưng để có thể chia lửa thì trước hết phải có... lửa! Muốn có lửa thì phải... tự đốt mình lên và phải có nguồn nhiên liệu bất tận nơi trái tim mình. Người thầy bằng giá thì chỉ có thể truyền lạnh lẽo, giá băng. Người thầy máy móc chỉ có thể truyền những động tác. Còn người thầy truyền lửa thì lửa đôi khi có thể bốc cháy nhưng thường khi chỉ ngun ngún, âm ỉ, đợi một cơn gió bùng lên.

André Maurois, viện sĩ Viện Hàn lâm Pháp nói đến kỹ năng “nhóm lửa” cho người bạn trẻ trong cuốn *Lettres ouvertes à un jeune homme* (Thư ngỏ gửi tuổi đôi mươi, Nguyễn Hiến Lê dịch): Đó là hãy bắt đầu với những bụi nhùi, mặt cưa, những cành khô nhỏ nhỏ, sau đó, khi ngọn lửa đã ngún rồi thì mới có thể nhen dần vào những thân cây to, nhờ đó mà giữ hơi nóng bền lâu, không bị tắt ngúm!

Ai cũng có những người thầy trong đời mình, đã nhen cho mình ngọn lửa ấm nồng, cách này hay cách khác. Người thầy đó không nhất thiết dạy mình trên ghế nhà trường, trên bục giảng đường. Miễn là có một tần số để nhận ra ngọn lửa truyền trao, và nhen nhóm. Đến một lúc nào đó, ta bỗng nhận ra “bán tự vi sư” - nửa chữ cũng là thầy!

Khi còn là một nhóc con 11- 12 tuổi ở một tỉnh lẻ, mỗi lần đau ốm, tôi đều một mình đến bác Hai Cường, một thầy thuốc Bắc nổi tiếng. Gặp bác là tôi thấy nhẹ bênh hết một nửa rồi! Bác lớn tuổi lắm rồi, vậy mà ân cần hỏi han tôi, mời tôi ngồi, chậm rãi bắt mạch, chăm chú, có khi chưa yên tâm còn vào tủ sách lấy một quyển to đùng ra đọc, nghiên ngẫm kỹ trước khi biên toa. Lúc hết thuốc, còn cho tôi vài trái táo, một nhúm cam thảo, căn dặn cách sắc, cách uống!

Còn nhớ khi tôi đậu vào Y khoa Đại học đường Saigon, ngày tựu trường, giáo sư khoa trưởng, bác sĩ Phạm Biểu Tâm, đã ân cần nhắc nhở các tân sinh viên: Nghề y là một nghề cao



quý nếu ta muốn cao quý, cũng là một nghề thấp hèn nếu ta muốn thấp hèn. Người thầy thuốc phải là người sinh viên suốt đời. Trong khi hành nghề, ta có thể đôi lần ân hận nhưng đừng bao giờ để phải hối hận!

Nửa thế kỷ rồi đó, vậy mà bọn học trò chúng tôi gặp nhau còn luôn nhắc lời thầy! Các ngành nghề khác cũng vậy thôi. Cái còn lại chính là ngọn lửa đã được thầy truyền trao, chia sẻ, ngọn lửa đã được tiếp nối từ ngọn đuốc của thầy. Lòng yêu nghề. Đạo đức nghề nghiệp. Tinh thần tự học... Ngọn lửa không cần nói nhiều, không cần phải là những bài giảng hùng biện, bác học.

Nhiều khi chỉ là sự “dung thông” giữa thầy và trò. Tần số có thể bắt được, một cách nào đó. Không cần kỹ thuật truyền thông hiện đại.

Hạnh phúc có thể đo đạc!

Từ năm 1946, Tổ chức Sức khỏe Thế giới (WHO) đã định nghĩa: Sức khỏe là một tình trạng hoàn toàn sáng khoái (well-being; bien-être) về thể chất, tâm thần và xã hội, chớ không phải chỉ là không có bệnh hay tật.

Một định nghĩa như thế cho thấy đánh giá sức khỏe của một con người không thể chỉ dựa vào chuyện có hay không có bệnh tật; tương tự, không thể đánh giá sức khỏe của một cộng đồng mà chỉ dựa vào tỷ lệ bệnh tật, tỷ lệ tử vong, số giường bệnh, số bác sĩ... Cái khó ở đây là làm cách nào đánh giá được “tình trạng sáng khoái” về cả ba mặt: thể chất, tâm thần và xã hội - như định nghĩa đã nêu?

Đánh giá sự sáng khoái, sự hài lòng cũng chính là đánh giá hạnh phúc. Mà đánh giá hạnh phúc là chuyện không đơn giản chút nào vì nó nặng tính chủ quan, dễ lệch lạc. Chính vì thế mà mãi nửa thế kỷ sau, WHO mới đưa ra được một bảng “Đánh giá chất lượng cuộc sống” (Quality of Life Assessment) liên quan đến sức khỏe và chăm sóc sức khỏe để cụ thể hóa định nghĩa đã nêu trên. Theo đó, người thầy thuốc chỉ quan tâm chữa trị bệnh tật là chưa đủ, mà phải quan tâm đến chất lượng cuộc sống của người bệnh. Nói khác đi, người bệnh sống không phải chỉ là sống sót, tồn tại, mà phải là sống có ý nghĩa, có hạnh phúc ở một mức độ tốt nhất có thể được.

WHO đề ra một bảng chỉ số gọi là WHOQOL-100 (WHO quality of life, 100 đề mục) có thể triển khai thực hiện trên nhiều nước khác nhau, nhiều

nền văn hóa khác nhau, bao gồm 6 lãnh vực: 1. Sức khỏe thể chất; 2. Tâm lý; 3. Mức độ độc lập; 4. Các mối quan hệ xã hội; 5. Môi trường và 6. Niềm tin, tôn giáo, vấn đề tâm linh.

Các chỉ số đo đạc này sẽ rất hữu ích cho việc cải thiện chất lượng phục vụ của ngành y trong việc chăm sóc sức khỏe người dân nói chung cũng như trong nghiên cứu khoa học, giám sát và cả trong hoạch định chính sách.

Theo WHO, Chất lượng cuộc sống là những cảm nhận của các cá nhân về cuộc sống của họ trong bối cảnh văn hóa và các hệ thống giá trị mà họ đang sống và liên quan đến các mục đích, nguyện vọng, tiêu chuẩn và các mối quan tâm của họ.

Điều dễ thấy ở đây là cách đo đạc Chất lượng cuộc sống đặt trọng tâm lên cảm nhận cá nhân của từng người, cho thấy có cái nhìn khác xưa đối với bệnh tật và sức khỏe lâu nay chủ yếu dựa vào "cảm nhận" của thầy thuốc! Do vậy, đánh giá bệnh tật sẽ không chỉ dựa trên kết quả các xét nghiệm máy móc mà còn trên những cảm nhận chủ quan, quan điểm riêng của từng cá nhân về bệnh tật của họ, về sự sẵn sàng khoải của họ trong cuộc sống thường ngày, trong bối cảnh văn hóa và môi trường thiên nhiên quen thuộc.

Ở đây cho thấy vai trò của giáo dục sức khỏe, của truyền thông hiệu quả trong mối quan hệ giữa thầy thuốc và bệnh nhân. Mối quan hệ thầy thuốc - bệnh nhân không tốt thì người bệnh khó có thể duy trì chất lượng cuộc sống!

Suy nghĩ từ góc độ quan tâm đánh giá chất lượng cuộc sống của người bệnh như vậy sẽ làm thay đổi cái nhìn của người thầy thuốc về bệnh nhân trong quá trình điều trị. Cả người bệnh - khi hiểu rõ chất lượng cuộc sống là do mình quyết định - cũng sẽ không chỉ biết lệ thuộc vào thầy, vào thuốc, vào xét nghiệm mà còn biết tự tăng cường sức khỏe, nâng cao sức khỏe, nhờ vậy mà phần đầu, rèn luyện, hợp tác tốt với thầy thuốc. Dịch vụ y tế cũng phải thay đổi, xem có đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của người bệnh chưa, người bệnh có hài lòng về chất lượng phục vụ không và hệ thống tổ chức y tế có dễ tiếp cận, có luôn trong tình trạng sẵn sàng phục vụ bệnh nhân không?

"Hạnh phúc" hóa ra không còn là khái niệm chung chung nữa mà nay đã có thể đo đạc!

NHỮNG MÀM SEN

*Lâu cát, bụi mưa hè! phiêu hốt
Thế giới giăng đầy bọt nước xao
Người qua lãng đãng sương gò đống
Gói đất bên trời gió thổi mau.*

*Chạm mặt vào đêm, đêm biển động
Nghe chùng ào ạt tận nguồn tâm
Chờ hoa sẽ nở mùa thiên thất
Giữa dâu xanh và những bãi bùn.*

*Ngày khát thực và đêm khát thực
Người về chưa bụi trắng trời
Thì cứ nằm im chờ hóa thạch
Lệ sẽ trào theo tiếng mẹ ru.*

*Đêm cam lặng và ngày kham nhẫn
Bàn tay người đắp lại hồ sen
Trăng sẽ lạnh, thêm xưa lòng đất trống
Những mầm sen, từng đóa nở hoa nghiêm.*



TREO DƯỚI MỖI SỢI TÓC

*Treo dưới mỗi sợi tóc một hành tinh
đong đưa nhịp vồng
người bước qua dốc địa cầu
mang trăm sắc cầu vồng trong con mắt mùa hạ
và trên môi nức thang long đình
lũ ấu trùng vẫn không ngừng rên xiết.*

*Mỗi hạt mưa vẫn chứa đầy màu nhiệm
trang sách chứa đầy thóc lúa
những bữa ăn
cơm gạo nở rên trăm cỗ máy.*

*Em cứ bước lên chuyến tàu nào đó
chạy vòng quanh núi đồi
lắng nghe tiếng rạn vỡ hàm sâu nham thạch
màu lửa đỏ
chờ đợi lúc tuôn trào.*

*Vẫn có tiếng thở dài trong mỗi căn nhà
tiếng nô đùa trẻ thơ
và mỗi tinh sương trên luống đất vàng rơm rạ
những bụi cải trô bông
thơ vẫn nảy mầm.*

thơ LÝ THỪA NGHIỆP



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TỔNG VỤ TỪ THIỆN XÃ HỘI

Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 – U.S.A.
Tel.: (317) 545-1234 * (408) 329-3199

BÁO CÁO
V/V CỨU TRỢ NẠN NHÂN ĐỘNG ĐẤT Ở TURKEY & SYRIA

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Trưởng lão Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni gần xa,
Kính thưa quý đồng hương và chư vị thiện tín nam nữ Phật Tử,

Trong những tuần qua, Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội đã quyên góp khẩn cấp để cứu trợ cho nạn nhân động đất ở Turkey và Syria với số tiền tổng cộng là \$24,500 USD (hai mươi bốn ngàn năm trăm mỹ kim). Số tiền này tuy khiêm nhường, nhưng đó là cả tấm lòng của những Phật tử và đồng hương Việt Nam góp phần chia sẻ đến các nạn nhân đang chịu cảnh màn trời chiếu đất, đói lạnh sau sự tàn phá kinh khủng của trận động đất thế kỷ vào ngày 6 tháng 2 năm 2023.

Do tính cách cấp thời, Tổng vụ đã chuyển số tiền lạc quyên được đến Tổ chức Phật giáo Từ Tế (*), Phân Hội Úc châu, để nhờ Hội này trực tiếp góp thêm vào chương trình cứu trợ họ đã và đang thực hiện tại Turkey và Syria. Phân Hội Úc Châu của Hội Từ Tế đã hoan hỷ tiếp nhận số tịnh tài từ Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTNHK vào ngày March 13, 2023, và đã có chứng nhận (đính kèm).

Danh sách chi tiết chư vị yểm trợ công tác cứu trợ này khá dài, không tiện đăng báo, do vậy Tổng vụ thỉnh cầu quý vị bấm vào trang nhà www.chanhphap.us, từ đó có đường dẫn vào trang Danh sách Cứu trợ. Tổng vụ kính cáo lỗi về sự bất tiện này, đồng thời thành kính tri ân tất cả chư liệt vị đã vì lòng từ bi, luôn thương tưởng và chia sẻ nỗi thống khổ của tha nhân trên toàn hành tinh.

Nguyện cầu quý ngài và quý đồng hương Phật tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát
San Jose, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội

Tông Vụ Trưởng,

Tỳ Kheo Ni THÍCH NỮ NGUYÊN THIÊN



(*). Phật Giáo Từ Tế Cơ Kim Hội (gọi tắt là Hội Từ Tế), do Ni trưởng Chứng Nghiêm thành lập tại Đài Loan vào năm 1966. Đây là một tổ chức phi chính phủ (NGO) được Liên Hiệp Quốc công nhận với khoảng 10 triệu ủng hộ viên và 502 văn phòng làm việc ở 50 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tổ chức này thường xuyên hoạt động trong các lĩnh vực viện trợ nhân đạo, chăm sóc y tế, giáo dục và môi trường bền vững. (trích dẫn từ nguồn: www.tzuchi.org)

THƠ THÁNG TƯ của KIỀU MỘNG HÀ

BIỂN GỌI TÊN NHAU

Tháng Tư nhớ tháng Tư nào
Biển thì thầm gọi tên nhau bốn mùa
Nằm nghe gió chờ mưa thưa
Đêm khuya nỗi nhớ, tình vừa lên men

Ai ngồi xoã tóc vai mềm
Chiều phơi sợi nắng, tôi phiền muộn giăng
Trăng non còn chưa ra ràng
Lạc nhau từ thuở tan hàng tháng Tư

Bếp chờ lên lửa, nhão như
Vòng tay chưa ấm đã hư cuộc tình
Chiều ra biển đứng một mình
Dấu chân trên cát vớt tình vừa trôi

Biển và tôi mãi đơn côi
Chiều đau đầu gọi
Sóng nhồi biển đau

THÁNG TƯ TRĂNG RỤNG

Anh ơi ngày đó Sài Gòn
Em vui thương nhớ trong con mắt buồn
Tháng Tư cả nước tai ương
Cổng trường phong kín chiến trường anh đâu

Sài Gòn ngập tiếng nguyện cầu
Tháng Tư mắt lệ gói đầu theo mưa
Sài Gòn phố lạnh vắng thưa
Em ngồi rũ tóc môi khuya gọi tình

Anh ơi Sài Gòn lênh đênh
Guốc rên buổi tối còn rên mặt đường
Đâm đĩa lá húng hạt sương
Tháng Tư trăng rụng biển cuồng gọi ai

Lệ cay
Nhật nguyệt chia hai
Tháng Tư từ đó
Em cài khăn tang

THÁNG TƯ NGHE SÓNG BIỂN RÊ

Một đời trải mộng mênh mông
Vùi chôn trầm tích ẩn trong mắt buồn
Đêm cời nỗi nhớ điên cuồng
Tháng Tư chớp bể mưa nguồn phong ba

Quê nhà từ đó ngút... xa
Ồi mình lạc giữa a ka vang rền
(xa nhau nào phải vì... quên
Như con đường cũ đôi tên thay cờ)

Đời như con sóng vật vờ
Mộng dịu chân bước thân thờ phở quen
Anh đâu? Đường đã lên đèn
Đêm nghe gió hát khúc riêng âm trầm

Người ơi lời hẹn trăm năm
Tan theo hư ảo... cát thâm gọi tên
Tháng Tư nghe sóng biển rên
Nghiêng vai sóng nhận ngàn phiên khúc tràn

THÁNG TƯ LẠI NHỚ...

Tháng Tư chưa già đã từ
Chưa ly vội biệt, hôn như cô đơn
Ngày dài trải bóng hoàng hôn
Đời như sóng cuộn cổ cồn cào bơi

Tháng Tư ruột thắt gan bời
Cầm bằng nhận nghiệp... thiệt trời bất công
Đường khuya chao bước phiêu bồng
Đặt dờ bóng lẻ hình long đong nhâu

Tháng Tư khép mối tình đầu
Vùi quên bên quán Giọt Sầu trú mưa
Mây mù nhuộm xám buổi trưa
Tay ai vuốt tóc mắt đong đưa tình...

Tháng Tư lại nhớ... chuyện mình
Người xa người, tội... điều linh một thời
Mưa tuôn dầm ướt hiên đời
Cách gì bôi xóa bóng người trong tim.



PHẬT DẠY CÁC PHÁP HẠNH PHÚC CHO CƯ SĨ TẠI GIA

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Sống ở đời ai cũng mong cầu được hạnh phúc. Hạnh phúc là gì? Các nhà tâm lý học ngày nay mô tả hạnh phúc là một trạng thái tâm lý tích cực của con người được thể hiện bởi cảm giác vui vẻ, thích thú, hài lòng trước những đầy đủ về vật chất và thoải mái về tinh thần. Nó khiến bản thân người ta cảm thấy yêu đời hơn.

Theo cách viết, người Trung Hoa định nghĩa **hạnh** là may mắn, còn **phúc** là sự đầy đủ phước báo. Những ai gặp nhiều may mắn, thành công trong nghề nghiệp, hài hòa trong tình yêu, đắm thắm trong hôn nhân được xem như người có hạnh phúc. Ngược lại người bất hạnh là người không may mắn, tình cảm hôn nhân gãy đổ, công ăn việc làm luôn thất bại, luôn phiền não.

Có cách định nghĩa khác, hạnh là niềm vui, vui trong môi trường sống dù giàu hay nghèo không quan trọng, phúc là phước báo có được, nhưng không dành riêng cho mình mà mang chia sẻ cho người khác, và như vậy là cảm thấy mãn nguyện, là có được niềm vui, là có được niềm hạnh phúc.

Mặc dù đức Phật đã từng dạy, tất cả mọi thứ xảy ra trên cõi đời này đều không bền vững, nhưng trước mưu cầu hạnh phúc là quyền lợi chính đáng của mỗi người, Ngài cũng phương tiện cho rằng để có hạnh phúc thì con người phải hoàn thiện hai phương diện. Thứ nhất là phần thân thể phải khỏe mạnh. Thứ hai là phần thọ, thọ ở đây là cảm xúc phải được bình an. Ngoài ra yếu tố tử bi, tức tình thương yêu, đưa đến hành động, lời nói... bổ thí, san sẻ, chăm sóc khiến chúng sanh vui vẻ hạnh phúc cũng làm cho người ta hạnh phúc.

Tóm lại, hạnh phúc là điều mà tất cả mọi người đều mong cầu tìm kiếm. Không phải chỉ bây giờ người ta mới mong cầu hạnh phúc, mà từ ngày xưa vào thời đức Phật còn tại thế, người ta cũng mong cầu có được an lạc hạnh phúc. Dưới đây là những điều đức Phật dạy cho các đệ tử tại gia tìm cầu khả lạc, khả hỷ, khả ý trong đời sống

hằng ngày cũng như tương lai, tiêu biểu là bài dạy trưởng lão Cấp-Cô-Độc.

II. BỐN PHÁP HẠNH PHÚC TRONG HIỆN TẠI

Đáp ứng lời yêu cầu của trưởng giả Anathapindika (Cấp-Cô-Độc) làm thế nào để cư sĩ tại gia có được an lạc hạnh phúc trong hiện tại và tương lai? Đức Phật đã giảng như sau:

“Có bốn loại an lạc, này gia chủ, người tại gia thọ hưởng các đức thù hoạch được, tùy thời gian, tùy thời cơ khởi lên cho vị ấy. Thế nào là bốn? Đó là hạnh phúc hay lạc sở hữu, lạc thọ dụng, lạc không mắc nợ, lạc không phạm tội.

1) Hạnh phúc sở hữu: Tài sản thù hoạch tích lũy được bằng sự nỗ lực siêng năng làm việc đúng pháp. Khi nghĩ đến sự sở hữu tài sản một cách chân chính như vậy, người cư sĩ cảm thấy hạnh phúc.

2) Hạnh phúc thọ dụng: Người cư sĩ tại gia thọ hưởng những tài sản thù hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng

pháp, thù hoạch đúng pháp. Dùng tài sản này nuôi bản thân, nuôi gia đình và làm các việc phước đức. Khi nghĩ đến sự thọ hưởng những tài sản tự tạo ra như vậy, người cư sĩ cảm thấy hạnh phúc.

3) Hạnh phúc không nợ nần: Khi không bị mắc nợ ai dù ít hay nhiều. Người cư sĩ tại gia cảm thấy vui vẻ, thoải mái, hạnh phúc.

4) Hạnh phúc không phạm tội: Ở đây vị Thánh đệ tử thành tựu thân hành không phạm tội, thành tựu khẩu hành không phạm tội, thành tựu ý hành không phạm tội. Khi nghĩ đến những thành tựu này vị ấy được lạc, được hỷ.

Trong bốn điều hạnh phúc này, điều hạnh phúc không lỗi lầm là điều hạnh phúc có giá trị cao nhất. Phật dạy rằng giá trị của ba điều hạnh phúc sở hữu tài sản, hưởng thụ và không mắc nợ, chỉ bằng 1/16 giá trị hạnh phúc không phạm tội qua bài kệ dưới đây: “Được lạc không mắc nợ/ Nhớ đến lạc sở hữu/ Người hưởng lạc tài sản/ Với tuệ, thấy như thị / Do thấy vị ấy biết / Sáng suốt



cả hai phần / Lạc vậ chi bằng được / Bằng một phần mười sáu / Lạc không có phạm tội."

III. BỐN PHÁP HẠNH PHÚC TRONG TƯƠNG LAI

Đáp ứng nhu cầu tìm kiếm khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời, đức Như Lai đưa ra bốn pháp như sau:

1) Đầy đủ niềm tin: Là thành tựu **Chánh Tín**, có đức tin đối với Tam bảo, nhất là tin tưởng vào sự giác ngộ của Như Lai. Ngài là bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nay gia chủ đây là đầy đủ lòng tin.

2) Đầy đủ giới đức: Thành tựu **Giới Đức**, từ bỏ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, đắm say rượu men, rượu nẫu. Nay gia chủ đây gọi là đầy đủ giới đức.

3) Đầy đủ bố thí: Vị Thánh đệ tử sống ở nhà cùng gia đình, tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi, với lòng rộng mở, sẵn sàng chia sẻ khi được yêu cầu. Nay gia chủ, đây gọi là đầy đủ **Bố Thí**.

4) Đầy đủ trí tuệ: Tâm không bị tham, sân, nghi, hôn trầm thụ miên, trạo cử hối quá... chi phối. Thành tựu trách pháp, đầy đủ pháp học pháp hành, thấy rõ sự sinh diệt của các pháp, bước vào dòng minh kiến, đầy đủ **Trí Tuệ**.

Thành tựu bốn pháp này, vị Thánh đệ tử luôn được khả lạc, khả hỷ, khả ý tức an lạc hạnh phúc trong hiện tại và cả trong tương lai.

IV. ỨNG DỤNG LỜI PHẬT DẠY

Bốn điều đưa đến an lạc hạnh phúc cho người tại gia trong đời sống hiện tại, mà đức Phật đã thuyết dạy từ hơn mấy ngàn năm trước, đến nay vẫn còn giá trị. Nội dung bốn điều hạnh phúc đó cho thấy đức Phật là người hiểu rõ tâm lý của quần chúng. Ngài biết rằng con người muốn sống an vui phải được đáp ứng đầy đủ về mặt vật chất lẫn tinh thần, tức phải đủ ăn, đủ mặc cho bản thân mình, gia đình mình. Rải rác trong các bài kinh, đức Phật nêu rõ cái nghèo là nguồn gốc của



thối hư, tật xấu, của những hành động vô đạo đức và tội lỗi như trộm cắp, dối trá, bạo động, thù hận, độc ác. Do đó trong ba điều kiện đầu, Ngài hướng dẫn người Phật tử tại gia việc ổn định tài chánh như một điều kiện căn bản tạo nên hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, tinh thần phải được bình an thì con người mới thực sự được hạnh phúc.

Tuy nhiên, học Phật chúng ta cũng cần ghi nhớ, trên cơ sở tuệ giác giải thoát khổ đau sinh tử, đức Phật cho rằng tài sản, của cải vật chất không phải là cứu cánh của cuộc đời, không phải là tài sản thừa tự của kẻ xuất gia tầm cầu giác ngộ, nhưng cũng cần phải có những điều kiện vật chất tối thiểu nuôi thân, mượn thân tu tập để được thành công trong đời sống tâm linh.

Muốn sở hữu một số tiền bạc, tài sản hay của cải nào đó, đức Phật dạy người cư sĩ phải nỗ lực làm việc, cố gắng học hỏi trau dồi nghề nghiệp để đạt kết quả tốt. Đồng tiền chân chánh kiếm được, để nuôi gia đình bằng sức lực, bằng kiến thức của bản thân mình chính là niềm vui, niềm hạnh phúc của mình. Và dĩ nhiên, mình cảm thấy hạnh phúc khi được tự do hưởng thụ tài sản do mình tạo ra. Bên cạnh đó, việc không bị nợ nần khiến đời sống của mình không bị trải qua những ngày tháng lo âu, hồi hộp, sợ chủ nợ đến quấy rầy, đó chính là những ngày tháng an vui hạnh phúc. Muốn không rơi vào tình trạng mắc nợ, trong nhiều bài kinh đức Phật nhắc nhở chúng ta mặc dù làm việc có được tài sản dư thừa cũng nên thực hành pháp "*thiểu dục tri túc*," phải giữ gìn, tiết kiệm bằng cách chi tiêu vừa phải, cần để dành lại một phần nào đó để phòng ngừa mai sau, vì không ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra! Ở đây chúng ta cần nhớ là tiết kiệm, chứ không phải bủn xỉn, keo kiệt, không dám sử dụng cho bản thân hay giúp đỡ những người cần giúp đỡ. Vì nếu không khéo cân bằng việc chi tiêu, sử dụng tiền bạc hợp lý, chúng ta sẽ biến thành kẻ nô lệ của đồng tiền.

Ba pháp đầu tiên đức Phật dạy con người ta làm thế nào để có được hạnh phúc về mặt vật chất. Nhưng pháp thứ tư mới là pháp được đức Phật xem là có giá trị nhất. Vì pháp này Ngài dạy người cư sĩ tại gia phải tu tập giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh. Nghĩa là lời nói, hành vi, cử chỉ, và tâm ý luôn trong sạch không gây lỗi lầm, đồng nghĩa với việc sống trong cộng đồng xã hội mình là con người biết tôn trọng nguyên tắc, luật lệ nơi quốc gia mình cư trú, mình không phạm tội nên được sống yên ổn. Về mặt tâm linh nghiệp báo, mình giữ ba nghiệp thanh tịnh không gây lỗi lầm, không gây nhân xấu, thì cuộc sống của mình cũng được bình an hạnh phúc.

Riêng bốn pháp đưa đến an lạc trong tương lai dành cho những ai có niềm tin sâu sắc vào Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Thứ nhất tin rằng đức Như Lai là đấng chứng ngộ toàn giác, là bậc Thầy của trời người. Tin rằng Pháp Phật dạy là chân lý đưa con người đến giải thoát giác ngộ. Tin rằng các vị thánh Tăng là những vị xuất gia tu hành xa lìa ác pháp, tiếp tục đưa chánh pháp đến với mọi người.

Tin sâu Tam Bảo, người Phật tử đã quy y, nguyện thọ và tuân giữ năm giới. Đó là từ bỏ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, sử dụng những chất ghiền nghiện như như si-ke, ma túy hay cồn rượu. Những giới này chính là hàng rào ngăn cản

người Phật tử phạm những lỗi lầm đưa đến khổ đau.

Đạo Phật là đạo Từ Bi và Trí Tuệ, nên người con Phật chỉ sống đạo đức thôi chưa đủ, mà phải tu tập phát huy tinh thần từ bi và trí tuệ. Từ bi là sống mở lòng thương xót mọi người mọi loài không phân biệt. Hành động tích cực để phát huy lòng từ bi là thực hành hạnh Bồ thí. Muốn phát huy trí tuệ, hành giả phải tìm cách gỡ gỡ các bậc thiện tri thức để trạch pháp, học pháp, tư duy về pháp. Nghe và hiểu về bốn sự thật: Khổ, nguyên nhân của Khổ, Khổ diệt và con đường dẫn đến Khổ diệt. Nghe và hiểu về sự thật duyên sinh của mọi hiện hữu. Nghe và hiểu về dục và các pháp chướng ngại giải thoát. Nghe và hiểu về Ngũ thủ uẩn. Nghe và hiểu về thiên quán, thiên định, như lý tác ý làm lạnh lã dử v.v... để sau cùng nhận chân ra hạnh phúc an lạc ở đời chỉ phù du, huyền tạm, bởi nó đòi hỏi nhiều điều kiện mới có, nên nó vô thường, khổ, không, vô ngã. Từ đó, chúng ta sẽ vượt qua, không còn ý muốn tìm cầu những thứ phù du trong thế giới hiện tượng, mà tinh tấn tu hành mưu cầu một hạnh phúc siêu việt tịch tịnh giải thoát Niết-bàn ngay bây giờ và ở đây, đồng nghĩa là hạnh phúc miên viễn.

Trở lại vấn đề an lạc hạnh phúc. Là người Phật tử tại gia sống trong thế giới tương đối, người nào thành tựu cả tám điều nêu trên được xem như là hạng người cư sĩ tối thắng với nhiều ưu điểm đáng đề cao như tiền bạc của cải kiếm được một cách hợp pháp bằng chính sức lao động hay kiến thức của mình, biết chia sẻ tạo phước, thọ dụng chừng mực, không tham đắm, nhiễm trước, thấy được nguy hiểm của lòng tham bằng trí tuệ, người đó xứng đáng được hưởng an lạc hạnh phúc trong cuộc đời này...

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

Thiền Viện Chân Như, Navasota, TX
(An Cư Kiết Xuân 22/2/2023)

* Tài liệu: Kinh Tăng Chi Bộ, VII
Phẩm Nghiệp Công Đức.



MAI NÀY TRẤY HỘI NƯỚC NON

*Chưa về trẩy hội mùa xuân
Mình năm tháng lại thanh tân rõ ràng
Trời nam thương lắm, mai vàng
Hồng đào đất bắc mơ màng em ơi*

*Bao giờ mình lại rong chơi
Quốc gia trọn vẹn con người tự do
Nhân quyền, dân chủ, ấm no
Trong ngoài ru lại câu hò yêu thương*

*Mùa xuân bát ngát cung đường
Lòng người hoan hỷ vẫn thường ước mơ
Hội xuân phát phối phước, cờ
Màu dân tộc cũ đến giờ chưa phai*

*Người còn xa cách dặm ngoài
Át trong tâm tưởng vẫn hoài thiết tha
Này em có biết chăng là
Mình thương nhớ lắm nước nhà Việt Nam*

*Nâu sông pha sắc áo lam
Hoa vàng pháo đỏ nghìn năm hãy còn
Mai này trẩy hội nước non...*

thơ THANH NGUYỄN



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
HỘI ĐỒNG HOÀNG PHÁP
HỘI AN HÀNH ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM
VIETNAM GREAT TRIPITAKA FOUNDATION

4333 30th Street, San Diego, CA 92104 – U.S.A.

Tel: (619) 283-7655

TÂM THƯ

V/v: An Hành Đại Tạng Kinh Việt Nam

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiên đức Tăng Ni,
Kính thưa quý thiện hữu tri thức, cùng quý thiện nam tín nữ Phật tử xa gần,

Phật giáo đã truyền vào Việt Nam hai nghìn năm, nhưng qua bao thăng trầm lịch sử dưới nhiều triều đại, chính thể, việc phiên dịch Tam Tạng Thánh Điển (từ tiếng Phạn hay Hán) sang tiếng Việt vẫn chưa được thực hiện một cách trọn vẹn và thống nhất. Trong khi đó, truyền bản Phạn-Hán thì tương đối đã được hoàn tất từ nhiều thế kỷ trước qua nhiều triều đại Trung Hoa; cho đến thế kỷ thứ 20, Đại Tạng Kinh bằng Hán văn lại được khởi sự biên tập, đối chiếu, hiệu chỉnh và cước chú rất kỹ lưỡng, công phu dưới triều Đại Chánh (Taisho) thứ 11, vào năm 1922, với sự tham gia của trên 100 học giả Phật giáo hàng đầu tại Nhật Bản. Đại Tạng Kinh Việt Nam sẽ dùng Hán bản Đại Chánh Đại Tạng Kinh này làm đề bản (bản đáy), và đặc biệt là có tham chiếu các truyền bản tiếng Phạn, Pali và Tây Tạng dưới sự chủ trì của nhi vị học giả tinh thông Phật học và Sử học là Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ và Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát.

Kế thừa sự nghiệp phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam (ĐTKVN), Hòa thượng Tuệ Sỹ—một trong 18 thành viên của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng (do Viện Tăng Thống GHPGVNTN chỉ định thành lập năm 1973), tiếp tục thực hiện công trình phiên dịch dang dở của Hội đồng; và với sự quán thông Tam Tạng Thánh Điển qua các truyền bản Phạn, Hán, Tây Tạng, đã nêu một tiêu chí chuẩn mực nhất có thể để thực hiện một Đại Tạng Kinh Việt Nam với tiếng Việt trong sáng, hàn lâm, góp phần phát triển phương tiện tuệ học cho tứ chúng đệ tử Phật đồng thời làm phong phú thêm cho kho tàng ngôn ngữ Việt. ĐTKVN bao gồm tất cả Thánh Điển Phật giáo được dịch sang tiếng Việt qua các thời kỳ lịch sử, bởi chư vị dịch giả các triều đại quá khứ, cùng với các dịch giả cận đại, hiện tại và tương lai; do vậy, theo dự án của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời (HĐPDTTTLT, do Hòa thượng Tuệ Sỹ chủ xướng thành lập vào ngày 03 tháng 12 năm 2021), sẽ là một bộ Kinh đồ sộ ước chừng 200 tập khổ 6.5 x 9.5 inches (16.5 x 24 cm).

HĐPDTTTLT với ba Ủy ban là UB Duyệt sách, UB Phiên dịch và UB Chứng nghĩa Chuyết văn, quy tụ một số ủy viên có trình độ chuyên môn về Phật học, Việt văn và cổ ngữ, dành hết tâm lực và thời gian để thực hiện công trình phiên dịch. HĐPDTTTLT được sự toàn tâm yểm trợ của Hội Đồng Hoàng Pháp (do chư vị lãnh đạo các GHPGVNTN châu lục và quốc gia thành lập vào ngày 08 tháng 5 năm 2021), trong đó có Ban Bảo Trợ và Hội An Hành Đại Tạng Kinh Việt Nam trực tiếp đảm nhận vận động tài chánh và tiến hành việc in ấn và phát hành ĐTKVN.

Kính thưa chư liệt vị,

Trong Kinh Duy-ma-cật, chương 13, phẩm Cúng Đường Pháp, có dạy: “*Cúng đường Chánh Pháp là cúng đường tối thượng.*” Chúng tôi tu học và hành đạo bao năm nay được góp phần nhỏ vào dự án vĩ đại do Hòa thượng Tuệ Sỹ chỉ đạo, với tâm nguyện đền ơn Phật-Pháp-Tăng trong muôn một, với ước vọng được nhìn thấy ĐTKVN hình thành từng kinh, từng bộ trong những năm tháng sắp tới. Có thể nói đây quả là nhân duyên vô cùng thù thắng cho một đời người.

Với tâm thành, chúng tôi xin tha thiết thỉnh cầu chư tôn Thiên đức Tăng Ni và Phật tử khắp nơi, vì tâm nguyện cúng dường Chánh Pháp, vì nguyện vọng được chứng kiến trong đời mình một bộ Đại Tạng Kinh tiếng Việt thật chuẩn mực, mang tầm vóc quốc tế, xứng đáng với chiều dài 2000 năm Phật giáo trên quê hương Việt Nam, hãy cùng đóng góp trí lực và tài lực cho công trình dài lâu này.

Thay mặt Hội Ấn Hành ĐTKVN, chúng tôi thành kính thâm tạ chư tôn Thiên đức và quý Phật tử xa gần. Nguyện đem công đức cúng dường Chánh Pháp này hướng về khắp tất cả; kính chúc chư tôn Thiên đức pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; và chúc nguyện chư thiện tín nam nữ cùng gia quyến vô lượng an Khang, cát tường.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát – tác đại chứng minh.

PL. 2566, ngày 01 tháng 6 năm 2022

Hội Ấn Hành Đại Tạng Kinh Việt Nam

Hội trưởng



Hòa thượng Thích Nguyên Siêu

HỘI ẤN HÀNH ĐTKVN:

Hội trưởng: Thích Nguyên Siêu | **Thư ký:** Thích Hạnh Tuệ | **Thủ quỹ:** Vĩnh Hào

BAN ẤN HÀNH:

Trưởng ban: Thích Hạnh Viên | **Phó ban:** Văn Công Tuấn

Phát hành: Thích Nữ Quảng Trạm | **Ấn loát:** Bạch Xuân Phê, Trần Nguyễn Nhị Lâm

Kỹ thuật: Trần Minh Triết, Nguyễn Lê Trung Hiếu

- ◆ Chi phiếu cúng dường ấn hành, xin để “Vietnam Great Tripitaka Foundation” và gửi về địa chỉ sau:

Vietnam Great Tripitaka Foundation
4333 30TH Street

San Diego, CA 92104 – U.S.A

(Chi phiếu xin ghi nơi phần Memo: ĐTKVN)

- ◆ Quý vị ở Hoa Kỳ có thể chuyển tiền vào tài khoản Bank of America của Hội Ấn Hành ĐTKVN bằng cách:
- ZELLE vào địa chỉ email: daitangkinhvietnam@YAHOO.COM

- ◆ Hội sẽ gửi Phiếu Công Đức (Donation Receipt) đến quý vị (nếu được cung cấp địa chỉ); và các khoản cúng dường này đều có thể được khấu trừ thuế theo luật định của chính phủ Hoa Kỳ.
- ◆ Quý vị có thể vào trang <https://hoangphap.org/phuong-danh-cung-duong-dtk/> để theo dõi danh sách cúng dường, được cập nhật mỗi ngày.



LÝ NHÂN DUYÊN SANH

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GĐPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

I. Định nghĩa:

Nhân: Những gì có năng lực phát sanh. Yếu tố chính của sự phát sanh.

Duyên: Những sự giúp đỡ phụ thuộc cho nhân phát sanh.

II. Định lý Nhân Duyên:

Mọi vật hình thành do kết quả của sự tác dụng giữa nhân và duyên. Ví dụ:

1. Cái bàn thì được tạo thành do gỗ là yếu tố chính (Nhân) và công làm là yếu tố phụ (Duyên).

2. Ngôi chùa được tạo thành do gạch, xi-măng, gỗ, đinh v.v... là yếu tố chính (Nhân) và công xây cất là yếu tố phụ (Duyên).

III. Những đặc điểm của Lý Nhân Duyên:

1. Tất cả sự hiện hữu trong vũ trụ đều có thể giải thích trong Lý Nhân Duyên.

2. Lý Nhân Duyên chi phối tất cả: Tất cả các sự vật khác nhau (hình tướng, tánh tướng, thể tính, khí tính, v.v...) đều do nhiều Nhân-Duyên khác nhau mà hình thành. Không một vật gì hình thành ngoài sự hội hợp của Nhân Duyên.

3. Lý Nhân Duyên là một sự thật (nguyên lý). Đức Phật chỉ là người nêu ra sự thật ấy.

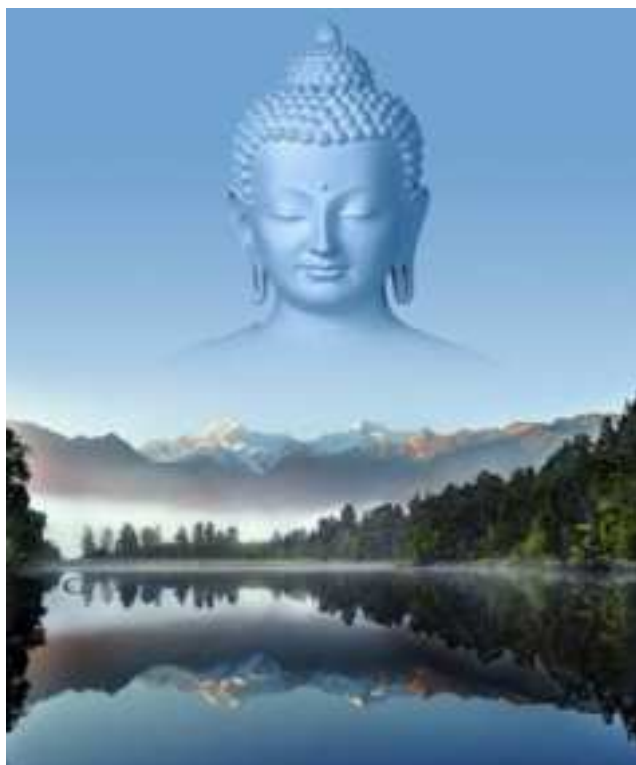
IV. Áp dụng Lý Nhân Duyên vào đời sống hàng ngày:

1. Lý Nhân Duyên cho chúng ta rõ mọi sự vật đều do nhân duyên tụ hội mà thành. Khi nhân duyên thay đổi thì sự vật ấy cũng thay đổi; cho nên chúng ta đừng quá nâng niều sự vật ấy vì một ngày nào đó nó cũng sẽ thay đổi khi nhân duyên tan rã. Không nên quá vui khi có nó và cũng đừng buồn khi mất nó. Đừng để sự vui buồn của chúng ta lệ thuộc vào những thứ tạm có đó.

2. Lý Nhân Duyên cho chúng ta rõ mọi vật khác nhau đều do nhiều nhân duyên khác nhau tạo thành. Không nên buồn khi gặp những gì mình không thích và cũng đừng quá vui khi gặp những gì vừa ý. Vì làm như thế, dù trước hay sau mình cũng phải có một lần buồn vì được nó hoặc mất nó.

3. Lý Nhân Duyên cho chúng ta hiểu rằng mình hãy bình thản sống với những gì mình có. Đừng vì đua đòi những thứ tạm có ấy để rồi làm khổ cuộc đời mình.

4. Lý Nhân Duyên cho chúng ta thấy rằng: Không có một vật gì tự nhiên mà có, và không một nhân nào có thể phát sanh khi không có những duyên phụ. Vì thế, con người và các sự vật



có đều do nhiều nhân duyên tạo thành chứ không phải do một vị Thượng Đế nào sáng tạo ra.

5. Lý Nhân Duyên cũng cho chúng ta thấy rằng tương lai của chúng ta nằm trong tay chúng ta.

Chúng ta muốn đẹp hay xấu, giàu hay nghèo, vui hay buồn đều do những nhân duyên tự bản thân ta tạo ra.

V. Kết Luận

Mọi sự vật hình thành khác nhau đều do nhiều nhân duyên khác nhau tụ hợp mà sanh ra.

Chính vì nhân duyên biến đổi không ngừng nên không có vật gì có thể tồn tại mãi mãi được. Hiểu được như vậy, chúng ta không nên quá vui hoặc quá buồn khi được nó cũng như khi mất nó. Trái lại, hiểu được như vậy sẽ giúp bản thân chúng ta sống an vui, hạnh phúc.

(trích Tài liệu Tu học của Bạc Trung Thiện,
GĐPTVN)

Theo dấu chân Người Xưa

TN. GIỚI ĐỊNH

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

*Mùa xuân hoa tỏa lộc khắp nơi
Ni chúng thành tâm đốt nén hương
Tượng niệm Thánh tổ Người khai sáng
Dẫn dắt Ni lưu thoát ta bà.*

Những người con gái của Đức Như lai trong pháp y thanh tịnh trang nghiêm, giữ gìn giới luật tinh chuyên, sống đời phạm hạnh thanh bạch, trau dồi tam vô lậu học, hằng được bước lên phương trời cao rộng của bậc Thánh trí. Chúng con cúi đầu thành kính dâng lễ Tôn giả A Nan người đã ba lần cầu xin Đức Phật cho hàng nữ giới xuất gia học đạo giải thoát, chúng con cúi đầu năm vóc gieo sát đất thành kính tưởng niệm Đức Thánh Tổ Kiều Đàm Di Mẫu, người đã hi sinh bỏ mọi vinh hoa phú quý của bậc vương giả, đã mở ra một phương trời mới cho hàng ni lưu chúng con được bước theo dấu chân của Ngài, được hạnh phúc an trú trong giáo pháp vi diệu của Thế Tôn.

Sáng nay ngày 25 tháng 2 năm 2023 (nhằm ngày 6 tháng 2 năm Quý Mão) tại đạo tràng chùa Phước Quang, miền nam California đất nước Hoa Kỳ, do Ni Sư trụ trì Thích Nữ Như Quang làm trưởng ban tổ chức, Ni giới chúng con thành kính tổ chức **Đại lễ tưởng niệm Đức Thánh Tổ Ni Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di và chư vị trưởng lão Ni tiền bối**. Hàng ni lưu chúng con với tài hèn sức yếu, trí tuệ mỏng manh nhưng không vì thế mà không dám cất bước lên phương trời cao rộng của sự xuất ly, như chư Đại Tăng đã vững bước. Sự hiện diện của quý Ngài như rót thêm năng lượng, cho thêm sự vững chãi để cho hàng ni lưu chúng con thêm sức mạnh trên con đường dẫn thân làm phật sự nơi xứ người với vô vàn nghịch cảnh khó khăn. Đây là lần thứ 2 quý Ngài đã thân hành chứng minh pháp

sự quan trọng này, thật là phước đức lớn cho hàng hậu học chúng con. Chúng con có nhân duyên được cộng trụ tu tập ở California, giữ hai miền nam bắc, cách nhau đến sáu giờ đồng hồ lái xe, quý ni sư đã dẫn dắt chư đệ tử các tu viện Như Huyền Không, tịnh xá Ngọc Hòa về miền nam cùng chị em các trụ xứ chung tay tổ chức lễ tưởng niệm.

Suốt tuần này, ngoài trời mưa nặng hạt, gió thổi lạnh từng cơn, nước đổ xuống không ngừng, quý ni sư thật vất vả. Ni sư trưởng ban Như Quang, Ni sư phó ban Như Minh, nói không ra tiếng, ăn uống không vô, người đã ốm thấy càng thêm hơn, khuôn mặt bơ phờ, chân cao chân thấp, áo quần ướt sũng nước mưa, mặc bao đưng rác thay cho áo mưa. Những tấm bạt treo lên lại rớt xuống, cờ xí rối tung, bàn ghế ngổn ngang, nước ngập khắp nơi, gần đến ngày lễ rồi mà khán đài chưa hoàn thành, bao nhiêu công việc dở dang, nước mắt cũng đã rơi theo cơn mưa, khi một cơn gió mạnh đi qua, mọi việc lại bị xáo trộn đến đau lòng. Ni sư tâm sự, nhiều đêm trằn trở lo âu không ngủ được, vì hoàn cảnh đơn sơ sợ đón tiếp không chu đáo, sợ thất lễ. Tuy trụ xứ nhỏ hẹp khiêm tốn, thiếu thốn mọi bề, nhân sự không có, ni sư Như Quang, Như Minh đã 2 lần phát tâm tổ chức đại lễ, đây là một sự hy sinh lớn lao, làm nền tảng cho người sau tiến bước, cũng là bước ngoặt lớn, gây tiếng vang lớn, đánh dấu một sự kiện quan trọng của ni giới đang hành đạo tại Hoa Kỳ.

Thương nhất là hình ảnh quý Hòa thượng tuy cao niên đã đem đệ tử tăng ni đến phụ giúp, cho mượn bàn ghế, treo bạt, quét tước. Quý ngài đích thân bưng từng cái bàn, che lại tấm màn bị gió thổi tung, cùng ăn với chúng con một tô bún đơn



sơ nhưng ấm áp trong tình thương yêu bảo bọc, mặc dù bên ngoài trời rất lạnh mưa vẫn đổ từng cơn. Nhìn những hình ảnh đó lòng chúng con ấm lại khi biết bên cạnh mình luôn có những người cha, người mẹ, những bạn hiền và chư Phật tử ủng hộ, nên quyết lòng phải cố gắng hơn không được chùn bước.

Sau một đêm ban tổ chức đã thiết một lễ đài trang nghiêm, tôn tượng của Tổ Sư Ni an vị nơi tôn nghiêm, diện mạo hiền dịu, đôi mắt từ ái như thăm nhắc nhở an ủi đàn con gái không cần phải lo sợ vì đã có Ngài bên cạnh.

Theo đài khí tượng báo sáng thứ Bảy mưa 100 phần trăm! Mưa thì không có chỗ để làm lễ vì chánh điện nhỏ hẹp. Nhưng rồi sự màu nhiệm đã đến, đất trời như thấu cho lời cầu nguyện của đại chúng, bắt đầu cử hành đại lễ cho đến lúc kết thúc trời quang mây tạnh bao la ầu tiêu tan nụ cười nở trên môi, đại lễ đã thập phần viên mãn như ý nguyện.

*"Giờ tay giờ từng trang lịch sử
Như thấy người xưa bỗng hiện về
Thánh Tổ Ni giới còn lưu lại
Dấu vết uy nghi để hậu lai."*

Nam Mô Đương Lai Nhất Thiết Chúng sanh Hỷ Kiến Phật. Hàng Ni giới chúng con xin đề đầu đánh lễ Ngài với tất dạ chí thành. Ngài đã thay Đức Thế Tôn dẫn dắt hàng Ni giới chúng con vượt ra khỏi vòng vây của tử sanh, chúng con đã cất bước theo dấu chân của Tổ Sư Ni, nguyện tu tập tinh cần. Trong bài Kinh Trì Pháp Túc Sanh truyện, Di Mẫu nghe Đức Phật thuyết pháp liền chúng quả Tu Đà Hoàn, với trí tuệ uyên thâm, của bậc hiền trí có niềm vui tịch tịnh giải thoát trong chánh pháp của Như Lai. Di mẫu quyết tâm từ bỏ hoàng cung, buông rơi ngũ dục lạc, cần cầu xuất gia. Sau đó Di Mẫu cùng với 500 người nữ dòng họ Thích ca, tự tay xuống tóc bằng rừng vượt suối, qua nhiều chông gai hiểm trở, máu rỉ cả đôi chân, quần áo bụi đất bám đầy, thân hình tiêu tụy, vốn là các công nương không quen với thiếu thốn gian khổ, nhưng bấy giờ không kể ngày đêm, mang chí nguyện xuất ly đứng trước Tinh xá, khóc lóc thảm thiết cầu cầu Thế Tôn cho phép được xuất gia. Ba lần cầu thỉnh Đức Phật không chấp nhận, Di Mẫu vẫn quyết tâm không nản chí.

Theo sử ghi lại, mùa hạ thứ năm sau ngày thành đạo, Đức Phật đang ngự tại vườn Ni Câu Luật thành Ca Tỳ La Vệ, Di Mẫu đến xin Đức Phật cho hàng nữ giới xuất gia. Di Mẫu thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, sẽ là một hạnh phúc lớn cho nữ giới, nếu Thế tôn chấp nhận cho người nữ từ bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình, khép mình vào khuôn khổ giáo pháp của Đức Như Lai". Ba lần cầu thỉnh Đức Phật vẫn từ chối. Sau khi rời Ca Tỳ La Vệ Đức Phật đi đến thành Tỳ Xá Ly, ngụ tại tinh xá Đại Lâm, Di Mẫu vẫn theo bước chân Phật, quyết cầu cho được xuất gia, mở ra một chân trời mới tự giải thoát cho chính mình và các hàng nữ nhơn. Sau ba lần cầu thỉnh của Ngài A Nan. Đức Phật dạy: "Này A Nan, nếu Di mẫu Mahapajapati Gotami chấp thuận vâng giữ Bát Kinh pháp, Di Mẫu sẽ được phép thành lập giáo đoàn Tỳ Kheo Ni." Di Mẫu và 500 người nữ vui mừng đánh lễ y giáo phụng hành.

Sau khi lãnh thọ Bát Kinh Pháp với lòng nhiệt

tâm, tinh cần, Di Mẫu cầu xin Đức Phật chỉ dạy mục tiêu tối hậu về pháp hành thiền định, chỉ trong thời gian ngắn Di mẫu tinh cần nỗ lực và chúng đắc Thánh quả A La Hán. Tại Tinh xá Kỳ Viên, Đức Phật xác nhận: "Di Mẫu Mahapajapaty là vị Thánh kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ hạnh phúc, giải thoát, niết bàn". Sau khi xin Đức Phật nhập niết bàn cùng với 500 tỳ kheo ni, giữa hội chúng Đức Phật tuyên bố: "Đây là xá lợi của Tỳ Kheo Ni Gotami, một bậc trưởng phu. Những gì bậc trưởng phu làm được, Tỳ Kheo Ni Gotami đều làm được." Trong kinh Pháp Hoa, Đức Thế Tôn thọ ký cho Ngài, tương lai thành Phật với danh hiệu Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật.

Đức Thánh Tổ Bậc thượng thủ đầu tiên lãnh đạo ni đoàn trong thời Đức Phật đã tiếp độ rất nhiều người nữ sống đời phạm hạnh giải thoát. Bên Tăng có thập đại đệ tử như thần thông, trí tuệ, mật hạnh, đa văn đệ nhất... thì chư ni cũng có thập đại đệ tử ni trì giới, đầu đà, thần thông đệ nhất... Tiếp đến hàng hàng lớp lớp chư tôn thiên đức ni tiền bối đã cùng với đại tăng trải qua bao thăng trầm của lịch sử đất nước, của đạo pháp từ quá khứ đến hiện tại vẫn giữ vững tay chèo đưa con thuyền Phật pháp cập bến đỗ bình an.

Đọc lại trang sử hào hùng của Đức Thánh Tổ Đại Ai Đạo và những bậc trưởng lão ni tiền bối, và cuộc cách mạng của Đức Phật đã cho người nữ xuất gia, thành lập tăng đoàn, chúng nhận cho tất cả mọi chúng sinh có khả năng thành Phật, nếu họ quyết tâm tu tập. Sự kiện này chưa có một vị giáo chủ nào trên hoàn cầu chấp nhận, đã mở ra một con đường mới đầy tính nhân văn cho mọi giới, không kể giàu sang hay nghèo khổ, nam hay nữ, lớn hay nhỏ mà tất cả mọi người đều bình đẳng trên hạnh phúc hay đau khổ.

Hôm nay những người con gái của Đức Thế Tôn, của Thánh Tổ Ni Đại Ai Đạo, nương theo hạnh nguyện của người xưa, nguyện dẫn thân trên con đường tu tập phụng sự chúng sinh quyết không từ gian khổ. Tự khắc kỷ với chính bản thân mình, công phu thiền tọa, không xao lãng chánh niệm, tinh thức, vì trên con đường nghịch dòng sanh tử cần phải có chí nguyện kiên cường, mới giữ vững đạo tâm. Trên xứ người mọi việc cần nỗ lực hơn, tinh tấn hơn, uyển chuyển tùy trụ xứ mà hành đạo, nhưng không vì thế mà lùi bước, quên đi chí nguyện phát tâm xuất gia ban đầu của mình. Từ bỏ cha mẹ không cung phụng sớm hôm, lìa xa xóm làng; đánh lễ sư phụ cầu xin xuất gia, cộng lao Thấy Tổ đã cạo bỏ tóc xanh, un đúc dạy dỗ, uốn nắn từ một con người phạm phu được dự vào hàng chúng trung tôn trao cho giới thân huệ mạng, thừa hành phật sự, tiếp dẫn hậu lai báo phật ân đức.

Tuy là phận nữ nhi, nhưng chúng con vẫn hằng khắc ghi lời Tổ Quy Sơn đã dạy: "Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu." Xin nguyện đốt nén tâm hương, hướng về Tứ Động Tâm, Đức Thánh Tổ Ni Đại Ai Đạo Kiều Đàm Di đánh lễ phát nguyện:

*Chúng con nguyện làm cánh hoa đại thế.
Cho vườn đời thơm ngát ý tương thân
Một loài hoa dù nở giữa phong trần
Vẫn tươi thắm màu vô ưu rực rỡ."*

The Story of Five Bhikkhus

Dhammapada, Verse 360 & 361

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (360) and (361) of this book, with reference to five bhikkhus.

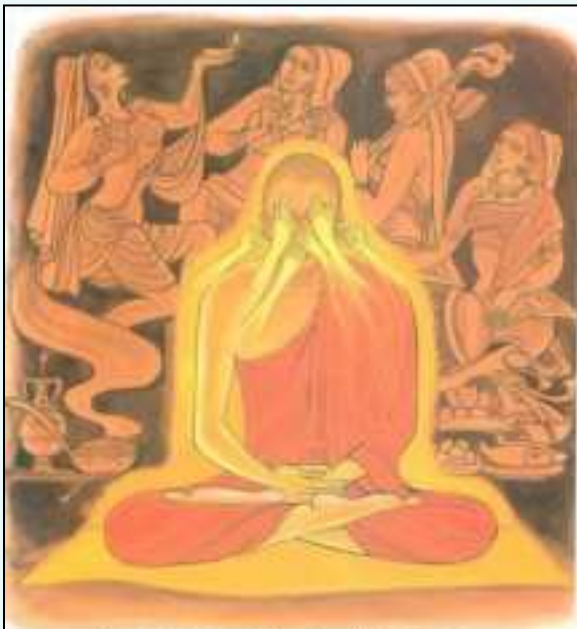
Once there were five bhikkhus in Savatthi. Each of them practised restraint of just one out of the five senses and each of them claimed that what he was practising was the most difficult. There were some heated arguments over this and they could not come to an agreement. Finally, they went to the Buddha to ask for his decision. The Buddha said to them, "Each of the senses is just as difficult to control as the other; but all bhikkhus must control all the five senses and not just one. Only those who control all the senses would escape from the round of rebirths."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 360: Restraint in the eye is good, good is restraint in the ear; restraint in the nose is good, good is restraint in the tongue.

Verse 361: Restraint in body is good, good is restraint in speech; restraint in mind is good, good is restraint in all the senses. A bhikkhu restrained in all the senses is freed from all ills (Samsara dukkha).

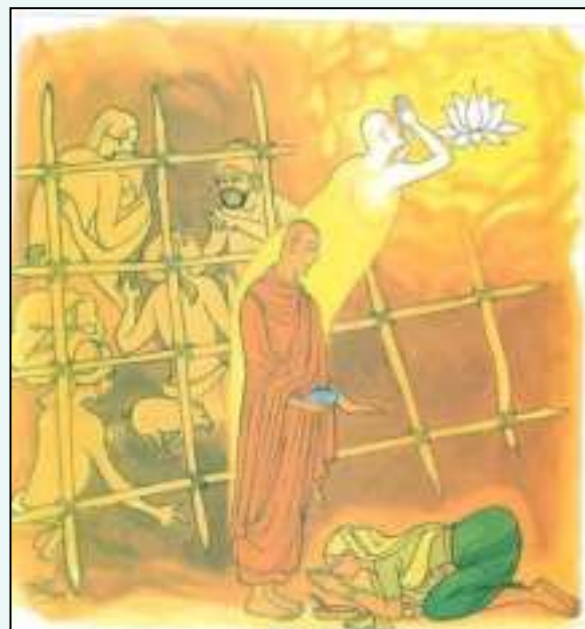
Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



Restraint in eye, ear, nose and tongue is good. It yields good results.

360. Uppaladdaṃ uccāraṃ aññā,
aññā uccāraṃ uccāraṃ
aññāñca uccāraṃ aññā,
aññāñca uccāraṃ aññā. (32:1)

Right is restraint in the eye,
restraint in the ear is right,
right is restraint in the nose,
restraint in the tongue is right.



Restraint in mind, in speech, is good. Restraint helps the mind end suffering.

361. Aññāya uccāraṃ aññā,
aññā uccāraṃ uccāraṃ
aññāñca uccāraṃ aññā,
aññāñca uccāraṃ aññā
aññāñca uccāraṃ aññā. (32:2)

Right is restraint in the body,
restraint in speech is right,
right is restraint in the mind,
everywhere restraint is right.
The bhikkhus everywhere remained
in love of Buddha law.

BÁN TRÂM HƯƠNG

*Có chàng lặn lội biển khơi
Tìm trâm hương quý kiếm lời bán ra
Trải nhiều năm tháng trôi qua
Công lao kết quả thật là tốt thay
Trâm hương được một xe đầy
Dem về giữa chợ chàng bày bán rao
Vì hàng quý, nên giá cao
Thành ra chẳng có ai nào muốn mua
Chàng buồn chán, chàng ưu tư
Băn khoăn tính toán nhưng chưa được gì.
Chợt chàng ngó thấy người kia
Mang than ra chợ bán thì hết mau
Có bao giờ ế hàng đâu
Chàng nhìn, tính toán trong đầu loay hoay:
“Ta đem đốt trâm hương này
Thành than rồi bán xong ngay dễ dàng.”
Nghĩ xong chàng đã vội vàng
Mang trâm hương đốt thành than hết liền
Đưa ra chợ bán kiếm tiền
Thế là bán chạy quá nhiên hết hàng.
Buồn thay giá một xe than
So ra rẻ mạt sao bằng trâm hương.*

*

*Truyện này khuyên khách thập phương
Tu hành chớ ngại con đường gian truân
Nếu mong Phật quả thành tâm
Khó chi ta cũng ngàn lần vượt ngay.
Giữ nguyên quả vị Phật này
Chớ nên thoái chí chẳng hay chút nào,
Giữ nguyên quả vị tối cao
Quyết tâm thành đạt chớ nao núng lòng.*

thơ

TÂM MINH NGÔ TẢNG GIAO

(Thi hóa phỏng theo Kinh Bách Dụ)



GET SIGNALOES FROM UNDER THE SEA

Once upon a time there was a merchant who was getting signaloes from under the sea. He did not gather enough of them to fill up a cart to bring back home until several years later. He then transported them into the market. However, there were no buyers, due to their high price. Unable to sell them after several days, he got bored and tired.

While he saw some other dealers selling out quickly their charcoal, he said to himself that it is better to burn the signaloes into charcoal in order to get them sold quickly.

After he burnt them, he went to the market again, but the value of the burnt signaloes was less than half of that of the charcoal.

So are the stupid in the world. To attain Buddhahood, it requires them to practice diligently and zealously through various methods. However, they draw back from encountering difficulties. They would resolve reaching Sravaka stage by destroying quickly the Karma of reincarnation in their hope of becoming Arahant.

(Trích dẫn trong
"SAKYAMUNI'S ONE HUNDRED FABLES"
do **TETCHENG LIAO** dịch)

Cây chổi của ngài Chu-lợi Bàn-đà-già

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ngài Chu Lợi Bàn Đà Già là vị La Hán thứ 16 trong Thập Bát La Hán. Tên của ngài (Chùdapanthaka) được phiên dịch nhiều cách khác nhau, tùy theo ngữ âm ở mỗi địa danh, như Châu Trí Ban, Tha Già, Côn Nỗ Bát, Đà Na, Trí Lợi Mãn Đài, Chu Lợi Bàn Đạc, Chu Lợi Bàn Đà Già, v.v...

Trong kinh Tăng Nhất A Hàm có một giai thoại về vị La Hán thứ 16 này. Đó là đoạn ghi lại thời Đức Phật còn tại thế. Trong tăng đoàn có hai anh em ngài Bàn Đà. Người anh, Tỳ-kheo Đại Bàn Đà thông minh, tinh tấn còn người em, Chu Lợi Bàn Đà Già thì rất mực chậm lụt, dù chỉ 4 câu kệ cũng quên trước, quên sau, không thể xướng tụng. Thấy em như vậy, Tỳ-kheo Đại Bàn Đà khuyên em tạm rời tăng đoàn vì không có đủ trí tuệ để đạt được cứu cánh tối thượng.

Chu Lợi Bàn Đà Già biết mình ngu si tối dạ nhưng lại rất thiết tha được gần gũi Đức Thế Tôn và tăng đoàn, nên khi phải nghe lời sư huynh, chuẩn bị rời tăng đoàn thì lòng buồn bã lắm!

Cũng buổi sáng hôm đó, Đức Thế Tôn dùng tha-tâm-thông, biết được sự tình, bèn đứng chờ Chu Lợi Bàn Đà Già trước cổng tịnh xá. Đức Thế Tôn trao một cây chổi cho Chu Lợi Bàn Đà Già và ân cần nói:

- Hãy ở lại. Ta có việc cho ông làm. Với cây chổi này, ông chỉ việc quét, quét và quét. Công việc dễ dàng, chỉ cần khi quét, hãy nói thầm trong lòng: "Phất trần trừ cấu! Phất trần trừ cấu! Phất trần trừ cấu!" - nghĩa là quét sạch bụi bẩn.

Tới đây, cũng có chuyện tích ghi lại, là Đức Thế Tôn còn trao cho Chu Lợi Bàn Đà Già một chiếc khăn trắng, truyền ông hãy dùng khăn này lau mặt, lau mình. Khi lau, phải nhớ nói thầm: "Lau sạch bụi nhơ! Lau sạch bụi nhơ! Lau sạch bụi nhơ!"

Những truyền thuyết ghi lại này tuy không hoàn toàn đồng nhất nhưng cùng một ý tưởng Đức Thế Tôn truyền trao, là có sự chăm sóc, lau chùi thì vườn tược, phòng ốc, thân thể... Nói chung là nơi nào bụi bám mà được lau chùi cũng đều sạch sẽ.

Chu Lợi Bàn Đà Già mừng rỡ tuân lời Đức Thế Tôn vì công việc này không phải học, không phải nhớ những câu kệ, những bài chú mà đối với ông là quá khó! Chỉ cần vừa quét, vừa lau, vừa lầm nhảm "Phất trần trừ cấu! Lau sạch bụi nhơ!" thì

ông có thể nhớ được và làm được.

Chu Lợi Bàn Đà Già là người siêng năng nên từ khi tuân lời dạy của Đức Thế Tôn thì từ những lỗi mòn thiền hành tới các tầng xá, đâu cũng thường xuyên có lát chổi, tấm khăn của ông quét dọn, lau chùi nên nơi nơi đều gọn gàng, sạch sẽ. Với công việc tưởng như bình thường nhưng Chu Lợi Bàn Đà Già đã đem niềm vui tới cho bao huynh đệ mà không hay!

Hạt mầm gieo xuống đất tốt, sẽ tới ngày đơm hoa kết trái. Đó chính là ngày ở một sát na kỳ diệu, tâm Chu Lợi Bàn Đà Già bỗng bừng sáng, nhận ra rằng, bấy lâu nay ông đã sống quá hạnh phúc, quá an lạc! Điều gì đã chuyển hoá cái tâm u buồn, tâm hồ thẹn, tâm tủi thân trước kia?

Ồ, có phải từ khi tuân lời Đức Thế Tôn, siêng năng lau chùi, quét dọn trong, ngoài? Lau quét nơi nào thì nơi đó sạch. Ta an trú trong chánh niệm khi dọn rác, lau bụi, có phải là đồng thời ta cũng đang dọn rác, lau bụi

nơi tâm, nên tâm buồn đã chuyển vui?

Như ngọn đèn vừa được bật lên trong căn phòng từng bao năm tắt tối, Chu Lợi Bàn Đà Già nhìn lại tự thân và tưởng như vừa được tái sinh, một linh hồn mới trong thân tứ đại do đất nước gió lửa tạo thành này! Những trang kinh, những bài kệ khi xưa từng xa vời, nay hiện rõ trong tâm khiến ông, không chỉ dễ dàng đọc tụng mà còn từng bước hành trì miên mật cho tới đặc quả vị A La Hán.

Đức Thế Tôn nhìn thấu, nên đã độ cho người có thể độ.

Trái tim Phật từ bi mở rộng
Vòng tay Phật nâng đỡ ân cần
Bước chân Phật chỉ đường dẫn lối

Trong Bốn Môn Pháp Hoa Kinh, phẩm Như Lai Thọ Lượng, sau 3 lần Đức Di Lạc Bồ Tát đại diện Chư Bồ Tát mà thỉnh cầu, Đức Thế Tôn mới nhận lời mà bảo đại chúng: "...*Tất cả thế gian đều cho Đức Phật xuất thân họ Thích, đến cội bồ đề gần thành Già Da, mà thành Chánh Giác. Nhưng thiết từ ta thành Phật đến nay, trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ-kiếp, thường ở Ta-bà thị hiện sanh thân trong nhiều quốc độ, thuyết pháp giáo hoá vô số chúng sanh - tin nơi ta - mà khai phương tiện chỉ bày chân thật thậm thâm vi diệu...*"





Thiếu niềm tin và không đủ lòng chí thành chí thiết cầu giải thoát giác ngộ thì dù từ bi, Đức Phật cũng không thể độ họ. Như trong Sám Pháp Lương Hoàng Sám, quyển Thứ Bảy, chương thứ 10, có đoạn nói về 8 nạn khổ, mà nạn thứ 8 là "Sanh trước Phật hay sau Phật."

Đoạn này bổ túc cho rõ ý nạn khổ thứ 8, là thời đó, một bà già ở thành Đông, đồng sanh một thời, đồng ở một xứ với Phật mà bà không hề quan tâm tới đạo giải thoát, không nghĩ tới tìm Phật, gặp Phật; trong khi, loài rồng là súc sanh nhưng tin nơi Đạo Cả mà lên được Đạo Tràng, dự thánh Giáo Pháp!

Phàm có nạn hay không, là tại tâm. Tâm đã sanh nghi ngờ thì không phải nạn cũng thành nạn. Có niềm tin thì nạn cũng chuyển thành phi nạn.

Là người con Phật, niềm tin mà chúng ta cần có là tin nơi những lời giáo huấn từ kim khẩu Đức Thế Tôn. Hơn 26 thế kỷ qua, lời Cha Lành đã không ngừng tùy thuận theo quốc độ, văn hoá, căn tánh chúng sanh mà tiếp tục truyền dạy qua bao ứng thân Bồ Tát, Đạo Sư, Sa-môn, thiện trí thức...

Lời hứa khải "Mọi chúng sanh đều sẵn có Phật Tánh như nhau" là năng lực vô biên cho những ai tin nơi Chư Phật đều cố gắng nhìn lại chính mình để triển khai Phật Tánh. Ở giai đoạn này, niềm kính tin vô cùng quan trọng, là chiếc cầu nối đôi bờ giao cảm.

Khi ngài Chu Lợi Bàn Đà Già chưa được Đức Thế Tôn trao cho cây chổi nhiệm mầu thì nào ngài đã hiểu kinh, thuộc kệ, nhưng lòng tin nơi Đức Thế Tôn thì luôn vững mạnh và chí thành nên tấm lòng đó đã giao cảm được với tâm từ bi của Đức Từ Phụ.

Sự giao cảm có thể đạt được này, vẫn nhắc nhở trên mỗi trang kinh mở đầu thời khoá hành trì khi người con Phật thành kính dâng lễ Chư Phật:

*"Năng lễ, sở lễ tánh không tịch
Cảm ứng đạo giao nan tư nghị
Ngã thử đạo tràng như đế châu
Thập phương Chư Phật ảnh hiện trung
Ngã kim ảnh hiện Chư Phật tiền
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ"*

Chúng sanh trong cõi Ta-bà vốn nghiệp dày, phước mỏng nên những ai có duyên may gặp được Phật pháp, tin nơi Giáo pháp, vẫn phải thường xuyên nhìn lại chính mình để kịp thời chuyển hoá và ngăn chặn những điều bất thiện vì trong sáu căn, Ý được xếp cuối bảng nhưng lại như con vượn chuyền cành, không ngừng thoăn thoắt nhảy nhót mà khiến nằm căn trước, chưa kịp nhận ra đã bị Ý dẫn đi xa lắc !

Những ai có duyên may đôi khi kịp chuyển sửa tâm ý mình mà chợt liên đới nghĩ tới cây chổi của ngài Chu Lợi Bàn Đà Già không?

Cây chổi đó, ở thế-giới-tịch-môn, là thế giới những sự tích có thật, được ghi chép lại. Cây chổi đó đã giúp ngài Chu Lợi Bàn Đà Già chuyển buồn thành vui, chuyển ngu tối thành trí tuệ, nhờ tâm hồn trong sáng và niềm tin chí thành nơi Chánh Pháp.

Vậy, suốt 26 thế kỷ, qua bao quốc độ, bao thăng trầm thế sự, vẫn không thời nào không có những chúng sanh đủ duyên may mà chuyển tâm trên con đường tìm cầu giác ngộ thì có tha lực của cây chổi khi xưa hay không? Chắc là phải có! Cây chổi đó vẫn hiện diện ở thế-giới-bản-môn, là thế giới tinh thần của niềm tin những gì cao đẹp tuyệt hảo đều vượt khỏi mọi không gian và thời gian.

Khi quán chiếu được tới đây, lòng người con nào lại không phấn khởi khi tin rằng qua màn vô minh của kiếp nhân sinh, thì tinh thần cây chổi mà Đấng Cha Lành từng trao cho ngài Chu Lợi Bàn Đà Già khi xưa, vẫn từ bi ẩn hiện quanh ta. Hãy cùng nhau vững tin và chí thành cầm lên mà "Phất trần trừ cấu!" Hãy chăm sóc quét dọn vườn-tâm như người làm vườn, không chỉ vun đất bón cây mà còn phải quan sát nhổ cỏ dại thì cây kia mới xanh, hoa kia mới trở.

Một sáng mùa đông, khi đang quét lá sân trước, bỗng như nghe thấy âm thanh trầm bổng của 4 tiếng "Phất trần trừ cấu". Rồi phản ứng tự nhiên của kẻ phàm phu là dừng chổi nhìn quanh !

Có ai đâu! Chỉ là ngọn gió đêm qua làm rụng bao lá vàng để sáng nay cho người được quét lá, vun lại, ủ dưới gốc cây, cho lá sẽ thành đất, đất lại nuôi cây...

Trong sự trầm lặng tuần hoàn của vạn hữu vẫn luôn có sự thâm lặng chăm sóc lẫn nhau mới tạo thành những tiếp nối "Cái này sinh, vì cái kia sinh; Cái này diệt, vì cái kia diệt" để biết đâu mai này, tới sát na vi diệu, cùng thấy nhau qua lăng kính Bát Nhã "Không sinh. Không diệt..."

Huệ Trân

(Tào-Kê tịnh thất – một sáng nắng lên, sau những ngày mưa tuyết)

VÔ THƯỜNG THƯỜNG TRỰC

Tiểu Lục Thần Phong

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Hai chữ vô thường rất quen thuộc với mọi người chúng ta, trong đời sống hàng ngày ai ai cũng nghe và nói. Trong kinh sách hai chữ này cũng thông dụng và được bàn luận rất nhiều, vậy vô thường là gì?

Nghĩa của nó nói nôm na là không được tồn tại dài lâu, là sự thay đổi không ngừng nghỉ, sự biến hoại, sanh diệt liên li. Thế gian vô thường, nhỏ nhiệm như hạt bụi, lớn lao như sơn hà vũ trụ... đang thay đổi, biến hoại trong từng phút giây. Đời sống con người và vạn vật muôn loài cũng thế, thay đổi, sanh diệt liên miên, không có một giây phút nào tạm ngừng. Cái tâm con người cũng rất vô thường, sớm nắng chiều mưa, nay yêu mai ghét... (Ở đây muốn nói cái vọng tâm, còn chơn tâm hay Phật tánh thì không dám lạm bàn)

Pháp môn tu Tứ Niệm Xứ cũng nói đến vô thường: Thân bất tịnh, thọ khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã. Tuy nghe và biết vô thường là vậy nhưng thật sự hiểu thấu đáo và hành thì không bao lâu người, đôi khi cảm nhận được vô thường, đau khổ vì vô thường nhưng rồi chóng quên và trôi lăn theo dòng chảy của cuộc đời.

Làm người thì ai mà đã không từng bị bệnh, không từng chứng kiến người thân của mình qua đời? Thân bệnh chính là sự biến hoại vô thường, chết chính là sự sanh tử vô thường. Tâm yêu ghét là sự thay đổi vô thường. Làm ăn phát tài hay lụn bại cũng là biểu hiện của vô thường. Vô thường thường trực trong từng sát na, vô thường không ở đâu xa mà ngay tại cái thân ta, ngay tại phút giây hiện tại này. Một giây vừa trôi qua là trở thành quá khứ, cha mẹ đang già yếu từng ngày cho ta biết sự có mặt thường trực của vô thường. Con cái mới ngày nào còn bé thơ vậy mà giờ rời tổ ấm bay nhảy bốn phương trời, vô thường chính là thường vậy!

Biết, hiểu vô thường nhưng chấp nhận vô thường không phải là việc dễ dàng, dù không dễ dàng nhưng vẫn phải chịu. Khi một người thân yêu mất đi thì đau khổ biết bao, khóc lóc, sầu khổ, buồn nhớ, nhiều người thất thần thậm chí cả quyền sinh. Khi tài sản bị mất mất thất thoát vì một lý do nào đó thì mình cũng đau biết dường nào, đau như cắt ruột, bởi vậy dân gian mới có câu: "Đồng tiền liền khúc ruột". Biết vô thường là một chuyện nhưng dễ mấy ai thực hành được? Thế gian bầy tỳ người có được bao nhiêu người

dám buông bỏ, cát ái từ thân, ly gia đoạn dục để lên đường giải thoát?

Nói vô thường, biết vô thường, hiểu rằng sống nay chết mai, mạng sống giữa hai lần hơi thở nhưng dễ mấy ai dám đem tài sản của mình ra làm phước cứu người giúp đời? Của cải tài sản là vật ngoại thân, trong kinh Phật nói là "Con năm nhà: nước, lửa, giặc trộm quan nha, oan gia trái chủ, chiến tranh". Tiền bạc của cải nó không tồn tại dài lâu trong tay ai. Nó luôn dịch chuyển, luôn tụ tán vô hồi. Nó phụ thuộc vào cái phước của mỗi người.

Thuở trước ở miền nam trù phú và hưng thịnh lắm, có nhiều người giàu và rất giàu, tuy nhiên cũng có vô số kẻ bần cùng, không nhà, mồ côi, ăn xin... Nhưng có ai dám bỏ tài sản của mình ra cứu giúp đâu. Thế rồi cái ngày thay ngôi đổi chủ xảy ra, tất cả bổng dưng mất trắng. Người thì bỏ nhà cửa đi di tản, kẻ thì bị tịch thu. Sản nghiệp bao nhiêu năm gầy dựng tích góp thế là tan tành mây khói. Những người không kịp di tản còn bị mang vạ vì tài sản của mình: Bị đánh tư sản, bị tịch thu tài sản, bị đày đi kinh tế mới... Rồi hàng triệu người rời bỏ nhà cửa tìm đường vượt biên.

Những con tàu vượt biên ấy lại gặp bão tố, hải tặc, hết lương thực... một thảm họa vô cùng khủng khiếp. Trong những con tàu vượt biên ấy, có một con tàu chết máy trôi lênh đênh mấy tuần trên biển mà không có một giọt nước, không một mẩu thức ăn, nhiều người chết vì đói khát. Trên tàu có một vị vốn là đại gia của miền nam, ông ấy hối hận: "Lúc trước ta đã ky cốp làm giàu, càng giàu càng tham, giàu mà hồi ấy đem của cải bố thí cứu người giúp đời thì giờ đâu đến nỗi mất trắng!" Ông ấy còn than thở: "Ngôi trên đại dương mà không có một giọt nước để uống, trong ruột tượng còn mấy mươi cây vàng mà không có một muỗng cơm để ăn." Cũng may nhờ dư phước, con tàu ấy được tàu Cap Amour vớt và đưa đến bến bờ tự do. Sau một thời gian thì người ấy lại làm ăn thành công lần nữa. Tiếc một điều là vị đại gia ấy quên phút chuyện vô thường đã xảy ra trong quá khứ chưa xa, quên bằng những lời hối hận thì thăm trên con tàu vượt biên. Vị đại gia ấy giờ lại lẫn xả ra làm giàu và không từ thủ đoạn nào để được giàu thêm. Thế là chuyện vô thường coi như chẳng biết, chẳng liên can gì, có chăng chỉ là chót lưỡi đầu môi trong những lúc hàn huyên.



Thế đấy, nói vô thường là vậy nhưng thật sự thấu đáo và hành thi chẳng mấy ai và chẳng dễ tí nào!

Những tháng qua chúng ta chứng kiến cuộc xâm lăng tàn bạo do Putin gây ra. Một cuộc chiến vô cớ, phi lý và dã man, cả nhân loại đều phần nộ và phản đối, nhưng tiếc thay chẳng làm được gì hơn. Cuộc chiến bất ngờ, vô lý cho chúng ta thấy vô thường nó thường trực trong mỗi sát na, nó có thể xảy ra bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào và với bất cứ ai. Đất nước Ukraine vốn thanh bình, xinh đẹp. Người Ukraine đang sống hòa bình yên ả... Bỗng dưng Putin dội bom, bắn hỏa tiễn, xua quân sang xâm lăng. Nhà cửa sụp đổ, bệnh viện, trường học tan tành, hàng ngàn người chết, hàng triệu người di tản ly hương. Trong số người di tản ấy cũng có một số đồng bào Việt Nam. Họ bỏ cả gia sản gầy dựng bao nhiêu năm nay để chạy nạn. Cơ họa vô thường dù là do người gây ra nhưng nó vẫn mang tính vô thường. Thế gian này không có gì là thường, tất cả luôn luôn thay đổi biến hoại, tất cả trong cái vòng quay bất tận: sanh-trụ-dị-diệt, thành-trụ-hoại-không. Cuộc chiến ở Ukraine là một cuộc chiến vô cớ, phi lý, dã man ít ai có thể ngờ, dù không ngờ nhưng vô thường đã xảy ra.

Xa hơn một tí là những trận sóng thần, động đất, cuồng phong, cháy rừng, lũ lụt... đã xảy ra, đang xảy ra và sắp xảy ra. Tất cả đều là biểu hiện của vô thường. Ngay cả đạo Phật cũng thế, không nằm ngoài lẽ vô thường. Đạo Phật phát tích và hưng thịnh ở Ấn Độ, sau đó thì lụi tàn và biến mất. Đạo Phật được truyền sang các nước khác và cũng liên tục thịnh suy suốt theo chiều dài lịch sử. Điều này cho thấy cái đặc tính vô thường, vô thường nó xảy ra dù có tin hay không tin, dù chấp nhận hay không chấp nhận và bất kể tình trạng chủ quan hay khách quan như thế nào. Vô thường là biến hoại, là thay đổi, ở thế gian này thì vô thường chính là thường. Những trận chiến khốc liệt liên miên, những quốc gia thành lập hay bại vong, những trận thiên tai kinh hoàng, những thảm họa do người gây ra... tất cả đều biểu hiện vô thường thường trực trong đời sống.

Đừng nói chi những vấn đề to lớn hay xa xôi, hãy nhìn ngay chính bản thân mình: Đang lớn lên hay già đi, được sanh ra hay đang đi đến lăm chung, những cơn đau dù nhẹ hay nặng, những mối quan hệ phát triển hay đổ vỡ, những công việc làm ăn thành đạt hay lụn bại... tất cả đều là sự biểu hiện của vô thường thường trực trong mỗi phút giây này.



MỜI TRÀ

(Kính tặng Thầy Thiện Trí nhân đọc bài thơ “Trà tuyết”, báo CP số 133, tháng 12.2022)

*Cali nóng, lấy dâu tuyết trắng
Mà pha trà chát đắng uống chơi?!
Chấp tay cung kính vái mời
Tặng sư Thiện Trí đến thời trà ngon!*

*Dịp lễ lớn, gọi hồn hoa tuyết
Cảm ơn Thầy, tha thiết bao tình
Gọi mưa, gom tuyết hoa xinh
Trần gian gặp gỡ hương trinh trắng ngần!*

*Cảm ơn Thầy, xa gần nhắc nhớ
Chón trần gian, gặp gỡ hàn huyền
Chén trà bốc khói trao duyên
Cho đời đối ẩm chuyện riêng đá vàng...*

*Trà xanh xanh, tận ngàn núi thẳm
Nước trong trong, chậm chậm chảy về
Trà ngon, nguồn suối chân quê
Mời Thầy cạn chén đường về yêu thương.*

*Nước đun nóng, bùng bùng hơi bốc
Trà thơm thơm, chốc chốc tỏa hương
Hương trà, hương nước nhẹ buông
Không gian hòa lẫn, sen hồng thoảng bay...*

Lê gia, 15.12.2022

thơ HOÀNG DUY

Vào 'THIÊN TẬP VỚI PHÁP ẨM' của NGUYÊN GIÁC: 'THẤY TÂM TỊCH LẶNG KHÔNG NGƯỜI, KHÔNG TA'

Huỳnh Kim Quang

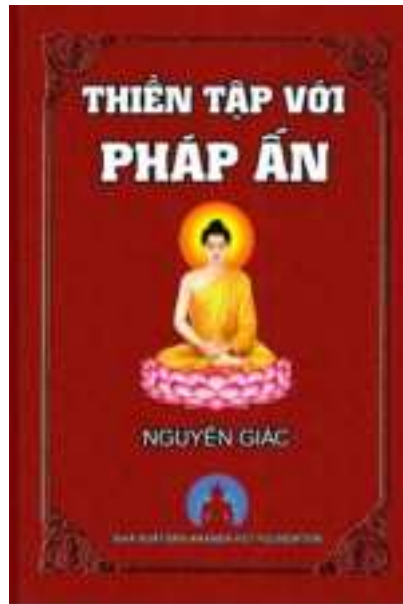
TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Có lần, trong lúc trò chuyện thân tình khi chúng tôi còn làm việc chung với nhau ở tòa soạn Nhật báo Việt Báo cách nay nhiều năm, Cư sĩ Nguyên Giác Phan Tấn Hải đã kể cho tôi nghe về cơ duyên anh bước vào Thiền. Rằng, một hôm tại Chùa Tây Tạng ở Bình Dương, Hòa Thượng Thích Tịch Chiếu, là Thầy Bốn Sư của anh, dạy cho người em gái của anh pháp môn niệm Phật để hành trì. Vì không thấy Hòa Thượng dạy cho mình pháp gì để tu, anh mới hỏi Hòa Thượng: "Còn con thì tu pháp môn gì?" Hòa Thượng nhìn thẳng anh, rồi dạy: "Thấy tánh!"

Đó là phép dạy Thiền: Trực chỉ, dứt khoát, không quanh co, không nhiều lời, không để cho tâm phan duyên của người đối diện có một chút cơ hội nào để bám víu! Nhưng, phép dạy Thiền đó không phải vị Thầy nào cũng có thể làm được. Nó đòi hỏi nơi vị Thầy một nội lực thân chứng thực sự cao thâm để có thể nhìn thấu suốt căn cơ của người đệ tử mà truyền trao đúng pháp.

Lời dạy "thấy tánh" mà Hòa Thượng Bốn Sư khai thị cho anh Nguyên Giác như câu chuyện ở trên là một trong những yếu chỉ của Thiền: "kiến tánh thành Phật." Thấy tánh là ngay tức thì thấy Phật, mà thấy Phật là giác ngộ, là đạt được trí tuệ vượt qua bờ kia, hay còn gọi là tuệ giải thoát.

Khi nghe anh Nguyên Giác kể câu chuyện trên, tôi giật mình và bất giác tưởng chừng như đang nghe một huyền thoại trong các chuyện cổ tích của Thiền một thời xa xưa nào đó! Nhưng, đó không phải là chuyện cổ tích mà là chuyện đã thực sự xảy đến với Cư sĩ Nguyên Giác. Tôi biết chắc đó là sự thật một trăm phần trăm. Nhiều năm làm việc với anh, tôi thấy rõ anh là một người cư sĩ đúng nghĩa, là một người con Phật trọn vẹn. Anh sống chân tình và trọng tình trọng nghĩa. Anh chỉ muốn giúp người khác mà hiếm khi dám thọ ơn.



Anh rất mực cẩn trọng đối với nhân quả, nghiệp báo. Anh có nhiều tài, có sức làm việc bền bỉ, và có sức viết phi thường. Đã qua tuổi "cổ lai hy" mà anh vẫn còn viết đều, viết mạnh.

Có lẽ, tôi đoán, lời dạy của Hòa Thượng Bốn Sư hôm nọ đã khai tâm và mở lối cho anh để rồi từ đó anh không còn do dự và nỗ lực không ngừng thực hành Thiền và truyền bá Thiền đến cho mọi người. Cư sĩ Nguyên Giác là một trong những hành giả Thiền quảng bá nhiều nhất pháp môn Thiền đến mọi người. Dù bận rộn nhiều công việc sinh nhai trong những năm trước, anh cũng đã không bỏ phí thời gian ít ỏi của mình để dịch và viết hàng chục tác phẩm về Thiền góp phần vào việc truyền bá Phật Pháp.

Cuốn "Thiền Tập Với Pháp Ẩm," dày 460 trang, vừa được Ananda Viet Foundation xuất bản vào đầu

năm 2023, là một trong hàng chục tác phẩm và dịch phẩm về Thiền của Cư sĩ Nguyên Giác Phan Tấn Hải không ngoài mục đích truyền bá Phật Pháp cho những ai có duyên để tu tập.

Tôi được thiện duyên đọc khá nhiều các tác phẩm của Cư sĩ Nguyên Giác và tôi nghiệm ra rằng trong hầu hết các bài viết, các tác phẩm của anh, bao gồm cuốn "Thiền Tập Với Pháp Ẩm," đều hàm ngụ hai đặc điểm nổi bật: thứ nhất là không lý luận quanh co, và thứ hai là đi thẳng vào thực hành.

Trong đặc điểm thứ nhất, Cư sĩ Nguyên Giác rất hiếm khi trích dẫn các luận giải mà thay vào đó hầu hết đều trích Kinh. Các luận giải là do chư vị luận sư, học giả diễn giải theo phương pháp phân tích lý luận, không tránh phần nào quan điểm cá nhân. Trong khi đó, Kinh là lời đức Phật dạy không phải để lý luận mà để chỉ thẳng con đường tu tập cho các hàng đệ tử. Lý luận thì để bắt cầu cho tâm phan duyên và vọng tưởng khởi sinh. Chỉ thẳng con đường tu tập là tức thì dập tắt

mọi vọng niệm. Trong bài "Thiền Tập Với Pháp Ấn," Cư sĩ Nguyễn Giác viết cụ thể hơn về hai đặc điểm được nêu ra ở trên:

"Đức Phật nói rằng giải thoát là nơi thân tâm này, chứ không ở đâu xa. Do vậy, sau khi thâm tín nhân quả, hãy có niềm tin chắc thật rằng giải thoát là từ nơi thân này và tâm này."

"Thay vì tranh luận bằng cách mượn những lý luận của nhiều ngàn năm trước, hãy mời gọi nhau nói bằng những gì rất cụ thể, dễ hiểu, thấy được, nghe được. Thí dụ, khi dạy Ngài Rahula về vô thường, Đức Phật nói khởi đầu rằng "mắt là vô thường, cái được thấy là vô thường." Đó là những gì rất cụ thể, ngay ở đây và bây giờ." (Thiền Tập Với Pháp Ấn, tr. 98)

Trong đặc điểm thứ hai, Cư sĩ Nguyễn Giác luôn luôn nhắm đến mục đích giúp cho người đọc nắm vững phương pháp thực hành để giải thoát. Người học Phật mà không thực hành theo lời dạy của đức Phật và chư Tổ thì chỉ xây dựng tòa nhà kiến thức Phật Pháp bằng lý thuyết suông, với chất liệu duy lý và hý luận, không giúp ích gì cho con đường tu tập để giác ngộ và giải thoát. Bài "Kinh Cho Người Bệnh Nặng và Cận Tử" trong "Thiền Tập Với Pháp Ấn"

là một điển hình cụ thể, mà trong đó Cư sĩ Nguyễn Giác nêu ra nhiều trường hợp các cư sĩ thời đức Phật đang lâm trọng bệnh và nhờ những lời dạy của đức Phật và chư vị đại đệ tử của Phật mà được chứng ngộ và giải thoát để giúp cho những ai không may bị dính Covid-19 biết cách tu tập để thoát khổ. Trong Lời Thưa của cuốn "Thiền Tập Với Pháp Ấn," Cư sĩ Nguyễn Giác đã nói lên điều này như sau:

"Người viết luôn luôn nhớ lời Đức Phật dạy rằng không hề có ai đang gõ; cũng như chỉ có những dòng chữ đang được đọc, và không hề có ai đang đọc. Người viết luôn luôn viết trong tinh thần như thế, trong khi trích lời Phật và ý Tổ để chia sẻ, và để mời gọi nhau cùng bước qua bờ bên kia."

Cuốn "Thiền Tập Với Pháp Ấn" gồm 27 bài viết xoay quanh chủ đề chính là giới thiệu các "pháp ấn" trong Phật Pháp cho người tu thiền thực hành. Pháp ấn, có thể hiểu một cách đơn giản là Giáo pháp chính thống, then chốt, tinh yếu trong Phật Pháp. Đối với nhiều người chưa học hiểu và nghiên cứu sâu Phật Pháp thì thấy Tam Tạng Kinh Điển mênh mông, bát ngát như nhìn vào biển lớn không thấy đâu là bến bờ, và do đó, không biết nương vào đâu để tu tập. Vì vậy, việc biết được các Giáo pháp then chốt là điều vô cùng lợi lạc trên con đường tu học.

Thường có ba pháp ấn (theo Phật Giáo Nam Truyền): Vô thường, Khổ và Vô ngã; hay bốn pháp ấn (theo Phật Giáo Bắc Truyền): Vô thường, Khổ, Không, và Vô ngã. Trong cuốn "Thiền Tập Với Pháp Ấn" của Cư sĩ Nguyễn Giác tập trung chính yếu giới thiệu đến người đọc các pháp ấn này.

Trong cuốn "Thiền Tập Với Pháp Ấn," Cư sĩ Nguyễn Giác đề cập đến các pháp ấn ở nhiều chỗ, nhiều nơi trong 27 bài viết chứ không theo một thứ tự nào và cũng không tập trung giới thiệu một pháp ấn trong một bài viết mà thôi. Ở đây, tôi xin đưa ra vài trường hợp mà Cư sĩ Nguyễn Giác giới thiệu các pháp ấn này để giúp người tu thiền biết rõ phương tiện tu tập. Chẳng hạn, khi giới thiệu về pháp ấn vô thường, Cư sĩ Nguyễn Giác viết như sau:

"Tương tự, nếu chúng ta thường trực sống với pháp ấn vô thường, sẽ thấy rằng không hề có cái gì gọi được là "một vật" bởi vì dòng chảy xiết liên tục không để cho một "vật" nào, hay một "pháp" nào, hay một "đối tượng" nào có thể gọi được là một vật, một pháp, một đối tượng của tâm. Trong Kinh SA 203, Đức Phật dạy rằng chỉ cần một pháp quán vô thường là đủ để giải thoát."

"Trong bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng, Kinh SA 203 viết, trích như sau:

"Nếu có Tỳ-kheo nào, đoạn trừ được một pháp, thì sẽ đạt được chánh tri và có thể tự tuyên bố: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' ... Hãy quán sát chân chánh mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy. Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy đối với vô minh ly dục, minh phát sanh." (Sđd., tr. 166)

Ở một chỗ khác trong "Thiền Tập Với Pháp Ấn," Cư sĩ Nguyễn Giác nói thêm về quán vô thường:

"Như các kinh dẫn trên, trong tận cùng rồi phải quán vô thường để vào Niết Bàn. Quán tưởng vô thường được Đức Phật trong Kinh SA 270 khen ngợi như là đi như dấu chân voi, như biển đón nhận vô lượng sông, như mặt trời xua mọi tối tăm, và là tối thắng. Kinh SA 270, bản dịch hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng viết về cách quán niệm vô thường:

"Tỳ-kheo, làm thế nào để tu tập tưởng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điều mạn, vô minh? Nếu Tỳ-kheo ở chỗ đồng trống hay ở trong rừng cây, mà khéo tư duy chân chánh, quán sát sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; tư duy như thế thì dứt hết tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, điều mạn, vô minh. Vì sao? Vì nếu người nào tu tập được tưởng vô thường, thì có thể tu tập được tưởng vô ngã. Thánh đệ tử an trú ở tưởng vô ngã, tâm lìa ngã mạn, tùy thuận chứng đắc Niết-bàn." (Sđd., tr. 189)

Các pháp luôn luôn biến hoại, không có gì tồn tại lâu hơn một sát na, đó là vô thường. Vì tất cả mọi sự mọi vật, bao gồm thân ngũ uẩn của con người là vô thường, cho nên khổ. Khổ là trạng thái



tâm lý biến dịch và bất an của chúng sinh đối với tất cả các pháp. Nghĩa là cả thân và tâm đều sinh diệt không ngừng. Vì sinh diệt không ngừng cho nên có sinh, già, bệnh, chết. Trong "Thiền Tập Với Pháp Ấn," Cư sĩ Nguyễn Giác trích lời Đức Phật dạy trong Kinh về pháp quán vô thường và khổ như sau:



"Đức Phật dạy trong Kinh AN 5.57 rằng tất cả, dù xuất gia hay tại gia, dù nam hay nữ, đều phải thường xuyên quán sát: *Mình sẽ già, mọi người sẽ già; Mình sẽ bệnh, mọi người sẽ bệnh; Mình sẽ chết, mọi người sẽ chết; Tất cả những gì thân thương rồi sẽ biến mất; Nghiệp thiện ác mình làm sẽ cuốn trôi mình đi. Có thể ghi nhớ lời văn tắt là: sẽ già, sẽ bệnh, sẽ chết, sẽ ly biệt, sẽ đi theo nghiệp.* Đức Phật nói, hãy quán sát liên tục như thế cũng sẽ giải thoát. Tức là, niệm vô thường, niệm khổ thường xuyên như thế, sẽ tới lúc giải thoát. Kinh AN 5.57 bản dịch Thầy Minh Châu, viết:

"Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt." (Sđd., tr. 174-175)

Giới thiệu pháp ấn vô ngã, Cư sĩ Nguyễn Giác viết như sau:

"Trong nghĩa rất đơn giản: lý duyên khởi cho thấy không hề có một pháp nào có tự ngã. Đức Phật còn dạy rằng các pháp hữu vi chỉ là như bọt sóng, như điện chớp, như huyền ảo, như mộng... Đức Phật cũng từng nói về tiếng trống, tiếng đàn thực sự là do duyên mà thành tiếng, không từ đâu và cũng không về đâu. Bởi vậy, các Thiền sư thời xưa nói rằng "tức tâm, tức Phật" cũng đúng, mà nói "chẳng phải tâm, chẳng phải vật, chẳng phải Phật" cũng đều đúng. Trong lý vô ngã, sẽ thấy như thế.

"Cũng khi trực nhận pháp ấn vô ngã mới hiểu lời Đức Phật dạy: *Hãy buông bỏ cả ba thời quá khứ, vị lai, hiện tại. Trong Kinh Xuất Diệu có câu: "Xả tiền, xả hậu, xả gian viết hữu, nhất thiết tận xả, bất thọ sanh lão."* (Sđd., tr. 165)

Cư sĩ Nguyễn Giác cũng đã trích lời dạy của Đức Phật xác minh về hiệu quả của việc quán vô ngã:

"Trong Tiểu Bộ Kinh, phần Kinh Tập, Phẩm Qua Bờ Kia, Kinh Snp 5.15, Đức Phật dạy:

"Hỡi Mogharaja, hãy luôn luôn tỉnh thức và nhìn thế giới như rỗng rang, với cái nhìn về tự ngã đã bứng gốc, người đó sẽ vượt qua sự chết. Thần Chết không thể thấy người đã nhìn thế giới này như thế."

Bản tiếng Anh của John D. Ireland khi dịch lời dạy trên, viết: "Look upon the world as empty, Mogharaja, ever mindful; uprooting the view of self you may thus be one who overcomes death. So regarding the world one is not seen by the King of Death." (Sđd., tr. 164-165)

Nhưng pháp ấn then chốt mà hành giả thiền nên thực tập chính là "phải liả tất cả tướng." "Liả

tất cả tướng" đồng nghĩa với "vô tâm," "vô niệm," mà Thiền Tông hay nói đến, hay như Kinh Kim Cang nói đến "tâm vô sở trụ." Trong "Thiền Tập Với Pháp Ấn," Cư sĩ Nguyễn Giác đã giải thích và trích lời Phật dạy trong Kinh Bahiya dạy pháp tu này như sau:

"Đức Phật dạy rằng phải liả tất cả các tướng. Nghĩa là trong cái được thấy, trong cái được nghe... không hề có tướng nào gọi là A hay B, không hề có cái gì gọi là tướng nhân hay tướng ngã, không hề có bất kỳ tướng nào hết... mà chỉ là những cái được thấy và những cái được nghe liên tục chảy xiết qua tâm gương sáng. Thấy như thế là giải thoát. Đó là thấy được tánh Như: Thiền Tông so sánh tương tự

như gương sáng không hề lưu ảnh, vì Hồ tối hiện Hồ, Hán tối hiện Hán. Liên tục giữ tâm vô tướng như thế là giải thoát. Đức Phật dạy ngài Bahiya cách nhìn này:

"Thế này, Bahiya, ông nên tu tập thế này: Trong cái được thấy sẽ chỉ là cái được thấy; trong cái được nghe sẽ chỉ là cái được nghe; trong cái được thọ tướng sẽ chỉ là cái được thọ tướng; trong cái được thức tri sẽ chỉ là cái được thức tri. Cứ thế mà tu tập đi, Bahiya." (Sđd., tr. 68)

Trong "Thiền Tập Với Pháp Ấn," Cư sĩ Nguyễn Giác cũng đã có hai bài viết rất công phu vừa mang tính lịch sử vừa có chất liệu văn học Thiền đặc thù mà tôi vô cùng thích thú. Đó là bài viết về hai vị thiền sư Nhật Bản: Ryōkan Taigu (良寛大愚 - Lương Khoan Đại Ngu - 1758-1831) và Bạch Ẩn Huệ Hạc (白隠慧鶴 - Hakuin Ekaku - 1686-1769).

Đặc biệt nhất là bài viết về Thiền Sư Ryōkan Taigu, mà trong bài này, Cư sĩ Nguyễn Giác ngoài việc ghi lại tiểu sử chi tiết còn dịch và giới thiệu rất nhiều bài thơ, hay trích đoạn thơ của vị thiền sư này. Cuộc đời của Ryōkan, qua ngòi bút của Cư sĩ Nguyễn Giác, có lối sống thông dong tự tại và giải thoát trọn vẹn của một ẩn sĩ chọn sống một mình nơi rừng hoang, nơi đồng vắng, nhưng lại tỏa ra phong cách lãng mạn và thi vị của một nhà thơ sống hết mình với cõi thơ siêu thoát của ông. Hãy đọc một bài thơ do Thiền Sư Ryōkan Taigu viết qua lời dịch rất thơ của Cư sĩ Nguyễn Giác:

"Trong vắng lặng, bên cửa sổ trống
Ta ngồi thiền tọa, mặc phẩm phục trang nghiêm,
Rún và mũi thẳng đường,
Tại song song với vai
Ánh trắng ngập cả phòng;
Mưa đã ngưng, nhưng mái hiên còn nhỏ giọt.
Toàn hào giây phút này—
Trong tánh không vô tận, hiểu biết ta thăm sâu.
Vào đêm, sâu trong núi,
Ta ngồi trong thiền tọa
Chuyện nhân gian không bao giờ tới đây;
Tất cả đều vắng lặng và rỗng rang,
Nhang đã tận trong đêm vô tận.
Áo ta đã đắm sương.
Không ngủ được, ta bước vào rừng—
Đột nhiên, trên đỉnh cao, trăng tròn hiện.

Đời ta nghèo
Nhưng tâm ta sáng tỏ
Khi ta qua
Ngày lại ngày
Trong lều cỏ này.

Như dòng suối nhỏ
Len lỏi qua
Các vách núi rêu,
Ta cũng lặng lẽ
Trở thành sáng tỏ và trong trẻo.
Khi các niệm
Đã vắng cả rồi
Ta lẩn vào rừng [pháp]
Và gom nhặt
Một xấp tiền của mục đồng.

Rách rưới và tả tơi, rách rưới và tả tơi
Rách rưới và tả tơi là đời này.
Lương thực? Rau cỏ dại bên đường.
Những bụi cây mọc quanh lều ta.
Trắng và ta thường ngồi chung cả đêm,
Và hơn một lần, ta đi lạc giữa rừng hoa dại,
Quên lối về nhà.
Không ngạc nhiên gì, ta rời khỏi chúng:
Làm sao một ông sư khùng như thế sống
trong chùa?"
(Sđđ., tr. 368-369)

Bài thơ quá hay, đầy thi vị nhưng cũng vô cùng siêu thoát, không vướng một hạt bụi nào! Tôi thích nhất là đoạn bài thơ tả cảnh một ông sư ngồi thiền một mình trong căn nhà trống, dường như chỉ là một túp lều tranh trống trải, vì "ánh trắng ngập cả phòng." Rồi sau cơn mưa trời lại tạnh và thiền sư lững thững bước vào rừng giữa đêm thanh vắng, bất chợt nhìn lên bầu trời chỉ thấy một vầng trăng tròn chiếu sáng cả nhân gian. Cảnh này đúng là "trong tánh không vô tận, hiểu biết ta thâm sâu."

Đọc xong bài thơ của Ryokan, tôi lại nhớ "ánh trắng trên đồi," và "tâm tịch lặng" trong bài thơ "Như nắng tà huy" của Cư sĩ Nguyên Giác viết tặng "quý tôn túc Đồ Hồng Ngọc, Trần Tuấn Mẫn, Nguyễn Căn, và pháp huynh HT Minh Diệu Nguyễn Thế Đăng," trong bài "Khi Đức Phật Hóa Thân" của cuốn "Thiền Tập Với Pháp Ấn," cũng đầy thi vị và siêu thoát. Một đoạn trong bài thơ như sau:

"... Đêm qua trăng mọc trên đồi
thấy tâm tịch lặng không người, không ta
ai hỏi thì nhắc cảnh hoa
thấy gì, được thấy, đều xa muôn trùng
..."

Xin phép Cư sĩ Nguyên Giác cho mượn đoạn thơ này trong bài "Như nắng tà huy" để kết thúc bài này dù còn rất nhiều điều bổ ích để đọc và học trong cuốn "Thiền Tập Với Pháp Ấn."

Xin cảm ơn Cư sĩ Nguyên Giác và xin giới thiệu đến chư độc giả tác phẩm "Thiền Tập Với Pháp Ấn."

Huỳnh Kim Quang



TRỞ VỀ KHÔNG...

Xuân tận bên thềm rơi xác hoa
Chân trời cô lẻ bóng chim xa
Hoàng hôn băng lạnh nhòa sương khói
Mây biếc về đâu chôn không nhà

Thế gian vạn pháp thường sinh diệt
Người chấp làm chi lẽ diệt sinh
Giác đời mê đắm bao kẻ lụy
Tĩnh trong mộng cảnh khẽ lay mình

Thân tứ đại trả về tứ đại
Phú quý lợi danh chẳng bận lòng
Buồn vui mừng giận thương ghét muốn
Tâm chơn vắng lặng trở về không...

RU KHÚC CA DAO

Đào phai còn nét thanh tân
Tháng Ba lửa gạo chọt gân chọt xa
Ngưng rồi một khúc xuân ca
Luyến lưu chi nữa mùi hoa cuối vườn

Tầm xuân lỡ hẹn người thương
Không hoa bưởi cũng vẫn vương côi lòng
Hoàng hôn thịnh lặng chiều không
Tìm đâu sợi nắng về hong nỗi niềm

Đong đưa hoa khế hiên thềm
Gió khe khẽ gió ru mềm lòng ai
Ngẩn ngơ tiếc nỗi xuân phai
Chút hương ngày cũ xa bay chôn nào

Nỗi gì trước ngõ hoa cau
Rụng thềm bông bưởi vườn sau hương thê
Nhật đêm hò hẹn bữa mê
Ca dao đưa lối ai về tìm nhau...

thơ **TÌNH BÌNH**

Khả ái thay, Chân Nguyên!

TN. BỬU ĐỨC & TN. HẠNH TỪ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Vượt biển, xa quê, nhớ làng, những người dân xứ biển An Bàng ước ao dựng nên một mái chùa để bà con có nơi trở về sau những ngày mưu sinh vất vả nơi xứ người: Chùa Chân Nguyên!

Nằm khép mình trong một góc phố Houma bé nhỏ, trải bao bàn tay đã từng hết lòng kiến lập, xây dựng, hộ trì, nơi đó bây giờ ngày ngày vang vọng nhịp mõ sớm với chuông khuya. Xuân về, lại rộn rã Hội Chợ Ba Ngày Tết để những người con xa xứ nhớ quê nhà! Có gói bánh tét, có thức canh nồi bánh chưng xanh, có những sợi mứt dừa trắng phau, những thè mè đậu phộng, những viên chè trôi nước, những đĩa cơm tấm thơm lừng, những tô mì hoành thánh, những tô phở, tô bún huế đậm đà vị ngọt quê hương.

Đêm ba mươi, dễ thương vô cùng là các em nhỏ, ngồi tròn bên khóm mai vàng, hát bài "Come and Sit", trong Chánh điện vang bài Kinh Phước Đức. Sau lời chúc Tết, đã đến lúc "count down..." Đúng thời khắc giao thừa, ngoài hiên chùa, mấy chú đang lom khom hồi hộp chiêm ngòi, tiếng pháo nổ giòn giã hòa cùng tiếng trống múa lân, không ai không bật cười với điệu bộ siêu ngẫu của "cô ông địa"... chào mừng một năm mới, mùi khói pháo thơm - mùi Tết quê hương!

Những trái quýt ngọt ngào, những chai nước mát trong... làm lộc đầu năm, với những câu chúc trong bao lì xì đỏ thắm, năm nào cũng vậy, người người nô náo mở lộc, để xem đêm nay, ai sẽ may mắn nhất được rước Phật về nhà. Sáng Mồng một bắt đầu tuần lễ Khai Đàn Dược Sư cầu quốc thái dân an, tối tối, ai nấy hăm hở về chùa tụng Kinh Phước Đức.

Đẹp nhất vẫn là người Phật tử Houma hiền hòa chất phác, tin sâu tội phước, âm thầm công quả, giúp đỡ xóm giềng, hiếu kính Tam Bảo, thương trọng Thầy cô, khiêm cung, lễ độ, không biết thói khuyết điểm của người, luôn hướng đến cái nhìn trong veo, không nhìn lớp bùn, mà chỉ thấy hạt châu trong nhau, chỉ chừng ấy thôi, đã đủ để được xem như là những vị Bồ-tát trên cõi đời này.

Người như thế "cũng ví như mặt trăng, trong thời kỳ sáng trời, hình sắc tăng trưởng dần, hình tròn tăng trưởng dần, ánh sáng tăng trưởng dần. Cũng vậy, ai có lòng tin đối với thiện pháp... có biết then... có biết sợ tội lỗi... có tinh tấn... có trí tuệ là sự tăng trưởng đối với thiện pháp; với người ấy, dầu là đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng đối với thiện pháp" (1).

Đệ tử tại gia là thế, còn các Sư cô chùa mình sống đời xuất gia thiếu dục tri túc, nhẹ nhàng và phóng khoáng như hư không. Ước nguyện ngay một đời này, nuôi dưỡng hạt giống rất lành, rất thanh tịnh, để đời đời luôn làm chánh pháp hưng thịnh. Từng nghe: "Chỗ nào có những bậc oai đức tâm bậc thượng, thì có những chư thiên bậc thượng xây dựng ủng hộ". Ta tự nhủ: với công trình xây dựng Chánh điện, muốn được sự hộ trì của chư Thiên, muốn làm ruộng phước lớn cho loài người, thì trước hết tự mình phải xây dựng cho mình "cái đức lớn," có lẽ sẽ bắt đầu từ đức "vô tham."

Cây đào trước ngõ đã trải qua mấy ngày đông rét buốt, trút hết những lá già, để nở rộ ra những cánh hoa đào rực rỡ, mím cười, hùng mạnh trước gió xuân. Cô trò mình cũng hãy can đảm dừng lại những câu uế, rũ nó xuống sạch để hạt giống Thánh vườn mình, thanh thoát giữa những bùn nhơ của trần thế.

Nếu Đức Thế Tôn đã từng quay lại nhìn Vesali: "Khả ái thay Vesali" – một cái nhìn triu mến, một câu nói đong đầy niềm biết ơn, một lời chúc phúc cho toàn dân Vesali; thì cũng như vậy, cũng là cái nhìn đó: "Khả ái thay Chân Nguyên!"

(1) TƯƠNG ƯNG KASSAPA, Phần Bảy, Giáo Giới, HT. Thích Minh Châu dịch.

Chan Nguyen Temple - 4737 HWY 182 East, Houma, LA 70364 — U.S.A.
Tel.: (985-232-8424



NẤM ĐÔNG CÔ XÀO SẢ ỚT

Nguyên liệu:

- 10 nấm đông cô, ngâm mềm, xắt tùy ý
- 2 muỗng canh sả băm
- 1 muỗng cà phê gừng băm
- Gia vị: muối, nước tương, đường, dầu hào chay, ít tiêu, ớt tùy thích.

Thực hiện:

Bắt chảo phi sả và gừng cho vàng thơm, đổ nấm vào xào một phút cho thơm; sau đó nêm nếm gia vị sao

cho hơi đậm đà một chút, rưới ít nước vào, khi sôi vặn lửa nhỏ lại cho nấm thấm và nước hơi sệt lại là xong.

Nấm này mà có cho gừng vô là rất dậy mùi ngon lắm. Thiết là nhanh, chỉ khoảng 5-10 phút là có được một món ăn.

Ăn với cơm và canh tùy thích, hay ăn với bún nước lèo cũng ngon.

G. Phụng



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



PHƯỚC BÁO HUỆ LỰC



Ngài xuất thân trong một gia đình thâm tín Phật pháp ở Đồ Bàn thành, năm mười hai tuổi đã xuất gia vào chùa Thập Tháp. Ngài vốn có tín tâm và huệ lực nên sau nhiều năm tháng tu học với các ngài Chí Tịnh, Tử Mẫn, Luật Truyền... thì trở thành một "Phật pháp thiên lý câu".

Các vua Thành Thái, Duy Tân, Khải Định đều thỉnh ngài vào cung thuyết pháp cho mọi người. Danh tiếng ngài vang khắp trong triều ngoài châu quận. Ngài có khả năng giáo hóa nổi tiếng nhất thời bấy giờ, các sư Mật Thể, Mật Nguyên, Thiện Hòa, cư sĩ Lê Đình Thám... đều là học trò của ngài. Ngài dạy chúng ở Thập tháp, Long Khánh, Trúc Lâm, Tây Thiên, Báo Quốc...; lập An Nam Phật

Học hội, ra báo Viên Âm, chấn hưng Phật giáo Trung kỳ và cả một phần Nam kỳ. Sau này tăng chúng cung thỉnh ngài về trụ trì Thập Tháp và ở đó cho đến khi tịch. Sinh thời ngài vốn có nhiều phước báo danh vọng, có trí huệ và năng lực nhưng không vì thế mà tự mãn, thậm chí còn hết sức khiêm cung. Ngày nay bốn chúng trong ngoài đều cung kính đánh lễ ngài, tên ngài được đặt cho học viện, chùa chiền khắp nơi.

PHƯỚC BÁO CỤ BỊ LỤC CẶN VIÊN MÃN VẬT THỰC DANH VỌNG TRI TỨC QUỐC SƯ LAI KINH PHỤNG CHỈ ĐỘ ĐỒ CHÚNG HUỆ LỰC THÂM VIỄN TAM NGHIỆP TỊNH THANH PHÁP HỌC PHÁP HÀNH TỊNH CHUYỂN HÓA THƯỢNG QUY HƯƠNG BÀI TỔ TỌA PHÁP TỌA.

ĐƯỜNG VÔ HÌNH

Có một học giả đến vắng cảnh chùa và vấn thầy:

- Nghe nói đạo Phật rất từ bi, dân chủ và khoa học, cố sao bắt Phật tử phải giữ giới này nọ chi khó khăn vậy?

Thầy điềm đạm:

- Anh lầm rồi, Phật khuyến khích chứ không hề bắt buộc! Nhưng anh có biết giới là gì không?

- Là ngũ giới, thập giới, Bồ tát giới...

- Giới chính là đường tương lai đấy!

- Sao lại là đường?

- Mọi con đường dẫn đến đích khác nhau. Anh có thấy máy bay trên hư không không? Mặc dù chẳng ai thấy đường nhưng rõ ràng máy bay bay theo tuyến đường nhất định, hề lệch ra khỏi là tai họa ngay lập tức. Giới cũng là tuyến đường vậy, y theo đó mà đi thì lành, hề lệch thì họa. Hôm nay tôi nói cho anh đường lục đạo thôi nhé! Còn những đường cao hơn chắc chắn anh chưa kham nổi đâu!

Nói xong thầy tặng anh ta câu đối:

**TAM ĐỒ DUY HẠ LIỆT VAN, LỘ QUY ĐỊA NGỤC
NGA QUÝ SỨC SANH TOÀN THỔNG KHỔ
LỤC ĐẠO HỮU TRUNG THẮNG ĐA CẠNH GIỚI
CHƯ THIÊN NHÂN LOẠI PHI NHÂN TỘI PHƯỚC CĂN**

Vị học giả lắng nghe rồi chấp tay tạ mà lui đi.

GIỎ TO

Nhà có giỗ, lão Đại cho mổ lợn vật bò làm lớn lắm, dù gì cũng hàng tai to mặt lớn trong làng. Mâm cỗ dâng lên, lão quỳ khấn:

- Nay giỗ thầy, chúng con làm mâm cỗ này dâng lên, thỉnh thầy thọ thực, mong thầy phù hộ cho con cháu.

Trong số khách khứa dự, có vị du sĩ phương xa đi ngang qua được mời vào, vị ấy bảo lão:

- Giỗ là để tưởng nhớ, để tỏ lòng hiếu thảo chứ thật sự chẳng có ai về ăn, có chăng là người sống ăn mà thôi!

Lão Đại cãi:

- Có chứ, các vị có thọ thực, anh chẳng thấy hương vị thức ăn lúc mới dâng lên khác với lúc hạ xuống à?

Người kia lại nói:

- Người không ăn được thức ăn của côn trùng sâu bọ, động vật. Quý thần, phi nhân không ăn được thức ăn của người, giả sử có ăn được mà họ chờ cả năm đến ngày giỗ để ăn thì có mà chết thêm lần nữa! Hơn nữa người chết đã thác sanh kiếp khác rồi.

Lão Đại ngăn người ra một lát rồi hỏi:

- Chà nhẽ bỏ giỗ à?

Vị du sĩ đọc cho lão ta nghe:

Giỗ chấp lòng thành hiếu tổ tiên

Hãy làm ân đức việc thiện hiền

Chớ có sát sanh bày đại tiệc

Khiến người khuất mặt lại thêm phiền.

CHÁNH PHÁP SỐ 137, THÁNG 04.2023

45

TAO LÀ VUA

Mấy tháng trước, khi World Cup đang diễn, tui Mễ, Mít xem đá banh say mê. Thăng Robert cà khịa:

- Môn chơi của đàn bà (lady game), chỉ một trái banh, chơi nhẹ hều và đơn giản quá!

Thế rồi hôm nay, Super Bowl đang lôi cuốn cả xứ Cờ Hoa. Thăng Robert và cả lũ làm chung mê như điếu đổ, lấy ngày nghỉ để xem chung kết. Thăng Mario được thể khịa lại:

- Thể thao gì mà bạo lực dã man: kéo, chụp, húc, ủi... như bò Bison. Người chơi trang bị tận răng cứ như ra trận. Luật lệ rườm rà rắc rối, mắc tiền lại còn phải có cả một bộ sậu đông đúc hùng hậu mới chơi được.

Thăng Robert kên kieu, hếch mặt lên:

- Đây là Mỹ, mầy hông thích thì đi chỗ khác chơi!

Nghe tui nó khịa nhau, tự đứng mỗ nhớ câu người mình thường nói:

- Tao là vua!

NƯỚC LỔ

Gặp nhau tay bắt mặt mừng, họ vốn là bạn nối khố từ lúc còn để chòm. Một người cười cười đổ:

- Liên hiệp quốc mới kết nạp thêm một thành viên mới, đó là nước Lổ.

Người kia cười to tỏ vẻ khi dễ:

- Lâu ngày gặp nhau anh lại xạo, nước Lổ bên Tàu thời xa xưa, làm gì có ở ngày nay?

Người kia cứ tùm tùm cười mặc cho bạn mình khó chịu, lát sau mới thủng thẳng:

- Đông nam châu Á có một xứ làm ăn rất lạ, than có sẵn chỉ việc xúc bán cũng lỗ; khoáng sản càng bán càng lỗ; điện nước độc quyền giá cao lỗ đậm; hóa xa một mình một chợ lỗ nặng; bưu điện, hàng không không có cạnh tranh vẫn lỗ; tàu biển, hải cảng càng rớt vốn càng lỗ; ngay cả thu phí xe đạu trên đường cũng lỗ nốt. Anh bảo đây không phải nước lỗ thì là nước gì?

Bây giờ người bạn kia mới cười sắc súa, cười rớt cả nước mắt, khi ngớt cơn cười thì chửi đổng lên:

- Con bà nó! Làm cái gì cũng lỗ vậy mà những đứa cầm đầu lại được ghi công và giàu không sao tưởng nổi.

NGƯỜI MÃ TÌM NHAU

Hồng Sa Hoàng mưu làm đại đế và tái lập đế quốc. Ý xua quân xâm lược nước láng giềng, dội bom, nã hỏa tiễn tàn phá đất nước người ta, giết dân, cướp của. Đất nước Hoa Dương bỗng đứng gặp nạn kinh hoàng, tuy vậy cả quốc chủ và toàn quân dân đồng lòng đứng lên chống lại quân thù. Lúc đầu bằng hữu gần xa e dè không giúp gì mấy nhưng về sau thấy Hồng Sa Hoàng sẽ thôn tính đến mình nên mới ra tay giúp Hoa Dương. Cũng trong lúc đất và người Hoa Dương gặp nạn, có những hạng vô lại đi ủng hộ Hồng Sa Hoàng, trong số ấy có kẻ tép riu vốn là nô tài của Tập xénh xáng. Kẻ ấy ngụy biện:

- Kẻ đối địch bạn ta cũng là kẻ thù của ta, kẻ chống chủ ta tức đối địch ta.

Người dân bị trị ở xứ ấy khóc thét với cái lý



Cờ Ukraine vẫn tung bay trên những đống nát, sau những trận mưa bom, hỏa tiễn từ Russia

tưởng không ngu nhưng lại ngu không tưởng ấy, tuy nhiên họ chẳng biết làm gì được ngoài việc âm thầm góp chút ít giúp người Hoa Dương. Họ công khai bảo nhau:

Ngưu tầm ngưu mã tầm mã.

Trong một lần gặp mặt ở hội trường nhân việc ra mắt thơ văn chí ấy, có người đồng mãnh công khai bảo:

RUSSIA BỊ CAI TRỊ BỘI CHỦ NGHĨA ĐỘC TÀI TÀN BẠO VỚI CHÍNH PHỦ THAM NHƯNG NGU SI TOÀN ĐỐI TRÁ

UKRAINE ĐƯỢC LÃNH ĐẠO VỚI THỂ CHẾ DÂN CHỦ TỰ DO VÌ NHÀ NƯỚC MINH BẠCH KHÔN NGOAN ĐẦY DỮNG MƯU.

CHỦ TIỆM NƯỚC

Cái tin cu Thạo làm chủ tiệm nước bay về làng, họ hàng dòng tộc mừng hết lớn luôn, bạn bè sướng rêm cả người. Trong số bạn học cũ có người thắc mắc:

- Cu Thạo vốn tầm thường, trí tuệ, năng lực ai cũng biết, học chung bao nhiêu năm nay kia mà, có lẽ mà tổ phát!

Ngày cu Thạo khai trương, một vị khách lạ ghé thăm và hỏi:

- Ở đây có bán nước chẳng?

Cu Thạo hờn mát:

- Quán nước hồng bán nước thì bán gì, hồng lẽ bán đất?

Người kia cười ý nhị:

- Vì thấy trong quán treo toàn dao găm, lựu đạn, lưới mắc, lưới lê...

- Ấy là vũ khí định hướng, ông chớ có đụng vào hàng kiếng kéo mang họa!

Vị khách uống nước xong dán mảnh giấy trên bàn trước khi ra đi:

Chủ tiệm ngồi xơi nó nước non

Ba hoa khoác lác chuyện vương tròn

Định hướng con đường không đích đến

Rặt phường trát phấn với bôi son!

Steven N
Georgia, 0323

GIỮ LÒNG BÌNH YÊN

Nhìn hàng cây trơ trụi
Vì lá trút theo mùa
Đời người như chiếc lá
Rơi rụng bởi nắng mưa.

Một ngày chưa kịp ngắm
Nắng ấm áp chan hòa
Trên cành một đóa hoa
Tỏa hương vây quanh nhà.

Giữa đất trời bao la
Giữa hai miền tối sáng
Biết nhận thức đen trắng
Đời sẽ mãi tươi xanh.

Sự ngọt ngào xúc cảm
Luôn xuất phát từ tâm
Tâm lòng luôn chân thật
Là cội nguồn hạnh phúc.

Đừng để đời tắt bật
Tìm kiếm những hảo huyền
Đó chỉ là huyền mộng
Hãy giữ lòng bình yên.

NHẬT...

Nhật hết những nỗi buồn
Sẽ tìm được niềm vui
Nhật bao lời gian dối
Sẽ thấy lòng tinh khôi.

Nhật cuộc tình trôi nổi
Mới quý ngày bên nhau
Trải qua môi tình đầu
Mới chín chắn lần sau.

Nhật kỷ niệm hanh hao
Mới tiếc thời hoa mộng
Nhật thanh xuân chiều buông
Mới biết mây ngang đầu.
Nhật dĩ vãng về khâu
Sẽ gọi bao điều nhớ
Nhật một mớ sắc hồng
Thấy đời bớt rêu phong.



TRĂNG LẶN TÌNH LẶNG CÂM

Trăng buồn lặn bến sông
Thả tơ mềm óng ánh
Ai nhật cho tôi dành
Ươm ủ lúc mùa đông.

Ô cửa sổ ai trông
Mắt biếc vòng môi mộng
Chơi vui giọt sương trong
Đêm khuya hãy còn đọng.

Giọt đắng chảy thành dòng
Nghe cõi lòng hiu quạnh
Thơ dệt tràn hương vị
Dạ lý quyện nồng nàn.

Nghìn năm sông chẳng cạn
Trăm năm cát mãi vàng
Gió vẫn thổi ngút ngàn
Riêng Trăng tàn Trăng lặn

Nên cuộc tình lặng câm.

thơ LÂM BĂNG PHƯƠNG



SỐNG VỚI VIÊM KHỚP

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Hai câu thơ tình cảm của nhà thơ Nguyễn Bính:

*"Nắng mưa là bệnh của trời
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng."*

đã được cố nhạc sĩ Nguyễn Hiền mượn vần để nói lên một tình trạng bệnh của người cao tuổi như sau:

*"Nắng mưa là bệnh của trời
Đau xương nhức khớp, bệnh người tuổi cao."*

Vì thực ra Viêm Khớp là rối loạn thường thấy ở lớp tuổi "Cổ lai hy". Chỉ thường thấy mà thôi, chứ không phải cứ tuổi cao là bị bệnh. Bệnh cũng xảy ra ở lớp tuổi trung niên, thậm chí trẻ hơn.

Viêm Khớp là bệnh thoái hóa của khớp, một phần vì sự tã tơi hư hao với thời gian sử dụng, nhưng cũng gây ra do nếp sống của con người và sự không có hiểu biết rõ ràng về bệnh.

Khớp là nơi kết nối của 2 hoặc nhiều xương. Đa số khớp có thể chuyển động theo nhiều tầm khác nhau như xoay tròn, xoay ngang xoay dọc, vươn lên cao hoặc xuống thấp, bước tới bước lui, nhờ đó con người thực hiện được các công việc cần thiết cho sự sống.

Thành phần tối quan trọng của khớp là lớp đĩa đệm bằng chất sụn để giảm cọ sát của 2 đầu xương cũng như chống sốc khi khớp chuyển động. Ngoài ra, còn gân, dây chằng, cơ bắp bao che xung quanh để giữ khớp ở vị trí cố định và giúp khớp mạnh hơn; chất nhờn trơn để mặt xương dễ dàng trượt lên nhau khi chuyển động.

Trong Viêm Khớp, sụn hao mòn, rách tã tơi, đưa đến hậu quả là hai đầu xương cọ vào nhau, gây ra đau, sưng và giảm tầm cử động của khớp. Một vài cái gai (spur) từ xương cũng nhô ra, đụng vào cơ bắp, dây thần kinh khiến người bệnh chịu nhiều đau đớn hơn.

Sụn hao mòn với thời gian sử dụng cho nên quá bán quý vị cao niên trên 65 tuổi thường bị viêm một khớp nào đó trong cơ thể. Ở lớp tuổi trẻ hơn, rủi ro gây viêm khớp có thể là chấn thương khi liên tục dùng khớp quá sức: nâng vật nặng, va chạm trọng thể dục thể thao hoặc do quá mập phì. Khớp cuối các ngón tay, đầu gối, khớp cổ, thắt lưng là nơi bị nhiều hơn cả.

Ngoài ảnh hưởng lên sự di động, viêm khớp còn ảnh hưởng tới nếp sống, tới công việc, khả năng tài chính và ngay cả tới địa hạt tinh thần. Đi lại khó khăn. Không nâng nhắc được vật nặng. Tốn tiền chữa trị. Kém thu nhập. Giới hạn nghề nghiệp, kém sinh hoạt hàng ngày. Cảm thấy trở nên bất khiển dụng, rồi trầm cảm xuất hiện, stress tăng, kém ăn, mất ngủ. Vì theo bác sĩ chuyên khoa xương Scott J. Zashin, chưa có

nguyên cứu dứt khoát nào cho hay là ta có thể trì hoãn hoặc phòng tránh sự phát triển của Viêm Khớp nhưng chỉ có cách để giảm những rủi ro gây ra bệnh.

Như vậy, các nhà chuyên môn đều có ý kiến là, chẳng may bị Viêm Khớp thì hãy tìm cách sống chung với bệnh. Tức là thay đổi nếp sống và thói quen để đối phó với khó chịu của bệnh đồng thời cũng tránh những gì có thể gây tổn thương thêm cho khớp đã bị hư hao.

1- Trước hết là cần có một vị lương y cời mở, tận tâm để sớm xác định bệnh rồi điều trị nhờ đó giảm thiểu tổn thương và giảm đau. Có nhiều thuốc chống viêm, chống đau mà bác sĩ có thể chỉ định cho từng người bệnh. Uống đúng theo hướng dẫn. Nếu có tác dụng ngoại ý, cho bác sĩ biết để đổi thuốc. Muốn dùng thêm thuốc trị "bá bệnh", không khỏi sẽ được trả lại tiền, thì cũng nên hỏi qua ý kiến bác sĩ. Kèo mà tiền mất tật mang, vì thuốc Tiên có thể chứa chất gây mục xương, mập phì. Đôi khi bác sĩ cũng bơm bổ sung dầu mỡ nhân tạo (hyaluronic) để khớp bớt khô, cử động dễ dàng.

Trong trường hợp trầm trọng mà chữa trị bằng thuốc không được như ý muốn thì bác sĩ có thể đề nghị giải phẫu khớp. Trước khi quyết định mổ, hỏi bác sĩ xem còn điều trị nào khác không, có cần phải mổ không, tỷ lệ giảm bệnh là bao nhiêu và áp dụng cách mổ nào? Thay khớp, dính khớp hoặc mổ lấy gai, lấy mảnh vụn trong khớp. Hãy tìm hiểu tường tận và tin tưởng ở khả năng của bác sĩ.

2- Hiểu rõ về bệnh

Qua bác sĩ cũng như sách báo, internet, hãy tìm hiểu cặn kẽ về diễn tiến, biến chứng của bệnh để đôi bên có thể "sống chung hòa bình". Biết người, biết ta mà. Chấp nhận hoàn cảnh một cách tích cực, tránh những gì có thể làm bệnh gia tăng đồng thời áp dụng các phương thức giảm thiểu triệu chứng bệnh. Chia sẻ kinh nghiệm với người cùng cảnh ngộ để giảm khó khăn. Có nhiều hiệp hội thân hữu, hỗ trợ bệnh nhân Viêm Khớp mà ta có thể tham gia để học hỏi, để an ủi lẫn nhau.

3- Bảo vệ khớp

Gượng nhẹ và không dùng khớp đang bị tổn thương để làm công việc cần sức mạnh, như nâng nhắc vật nặng, di động quá nhanh; không đi giày cao gót suốt ngày khi bị viêm khớp đầu gối, cổ chân; không bẻ khớp ngón tay ngón chân để tránh viêm căng dây chằng, gân quanh khớp đưa tới giảm sức mạnh bàn tay, bàn chân.



4- Giảm sức nặng cơ thể

An uống vừa đủ với nhu cầu, tránh mập phì. Theo bác sĩ Patience White, U.S. Arthritis Foundation, với 1 kg thể trọng thì khớp đầu gối chịu một sức nặng là 4 kg, tăng rui ro viêm khớp. Thống kê cho hay 2/3 người mập phì bị viêm khớp.

5- Tập luyện cơ thể

Nhiều người cho là bị viêm khớp mà vận động cơ thể sẽ làm bệnh trầm trọng hơn. Tin tưởng này đúng nếu không biết cách vận động và không đúng nếu biết tập luyện tùy theo khả năng của khớp. Dòng nước không chảy, nước tù đọng, dơ bẩn. Khớp không cử động, khớp "đóng băng" cứng ngắt. Mỗi sáng, sau một đêm ngủ ngon, bà con thấy các khớp của bàn tay, bàn chân, đầu gối đau đau, không co duỗi được, vì chúng bất động suốt 6, 7 giờ. Thêm vào đó, vì khớp viêm đau, bệnh nhân bảo vệ khớp, không dùng, cơ bắp xung quanh yếu, khiến cho khớp thêm cứng. Với các nhà chuyên môn y khoa học, vận động là phương thức hiệu nghiệm nhất vừa phòng tránh vừa giảm khó chịu của Viêm Khớp. Bác sĩ Thấp Học Sam Schatten, Atlanta, nhận xét: "Đi bộ cải thiện rất nhiều thái độ của con người và loại bỏ vòng luẩn quẩn có hại buồn phiền và đau nhức".

Có ít nhất 3 cách vận động giúp khớp bớt đau:

Vận động để tăng tầm chuyển động bình thường (range of motion) và giảm sưng cứng của khớp. Nhiệm vụ khớp cổ tay là xoay tròn về mọi phía thì nhẹ nhàng tập luyện xoay để khớp không đóng băng. Khớp đầu gối là để đứng lên, ngồi xuống, bước tới bước lui thì tập lên gối xuống gối để duy trì chức năng này.

Tập luyện để tăng cường sức chịu đựng của cơ thể (aerobic exercise), tuần hoàn hô hấp hoạt động mạnh hơn, tinh thần thoải mái, yêu đời, ngủ ngon hơn đồng thời cũng bớt mập phì, một trong những rui ro gây viêm khớp. Có thể đi bộ với nhịp bước nhanh hoặc bơi lội.

Tập luyện để tăng sức mạnh của cơ bắp, gân, dây chằng chung quanh khớp, nhờ đó khớp đang bị viêm không bị dao động, giảm đau.

Cần hỏi ý kiến bác sĩ về các phương thức tập luyện, sao cho thích hợp với tình trạng bệnh của mình.

6- Sống thoải mái tích cực

Nhiều người buồn rầu, than vãn vì triền miên đau, sống trong căng thẳng. Mà stress làm cơ thể

căng cứng, tăng đau nhức kèm theo bực bội và giảm sinh hoạt. Tích cực sống hòa bình với Viêm khớp cũng tăng sản xuất hóa chất endorphin trong người, là chất làm giảm đau. Lâu lâu làm một cuộc massage, ngâm tắm nước nóng để máu huyết lưu thông, thư giãn xương khớp, ngủ ngon, giảm đau.

7- Thời tiết với Viêm Khớp

Nhiều người tin tưởng rằng thời tiết khí hậu ảnh hưởng tới Viêm Khớp. Họ đã chuyển nơi ở từ miền lạnh ẩm tới vùng khô ráo nắng ấm. Nhiều người cũng nói "cứ mỗi khi tôi đau nhức xương khớp là y như rằng Trời sắp giông tố, mưa bão." Tin tưởng này có từ thuở xa xưa, khiến cho các khoa học gia cũng phải lưu tâm, nghiên cứu.

Vào thập niên 60 của thế kỷ trước, bác sĩ John Hollander đã làm một nghiên cứu về vấn đề này. Ông để 8 bệnh nhân bị Thấp Khớp và 4 bị Viêm Khớp vào một căn phòng kín trong đó áp suất không khí điều chỉnh lên xuống được. Kết quả mà ông tìm ra là 8 người nhạy cảm với thời tiết và 7 người cho hay đau hơn khi tăng độ ẩm và giảm áp suất. Kết quả được nhiều nhà chuyên môn lưu ý và nghiên cứu thêm. Một giả thuyết giải thích hiện tượng này là khi áp suất xuống thấp, không khí ẩm khiến cho tế bào bị viêm "nở" ra đưa tới khớp hơi sưng và đau.

Trong một tài liệu của Johns Hopkins Medicine có ghi: Mặc dù có vài bằng chứng rằng người sống ở vùng khí hậu ẩm, khô ráo ít cơn đau viêm khớp, nhưng khí hậu không ảnh hưởng tới diễn tiến của bệnh. Nhiều lắm thì thời tiết có thể ảnh hưởng tới sự đau của khớp viêm.

Nghiên cứu về Osteoarthritis pain and weather do F. V. Wilder, B. J. Hall và J. P. Barrett thực hiện năm 2003 kết luận: Nói chung, các dữ kiện tìm thấy từ nghiên cứu không hỗ trợ giả thuyết nói rằng thời tiết liên quan tới đau. Thậm chí nếu có thì rất khiêm nhường.

Tạp chí y học J Rheumatology 2004; 31:1327-34) có ghi "Kinh nghiệm cổ cựu 'Lạnh và ẩm xấu, ẩm và khô tốt cho Thấp Khớp' dường như chỉ đúng với độ ẩm mà thôi".

Đó là ý kiến chung của các nhà nghiên cứu. Và các bác sĩ chuyên khoa Thấp học cũng ít khi khuyên bệnh nhân di chuyển nơi ở, mà chỉ "nước đôi" vô thường vô phạt, nếu quý vị muốn, hãy thử xem sao.

Và lại, bệnh Viêm Khớp, thấy có ở mọi quốc gia, từ miền nắng ẩm tới vùng băng giá quanh năm. Cho nên trước khi di chuyển, cũng nên cân nhắc, sống thử một thời gian coi xem sao. Và lại di chuyển, bỏ nơi quen sống từ nhiều chục năm, từ bố bạn bè thân thuộc, ông bà thầy thuốc thân yêu thì cũng hơi tiếc đấy.

Đặc biệt là với quý bà chị. Vì theo bác sĩ Maradee A. Davis và cộng sự viên, University of California, San Francisco, tỷ lệ viêm khớp gối của phụ nữ là 4.9% so với 2.6% ở nam giới. Và rui ro này tăng khoảng 1.57 ở tuổi 45-54 lên 2.14 ở tuổi 65-74. Quý hiền tỷ phải cách xa bạn "đồng bệnh tương lân," học hỏi kinh nghiệm sống với Viêm Khớp thì có lẽ cũng hơi "buồn năm phút" đấy nhì.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

RA MẮT THANH VĂN TẶNG CỦA ĐẠI TẶNG KINH VN TẠI QUẬN CAM, VÀ CÔNG TRÌNH PHIÊN DỊCH TAM TẶNG KINH ĐIỂN SANG TIẾNG VIỆT

Huỳnh Kim Quang — Photos: Thanh Huy

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



Sinh hoạt trong lãnh vực truyền thông tại Quận Cam bao lâu nay, tôi chưa bao giờ tham dự một buổi ra mắt kinh sách Phật Giáo mang ý nghĩa trọng đại đối với cộng đồng Phật Giáo Việt Nam như buổi ra mắt bộ Thanh Văn Tặng của Đại Tặng Kinh Việt Nam tại Nhà Hàng Brodard Chateau, Thành phố Garden Grove, Quận Cam, California, Hoa Kỳ, vào chiều Chủ Nhật, ngày 19 tháng 3 năm 2023.

Sở dĩ tôi gọi sự kiện này mang ý nghĩa trọng đại vì đây không phải là buổi ra mắt Kinh sách thông thường như lâu nay, mà là buổi ra mắt 29 cuốn Kinh, Luật và Luận thuộc Thanh Văn Tặng của Đại Tặng Kinh Việt Nam do Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tặng Lâm Thời thực hiện và Hội Ấn Hành Đại Tặng Kinh Việt Nam nằm trong Hội Đồng Hoảng Pháp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vừa mới ấn hành trong tháng 3 năm 2023. Dù chưa phải là toàn bộ Thanh Văn Tặng mà chỉ là một phần nhỏ, đây là sự kiện xưa nay



Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đang phát biểu qua Zoom

chưa từng diễn ra trong cộng đồng Phật Giáo Việt Nam ở đây và là thành quả sơ khởi của công trình phiên dịch để hoàn thành bộ Đại Tặng Kinh bằng tiếng Việt làm chuẩn mực cho sự tu học, nghiên cứu và góp phần vào việc phát triển văn hóa, giáo dục, hoằng pháp, xã hội cho Phật Giáo và xã hội Việt Nam trong và ngoài nước.

LỄ RA MẮT THANH VĂN TẶNG LẦN ĐẦU TẠI QUẬN CAM

Tầng lầu của Nhà Hàng Brodard Chateau dù không rộng lớn như một hội trường sinh hoạt quần chúng đông đảo, nhưng lại có không khí trang nghiêm và ấm cúng cho một buổi ra mắt Đại Tặng Kinh, với sự tham dự của khoảng 50 chư tôn đức Tăng, Ni và hơn 30 vị thức giả, cư sĩ và



Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thăng Hoan (ngồi). Hàng đứng, từ phải, HT Thích Như Điển, HT Thích Trí Tuệ, HT Thích Bốn Đạt, HT Thích Thái Hòa, HT Thích Nguyên Siêu, và TT Thích Hạnh Tuệ.



Từ phải, Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Trưởng Lão Hòa Thích Thăng Hoan đang ban Đạo Từ, HT Thích Nguyên Siêu.



Từ phải, TT Thích Hạnh Tuệ MC cho buổi lễ và Cư sĩ Tâm Thường Định Bạch Xuân Phê phụ trách phần Zoom cho buổi lễ.



Từ phải, Cư Sĩ Quảng Nguyễn, Chủ nhân Nhà Hàng Brodard, và nữ Cư sĩ Tâm Thanh Chiêu Hà.

đại diện các cơ quan truyền thông báo chí Việt ngữ tại miền Nam California.

Sau mấy năm đại dịch Covid làm ngưng trệ mọi sinh hoạt tập trung, đây là lần đầu tiên có sự vận tập đông đảo chư Tăng, Ni và cư sĩ từ Việt Nam, Châu Âu, Canada và Hoa Kỳ về tham dự. Trong số chư Tôn Đức tham dự có Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thăng Hoan trên 96 tuổi (Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương GHPGVNTN, Chứng Minh Hội Đồng Hoằng Pháp), Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Chơn Thành trên 90 tuổi (Thượng Thủ GHPGVN Trên Thế Giới), Hòa Thượng Thích Trí Tuệ (Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Tổng Hội PGVN tại Hoa Kỳ), Hòa Thượng Thích Pháp Tánh (Viện Chủ Chùa Hoa Nghiêm, Santa Ana), Hòa Thượng Thích Minh Tuyên (Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK), Hòa Thượng Thích Minh Hải (Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kiến Thiết GHPGVNTNHK), Hòa Thượng Thích Như Điển (Chánh Thư Ký Hội Đồng Hoằng Pháp và Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời, Đức), Hòa Thượng Thích Thái Hòa (Phó Thư Ký Hội Đồng Hoằng Pháp và Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời, VN), Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu (Phó Thư Ký Hội Đồng Hoằng Pháp và Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời), Hòa Thượng Thích Bốn Đạt (Phó Thư Ký Hội Đồng Hoằng Pháp, Canada), Hòa Thượng Thích Trường Phước (Cố Vấn Ban Bảo Trợ Hội Đồng Hoằng Pháp, Canada), Hòa Thượng Thích Nhựt Huệ (Thành Viên Hội Đồng Hoằng Pháp), Hòa Thượng Thích Tuệ Uy (Quyền Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục

GHPGVNTNHK), v.v... Hòa Thượng Thích Nguyên Trí vì bệnh duyên nên không thể đến được, cũng như một số quý Hòa Thượng ở các nơi vì bận Phật sự nên đã không thể đến dự. Riêng Hòa Thượng Thích Bảo Lạc (Chứng Minh Hội Đồng Hoằng Pháp, Úc) dù không đến dự nhưng có gửi Thư Chúc Mừng và Thư đã được đọc trong buổi lễ. Ngoài ra còn có nhiều vị Thượng Tọa, Đại Đức, Ni Trưởng, Ni Sư cũng đã có mặt để chứng kiến một sự kiện ý nghĩa. Trong giới thức giả và cư sĩ Phật tử thì có Giáo Sư và Nhà thơ Chân Văn Đỗ Quý Toàn, Nhà thơ, nhà báo và nhà nghiên cứu Phật học Nguyên Giác Phan Tấn Hải, Tiến Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê (Chủ Tịch Tổng Hội Cư Sĩ PGVN Tại Hoa Kỳ kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK), Nhà văn Đồng Phúc Hoàng Mai Đạt (Chủ Bút Nhật Báo Viễn Đông), Nhà văn nhà báo Tâm Nhuận Phúc Doãn Hưng, Nhà báo Hòa Bình Lê (Chủ Nhiệm Việt Báo), Huỳnh Trường Cấp Dũng Tâm Hòa Lê Quang Đạt, Huỳnh Trường Quang Ngô Đào Duy Hữu (Trưởng Ban Hướng Dẫn GDPTVN Tại Hoa Kỳ), Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào (Thành viên Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời, Thủ Quỹ Hội Ân Hành Đại Tạng Kinh VN), Cư sĩ Tâm Huy Huỳnh Kim Quang (Thành viên Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời), Cư sĩ Tâm Thường Định Bạch Xuân Phê (Thư Ký Ban Báo Chí & Xuất Bản Hội Đồng Hoằng Pháp), Ký giả Kiều Mỹ Duyên, và các Ký giả Thanh Huy của Việt Báo, Ký giả Thanh Phong của Báo Viễn Đông, Ký giả Văn Lang của Báo Người Việt, Ký giả Phan Đại Nam của Đài Truyền Hình SBTN, Ký giả Đoàn Trọng của Đài Truyền Hình SET, v.v...



Từ phải, Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Cư sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào, Cư sĩ Tâm Thanh Chiêu Hà, Cư sĩ Chân Văn Đỗ Quý Toàn, Huỳnh Trường Quang Ngô Đào Duy Hữu, Huỳnh Trường Tâm Hòa Lê Quang Đạt, Cư sĩ Tâm Nhuận Phúc Doãn Hưng.



Từ phải, Huỳnh Trường Tâm Hòa Lê Quang Đạt, Cư sĩ Nguyên Giác Phan Tấn Hải, Cư sĩ Đồng Phúc Hoàng Mai Đạt, Cư sĩ Tâm Nhuận Phúc Doãn Hưng.

Trong lời Chào Mừng chư tôn đức Tăng, Ni và quan khách, đại diện Nhà Hàng Brodard, Cư sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào, Phó Ban Báo Chí & Xuất Bản HĐHP kiêm Thủ Quỹ Hội Ân Hành ĐTKVN, đã giới thiệu chủ nhân Nhà Hàng Brodard là nữ Cư sĩ Quảng Nguyễn, người đã phát tâm rộng lớn hỗ trợ tài chánh cho việc in Đại Tạng Kinh Việt Nam, mà cụ thể là ấn phí trong đợt đầu lần này in 29 cuốn thuộc Thanh Văn Tạng đã lên tới 253,000 mỹ kim, chưa tính cước phí chuyên chở lên tới khoảng 60,000 mỹ kim do Hội Đồng Hoảng Pháp và Hội Ân Hành Đại Tạng Kinh VN chi trả. Cư sĩ Tâm Quang đã bộc bạch:

"Sau đó, con có thưa là sẽ ghi tên và pháp danh của chị vào các văn bản cũng như danh sách những vị ủng hộ công trình thì chị liền từ chối: "Không, đừng ghi tên chị, đừng ghi gì hết. Nhưng nếu ghi thì xin ghi là nhà hàng Brodard. Bởi vì chị quan niệm, những gì chị có được ngày hôm nay, cũng như tịnh tài mà chị phát tâm cúng dường in Đại Tạng Kinh, đều do tâm trí, công lao của chị và gia đình, của toàn thể nhân viên và đặc biệt là tất cả những thực khách ủng hộ nhà hàng Brodard. Chị muốn chia sẻ công đức này đến với tất cả những ai đã đóng góp để duy trì và phát triển hệ thống nhà hàng này." Lòng thí chủ đã mở ra đến như thế; suy ra, tất cả những nhân viên và thực khách nào, trong quá khứ, hiện tại và tương lai, phục vụ và ủng hộ 3 nhà hàng Brodard Chateau, Bamboo Bistro và Brodard Restaurant, đều gián tiếp góp phần cúng dường cho việc in ấn Đại Tạng Kinh Việt Nam, và đều được thừa hưởng công đức!

"Nghe được những lời giải bày của chị, con thật vô cùng xúc động.

"Xúc động vì thí chủ này từng chia sẻ là không hiểu nhiều về Phật Pháp, nhưng chính tâm nguyện và hành xử của chị đã nói lên được tinh thần tri ân của người con Phật là: nhớ ân chúng sinh, tức là nhớ ơn tất cả những nhân duyên tạo nên sự thành tựu cuộc sống của mình; và đồng thời không quên hồi hướng công đức đến tha nhân qua việc bố thí cúng dường, đặc biệt là cúng dường Pháp Bảo tối thượng. Đây có thể nói là bước chân đầu tiên của người con Phật trên lộ trình của bồ-đề nguyện, bồ-đề hành."

Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Phó Thư Ký Hội Đồng Hoảng Pháp và Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời, trong Diễn Văn Khai Mạc, đã nói lên tầm quan trọng của công cuộc phiên dịch Đại Tạng Kinh và kêu gọi chư tôn đức Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử khắp nơi hỗ trợ bằng gia trì lực, trí lực, vật lực để có thể hoàn thành sứ mệnh cao cả này. Một vài đoạn trong Diễn Văn Khai Mạc do Hòa Thượng đọc như sau:

"Trong không khí đạo tràng trang nghiêm, vui tươi đầy tình đạo vị, đã nói lên tính nhuần nhuyễn, thuần thành của bốn chúng đệ tử Phật, trên con đường hoảng Pháp thượng cầu hạ hóa. Nói đến đây, tất cả chúng ta ai cũng biết Ôn chủ tịch, Hoà Thượng Thích Tuệ Sỹ; Ôn cố vấn Giáo Sư Tiến Sĩ Lê Mạnh Thát, mà tất cả chúng ta, toàn ban phiên dịch nương tựa, y cứ cũng như thừa hành ý chỉ để thi hành nhiệm vụ, nhờ vậy mà công trình phiên dịch được trôi chảy tốt đẹp như hình ảnh ra mắt Đại Tạng Thanh Văn hôm nay. Tinh thần làm việc toàn ban: Phiên dịch, chuyển văn, sửa lỗi chính tả, layout, thiết kế một cách nhuần nhuyễn, tương kính, tương thuận... mỗi

người một tay mà vẫn nên kêu trong ý vị thâm trầm phụng hiến. Sự phụng hiến này là một chất tố làm xúc tác qua hình ảnh của 18 vị Kỳ túc trong Hội đồng Phiên dịch năm 1973 mà Giáo Hội đã thỉnh cử để làm công việc dịch Đại Tạng Kinh cho Phật Giáo Việt Nam.

"Do vậy, mà ban phiên dịch rất hy vọng và kỳ vọng vào sự quan tâm, tiếp tay làm việc của cộng đồng chư Tôn Đức Tăng, Ni và sự hộ Pháp của toàn thể chư vị thiện nam tín nữ bốn chúng đệ tử Phật nhiệt thành, nhất tâm thừa tự như lời Phật dạy trong Trung bộ ba, kinh Thừa Tự Pháp, Dhammadayada sutta: "là đệ tử Phật ngày đêm luôn ghi nhớ, hãy thừa tự Phật Pháp mà không thừa tự tài vật."

Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thăng Hoan, Chứng Minh Hội Đồng Hoảng Pháp, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương GHPGVNTN, dù năm nay đã hơn 96 tuổi, vẫn cố gắng thân lâm. Trong Đạo Từ mà Ngài đã đọc tại buổi lễ giới thiệu Thanh Văn Tạng, Trưởng Lão Hòa Thượng đã bày tỏ lòng tùy hỷ công đức của Ngài đối với công việc phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam:

"Bản thân tôi, rất tiếc vì tuổi cao sức yếu nên không thể đóng góp được gì trong công trình phiên dịch Tam Tạng Thánh Điển vô giá này, ngoài một tấm lòng tùy hỷ công đức và hỗ trợ tinh thần cho Phật sự trọng đại này.

"Tôi thiết nghĩ, với sự lãnh đạo tài đức của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ và sự góp sức tận tụy của chư Tăng, Ni và Cư sĩ trong Hội Đồng Hoảng Pháp, Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời thì việc hoàn thành bộ Đại Tạng Kinh Việt Nam là điều tất yếu sẽ đạt được.

"Điểm đặc biệt mà tôi biết là công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời được thực hiện trong chuẩn mực hàn lâm nghiêm túc, với sự đối chiếu các bản tiếng Nam Phan, Bắc Phan và Tây Tạng, cũng như phần chú thích công phu rất giá trị sánh ngang hàng với các bộ Đại Tạng Kinh có chuẩn mực quốc tế khác.

"Tôi thiết nghĩ, một quốc gia như Việt Nam nếu có được nhiều công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh là một đại phước cho dân tộc. Không những thế, đó còn là một đại hạnh cho giới học Phật, giới nghiên cứu và các thế hệ tương lai để có nhiều tài liệu, nhiều văn bản, nhiều bản dịch ngữ hầu tra cứu, tham khảo và truy tìm thật nghĩa của Thánh Điển."

Hòa Thượng Thích Như Điển, Chánh Thư Ký Hội Đồng Hoảng Pháp và Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời, đã trình bày khái quát về công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam do Hội Đồng Hoảng Pháp và Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời thực hiện. Trước hết, Hòa Thượng lướt qua một cách ngắn gọn lịch sử phiên dịch Kinh Điển từ Trung Hoa đến Nhật Bản và tới Việt Nam, với nhân vật kiệt xuất là ngài Huyền Trang đã dịch ròng rã 20 năm từ năm 645 đến năm 665. Hòa Thượng kể rằng cách nay 2 năm trong lúc Hòa Thượng Tuệ Sỹ đang điều trị bệnh tại Nhật Bản đã có gọi điện thoại thăm và trao đổi với Hòa Thượng về kế hoạch kết hợp chư tôn đức Tăng, Ni và cư sĩ trong ngoài nước để hoảng dương Chánh pháp và phiên dịch Kinh điển sang tiếng Việt. Sau đó là mọi việc tiến hành hanh thông với việc thành lập Hội Đồng Hoảng Pháp, rồi

Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời, Hội Ấn Hành Đại Tạng Kinh Việt Nam, và lớp học Phạn ngữ do Giáo sư Tiến Sĩ Trí Việt Đỗ Quốc Bảo phụ trách, cho đến nay đã dạy được 3 khóa. Hòa Thượng Như Điển cho biết Hòa Thượng Tuệ Sỹ hy vọng sẽ thành lập một Đại Học Phật Giáo để dạy tiếng Phạn và qua đó dịch Kinh Luật Luận trực tiếp từ chữ Phạn sang tiếng Việt. Hòa Thượng nhấn mạnh rằng chỉ có những người làm văn hóa mới để lại di sản lâu dài về sau. Hòa Thượng đã không quên bày tỏ lòng tri ân Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, GHPGVNTN, HĐHP và các Ban cũng như Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời.

Trong phần giới thiệu sơ lược 29 cuốn trong đợt đầu ấn hành Thanh Văn Tạng, Hòa Thượng Thích Thái Hòa, Phó Thư Ký Hội Đồng Hoằng Pháp và Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời đặc trách quốc nội ở Việt Nam, đã cho cử tọa biết sơ qua nhưng cũng khá đầy đủ về Kinh, Luật, Luận thuộc Thanh Văn Tạng. Hòa Thượng cho biết trong đợt đầu ấn hành Thanh Văn Tạng gồm 29 cuốn Kinh, Luật, Luận và Tổng Lục do Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ biên soạn. Trong đó gồm có Kinh Trường A-hàm (2 cuốn), Kinh Trung A-hàm (4 cuốn), Kinh Tạp A-hàm (3 cuốn), và Kinh Tăng Nhất A-hàm (3 cuốn); Luật Tứ Phần (4 cuốn), Luật Tứ Phần Tăng GiỚI Bốn (1 cuốn); Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá (3 cuốn), A-tỳ-đạt-ma Tập Dị Môn Túc Luận (1 cuốn), A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận (1 cuốn); và Tạp Bộ gồm Lục Độ Tập Kinh (1 cuốn) và Kinh Hiền Ngụ (1 cuốn); và 5 cuốn Tổng Lục.

Cư sĩ Chân Văn Đỗ Quý Toàn, là một giáo sư dạy Đại Học tại Canada, là nhà thơ nổi tiếng từ trong nước trước năm 1975 và cũng là nhà bình luận thời sự những năm gần đây tại Hoa Kỳ, trong lời phát biểu đã nói lên cảm nghĩ của một người cư sĩ Phật tử đối với công cuộc phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam. Cư sĩ Chân Văn kể rằng ông đã đi chùa từ lúc còn bé nhưng chưa từng tiếp xúc với kho tàng Kinh điển bao la của Phật Giáo. Đến khi lớn đi học thì được biết Phật Giáo có kho tàng Kinh điển mà không có tôn giáo nào so sánh được. Rồi lúc học ở Đại Học đã từng học với quý Hòa Thượng và các Giáo Sư chia sẻ về giáo lý Phật Giáo, nhưng nhiều lần là học được một số thuật ngữ Phật học như Bát-nhã Ba-la-mật, Đà-la-ni. Khi ra nước ngoài thì được tiếp xúc với các tài liệu nhưng chưa từng tiếp xúc với bộ Đại Tạng Kinh. Ông cho là rất may khi Phật Giáo Việt Nam bắt đầu công cuộc dịch Đại Tạng Kinh có tính chất hàn lâm. Ông nói việc này "Chúng ta đã đợi mấy ngàn năm."

Hòa Thượng Thích Bốn Đạt (Phó Thư Ký Hội Đồng Hoằng Pháp, Canada) đã thay mặt Ban Tổ Chức thành kính tri ân chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Ni Trưởng, Ni Sư đã hoan hỷ nhận lời mời của Ban Tổ Chức quang lâm tham dự. Hòa Thượng cũng đã gửi lời cảm ơn quý vị thức giả, cư sĩ, văn nghệ sĩ và các cơ quan truyền thông báo chí đến tham dự.

Công Trình Phiên Dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống GHPGVNTN, Cố Vấn Hội Đồng Hoằng Pháp và Chủ Tịch Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời, từ Việt Nam tham dự trực tiếp buổi giới

thiệu Thanh Văn Tạng qua Zoom, đã thay mặt Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời bày tỏ lòng tri ân đến chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, và quý thức giả, cư sĩ đã bằng nguyện lực, trí lực với hăng tâm hăng sản đã hỗ trợ cho công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam. Hòa Thượng cũng đã cho biết khái quát về công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh dựa vào Thánh giáo do kim khẩu của Đức Phật thuyết giảng được truyền bá từ hình thức khẩu truyền đến hình thức được ghi chép bằng văn tự qua các thời đại và quốc độ.

Hòa Thượng cũng đã giải thích vì sao gọi là Thanh Văn Tạng. Hòa Thượng nói rằng vì bộ Thanh Văn Tạng chứa đựng Giáo điển cơ bản trong 45 năm thuyết pháp của Đức Phật. Từ giáo nghĩa cơ bản này được hiểu và giải thích khác nhau nên dẫn đến thời kỳ Bộ Phái Phật Giáo. Rồi sau đó là thời kỳ phát triển Phật Giáo và Đại Thừa. Giống như từ rễ cây và thân cây mọc ra nhiều cành lá sum sê. Hòa Thượng nói Tam Tạng Kinh Điển qua hệ Bắc Truyền nằm trong 3 ngôn ngữ chính là tiếng Phạn (Sanskrit), chữ Hán và chữ Tây Tạng. Bốn bộ A-hàm bằng chữ Hán so với bốn bộ Nikaya bằng tiếng Pali thuộc Nam Truyền thì không có nhiều khác biệt. Hòa Thượng lưu ý rằng việc phiên dịch Tam Tạng Kinh Điển từ xưa đến nay không thể nào có được sự nguyên thủy lời dạy của Đức Phật và sự chuẩn xác hoàn toàn do trải qua nhiều thế hệ khẩu truyền và do "khẩu âm và phương ngữ nên trong các truyền bản được nói là Phạn văn đã hàm chứa khá nhiều sai lạc. Điều này có thể thấy rõ qua sự so sánh các đoạn tương đương Pali, hay các dẫn chứng trong Đại Tỳ-bà-sa, Du-già Sư Địa. Thêm vào đó, các dịch giả hầu hết đều học Phật và học tiếng Sanskrit tại các nước Tây vực chứ không tiếp tại Ấn Độ như La-thập và Huyền Trang, nên trình độ ngôn ngữ Phạn có hạn chế." (Trích từ bài Công Trình Phiên Dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam của Trí Siêu-Tuệ Sỹ được đăng trong tập Giới Thiệu Công Trình Phiên Dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam do Hội Đồng Hoằng Pháp xuất bản năm 2022 và có đăng trên trang www.hoangphap.org).

Chính vì vậy, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ nói rằng không những việc phiên dịch mà ngay cả giới nghiên cứu và học Phật đều cần phải thông thạo hay ít nhất ở một trình độ tiêu chuẩn nào đó đối với Phạn ngữ để có thể hiểu được chuẩn xác. Đây cũng là lý do, Hòa Thượng cùng với Hội Đồng Hoằng Pháp tổ chức các khóa học tiếng Phạn do Giáo Sư Tiến Sĩ Phạn Ngữ tại Đại Học Đức là Cư sĩ Trí Việt Đỗ Quốc Bảo đã và đang đảm nhận. Chương trình dạy tiếng Phạn, theo Hòa Thượng cho biết sẽ kéo dài trong 5 năm để sau 5 năm các học viên có đủ trình độ tiếng Phạn có thể tham gia vào công tác phiên dịch của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng mà dự trù sẽ bắt đầu dịch Bồ Tát Tạng và sau đó là Mật Tạng.

Nhân việc này, Hòa Thượng cũng cho biết một tin rất đáng chú ý đối với cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Quận Cam, đó là việc Hòa Thượng dự định mời Thầy Kusho là vị Tăng sĩ gốc Việt tu học theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng có văn bằng cao nhất trong Phật Giáo Tây Tạng, tham gia vào việc dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam. Xin mở ngoặc ở đây một chút về Thầy Kusho. Theo Cư sĩ Nguyên Giác trong bài viết Thầy Kusho và Học

Trình Phật Giáo Tây Tạng thì "Thầy Kusho sinh vào tháng 3/1986, có cơ duyên từ thơ ấu được ba mẹ đưa tới Chùa TD Ling, nơi theo truyền thống mũ vàng của Phật Giáo Tây Tạng tại thành phố Long Beach tại quận Los Angeles; Long Beach nằm giáp biên thành phố Westminster, thủ phủ Little Saigon của Quận Cam. Hiện nay, Thầy Kusho, tức là Thầy Kunchok Woser (Donald D Pham), là người Mỹ gốc Việt đầu tiên được truyền thừa và đồ vắn bằng cao quý nhất trong lịch sử ngàn năm của Phật Giáo Tây Tạng. Để có thể có được học vị Lharampa cần phải có từ 23 đến 30 năm."

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ cũng đã giới thiệu công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam từ xưa nay. Hòa Thượng nhắc lại rằng tại Việt Nam hay cụ thể là tại Giao Châu vào thế kỷ thứ hai hay thứ nhất trước Tây Lịch đã lưu hành ít nhất 15 bộ Kinh. Rồi đến thế kỷ thứ 3 Tây Lịch ngài Khương Tăng Hội đã dịch Lục Độ Tập Kinh, Tạp Thí Dụ Kinh, v.v... "Nhưng do thiên tai lẫn dịch họa, bản kinh tiếng Việt đầu tiên hiện vẫn còn lại là một bản dịch vào thế kỷ 15, được biết dưới tên Đại Báo Phụ Mẫu Ân Trọng Kinh, của Thiền Sư Viên Thái (1380-1440)." Cũng theo Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, thế kỷ 16 có bản dịch Quan Âm Chấn Kinh hay Truyện Phật Bà Quan Âm. Rồi thế kỷ 17 thì có nhiều bản dịch và giải của Minh Châu Hương Hải, như Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, A-di-đà Kinh, Ma-ha-bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm Kinh. Thế kỷ 18 có các bản dịch Luật tạng, gồm Sa-di Quốc Âm Thập Giới của Như Trừng (1690-1780), Oai Nghi Diển Âm của Như Thị (1680-1740?). Đến thế kỷ 19, chính xác là năm 1852 hay 1856, thì có bản dịch Pháp Hoa Quốc Ngữ Kinh của Pháp Liên. Và sau đó ngày càng xuất hiện nhiều bản dịch bằng tiếng Việt.

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ cho biết Đại Tạng Kinh Việt Nam do Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời thực hiện dựa trên bản chữ Hán của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taishō Shinshū Daizōkyō) của Nhật Bản. Đại Chánh Tạng gồm 100 tập, được biên tập từ niên hiệu Đại Chánh (Taisho) thứ 11 (1922 Tây Lịch) và hoàn tất vào niên hiệu Chiêu Hòa (Showa) thứ 9 (1934 Tây Lịch). Theo Hòa Thượng cho biết, Đại Chánh Tạng gồm 3 phần chính: "Phần thứ nhất, gồm 32 tập, là các bản dịch Hán văn bao gồm Kinh, Luật, Luận, được thuyết bởi chính kim khẩu của Phật, hay được kết tập bởi các Thánh đệ tử, hoặc được trước tác bởi các Luận sư. Phần thứ hai, từ tập 33 đến tập 55, trước tác của Trung Hoa, bao gồm các sơ giải Kinh, Luật, Luận, và luận thuyết riêng biệt của các tông phái Phật Giáo Trung Hoa, các sử truyện, truyện ký, du ký, truyện kỳ; các bản Hán dịch thuộc ngoại giáo như Thắng luận, Số luận, Ba tư giáo, Thiên chúa giáo, các tập ngữ vựng Phạm Hán, giáo khoa Phạm Hán, các Kinh lục. Phần thứ ba, từ tập 56 đến 85, tập hợp các trước tác của Nhật Bản, gồm các sơ giải Kinh, Luật, Luận, phần lớn căn cứ trên các bản sơ giải Trung Hoa mà giải nghĩa rộng thêm, và các luận thuyết của các tông phái tại Nhật Bản. Còn lại 12 tập sưu tập các đồ tượng, tranh ảnh, phần lớn là các đồ hình mạn-đà-la của Mật Tông. Ba tập cuối, tổng mục lục, liệt kê nội dung các bản Đại Tạng lưu hành." (Trích từ bài Công Trình Phiên Dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam của Trí Siêu-Tuệ Sỹ, sđd, như trên)

Để kết thúc bài viết này, xin mượn lời của Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Trưởng Ban Tổ Chức

Từ cú lục bát "BÀN TAY"

CHÙA

Chùa cho ai một khung trời
Chùa cho em nửa cuộc đời tôi đi
Chùa trống trắng đôi bàn tay
Chùa vương vấn giấy để thầy trợ duyên.

RỬA

Bàn tay chằng chịt càm ràm
Theo lao gieo nghiệp, nghiệp càng dày lên
Quay về tây uế tâm đen
Rửa tay xát muối bỗng nhiên yên bình!

YẾU ĐUỐI

Bàn tay mềm mịn nuốt nà
Là tân thế giới, là hoa thiên đường
Thơm lừng đất Mẹ yêu thương
Tôi về yếu đuối chân dưng khó đi.

TIẾNG ĐÀN

Ngón đau vuốt nhấn phím đàn
Bàn tay da diết trời âm gửi người
Đêm dài tình khúc chơi vơi
Sớm mai thảng giáng tiếng lời hoan ca.

NHÌN LẠI

Nửa đời nhìn lại thấy em
Năm đông đưa vông trong tim tôi già
Cười khan bên bút thơ trà
Bàn tay trơn trắng đậm đà tình xưa.

thơ

VĨNH HỮU – TÂM KHÔNG

Lễ Giới Thiệu Thanh Văn Tạng của Đại Tạng Kinh Việt Nam:

"Trong một không gian ấm cúng, đầy tình Đạo vị đông đảo quý ngài cùng quý liệt vị hiện diện đã tham dự và cầm trên tay Kinh Tạng Thịnh Văn, là một niềm tự hào qua bao thời gian tích lũy công đức phụng sự để có được thành quả như ngày hôm nay, "một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao." Một dòng sông không làm nên biển cả mà trăm sông, ngàn sông đồng đổ về đại hải để trở thành một đại dương nước mênh mông."

Cầu nguyện công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời sớm được thành tựu viên mãn để cho Chánh Pháp cửu trụ nơi thế gian để làm lợi lạc cho tất cả hữu tình.



Sóng và Nước

VƯƠNG THÚY NGÀ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Câu chuyện xảy ra giữa đại dương bao la: một hôm có con sóng nhỏ cảm thấy phiền não vì kích thích quá nhỏ bé của mình. Nó nhìn ra xa, một con sóng lớn gấp mấy lần nó, ngạo nghễ đánh vào bờ rồi hùng dũng kéo ra; nó thở dài buồn bã: "Tại sao mình nhỏ bé thế này? Tại sao tôi không được to lớn như bạn hả?" Con sóng lớn đáp: "Tại vì bạn không chịu nhìn kỹ gốc gác của mình nên bạn mới phiền não như vậy! Thật ra, bạn đâu có phải là con sóng nhỏ, tôi cũng đâu phải là con sóng lớn?" Con sóng nhỏ ngạc nhiên: "Ồ hay, bạn nói lạ chưa? Bạn với tôi không phải là sóng thì là cái gì?" Sóng lớn tr ả lời: "Bạn với tôi đều là nước; sóng chỉ là một hình thức của nước. Nếu mình nhìn ra bản chất của mình, gốc rễ của mình, không chấp chặt vào hình thức bên ngoài, cái vỏ bọc bên ngoài, thì mình sẽ không còn mặc cảm tự tôn hay tự ti, không còn phiền não khổ đau nữa. Con sóng nhỏ ch ợt "ngộ" ra chân lý ấy và cảm ơn bạn sóng lớn đã mở con mắt trí tuệ cho nó.

Cũng vậy, tất cả chúng ta đều thích hướng ngoại, tìm cầu, so sánh với người này, hơn thua với người khác, vĩ đại hơn thì bay lên không gian để khám phá ra phía bên kia mặt trăng, sao Hỏa hay đời sống dưới đáy đại dương v.v... Nhưng chúng ta lại không có hứng thú khám phá những chiều sâu tiềm ẩn bên trong chúng ta. Cách đây không lâu, người ta phỏng vấn một phi hành gia không gian không theo đuổi ngành nghiệp của mình nữa. Được hỏi tại sao lại bỏ nghề thì ông trả lời rằng: "Sau khi du hành vũ trụ, được lên mặt trăng, tôi đã chứng kiến được thế nào là không gian bao la nhưng tôi nghĩ rằng lòng người còn sâu hơn rộng hơn những gì tôi được kinh nghiệm qua những cuộc du hành trong vũ trụ; vì thế tôi muốn tự chiêm nghiệm, khám phá những chiều sâu bên trong chính tâm hồn tôi."

Thật đúng vậy, vũ trụ chỉ thực sự hiện hữu cho chúng ta khi và chỉ khi chúng ta kính nghiệm được nó qua Thân và Tâm của chính mình. Vũ trụ không phải chỉ là 25 vùng trời bao la xanh thẳm trên cao kia, mà nó ở ngay trong lòng mỗi chúng ta và ở ngay trong giây phút hiện tại này. Khi chúng ta trở về với vũ trụ bên trong, chúng ta sẽ thấy chúng ta và mọi người cùng một bản thể - bất cứ con người "trần tục" nào cũng tiềm ẩn tánh Giác (hay đức Sáng, tánh Chúa, tánh Phật, hay Đại Ngã, hay Thượng Đế, Atman, Alah, Brahma v.v... tùy theo đức tin tôn giáo của mình, bạn muốn gọi tên gì cũng được, nhưng đó là phần cốt lõi, bên trong chúng ta, nó tuyệt đối trong sạch, không bị ô nhiễm dù chúng ta sinh ra trong giai cấp nào, sống trong hoàn cảnh nào, trong bất cứ xã hội nào v.v...). Muốn làm hiển lộ tánh Giác ấy, chúng ta cần một đời sống đạo đức - nghĩa là một

đời sống tôn giáo đích thực: đó là một đời sống thanh tịnh, trong bình yên và hòa hợp với bản thân và đem lại sự bình yên và hòa hợp cho tha nhân.

Đối với anh chị em chúng ta, những người có một đức Tin, một cuộc sống đạo đức với một cái Tâm được khéo kiểm soát và khép vào giới luật, với tấm lòng trong sạch luôn hằng say với từ ái và bi mẫn, đó chính là mục đích của TU - chữ "tu" theo nghĩa rộng, không phải là xuất gia làm tu sĩ PG hay Linh mục v.v... mới gọi là tu. Một con người như vậy thật là một viên ngọc quý dù ở xã hội nào, giai cấp nào, nam hay nữ, giàu hay nghèo, có học thức cao hay không biết chữ v.v... Đó chính là viên ngọc quý được cất giấu trong chéo áo của mỗi người mà chúng ta mãi chạy theo thế giới bên ngoài, không tự biết... Tất cả chúng ta đều nỗ lực, tinh tấn làm hiển lộ tánh Giác, viên ngọc minh châu vô giá ấy. (Giác ở đây là sự tinh thức, chữ Giác trong "giác ngộ"). Đi từ quan điểm "tứ hải giai huynh đệ" của đạo Khổng đến "Không có gì khác nhau giữa người với người, trong giọt máu cùng đỏ và giọt nước mắt cùng mặn" của Phật giáo hay quan điểm bác ái của Thiên Chúa giáo v.v... Chúng ta thấy rằng tất cả chúng ta là một - không chỉ loài người mà cả đến muôn loài, tất cả đều tham sống sợ chết, tham vui sợ buồn v.v... Cho dù chúng ta nói bằng nhiều 26 ngôn ngữ khác nhau, sống trong những nền văn hóa khác nhau nhưng những biểu hiện của những tình cảm vui, buồn, giận dữ, thương yêu v.v... thì không cần đến ngôn ngữ, mọi người đều có thể hiểu nhau sâu sắc.

Tóm lại, mỗi người trong chúng ta, dù xuất hiện trong những hình thức khác nhau: sóng, băng, tuyết, hơi nước, mây, mưa, lụt, lũ v.v... bản chất vẫn là một: đó là NƯỚC. Nếu đã biết như vậy, chúng ta không còn kỳ thị về bất cứ vì lý do gì, đem tình thương không phân biệt, vô điều kiện và sự hiểu biết chân chính đó để đến với nhau thì chúng ta không còn thấy cách biệt về biên giới quốc gia, tôn giáo, chính trị, xã hội v.v... Chỉ khi nào giác ngộ được điều này thì mới không còn thù hận, khủng bố, chiến tranh nữa.

Mà thôi, đừng nói gì tới xã hội, quốc gia, thế giới,... chỉ nói đến trong một cộng đồng nhỏ, nếu chúng ta không hiểu biết và thương yêu nhau, trái lại cứ phân biệt, cố chấp, kỳ thị, thành kiến... thì thế nào cũng có lục đục, chiến tranh (lạnh) hay biểu tình, phản đối v.v... Chiến tranh hay khủng bố đều xuất phát từ Tâm con người nên mới có câu nói "Tâm bình, thế giới bình" là vậy.

Cầu mong cho Tâm chúng ta được an lạc và mọi người sống hòa hợp trong hiểu biết, thương yêu, để cho hòa bình hiện hữu trên hành tinh xanh của chúng ta.

TÁM ĐIỀU GIÁC NGỘ

*Là đệ tử Phật hết lòng tinh tấn
Ngày và đêm quán chiếu vô thường
Quán về Nhân Quả Nhân Duyên
Tám Điều Giác Ngộ thuộc lòng trong tâm.*

▪ GIÁC NGỘ THỨ NHẤT

*Thế Gian vốn dĩ Vô Thường
Địa cầu trần thế vô cùng mong manh
Bốn đại vốn Khổ và Không
Năm ấm Vô Ngã tận cùng diệt sinh*

*Tâm là nguồn ác hại mình
Thân là rừng tội tạo thành nghiệp mang
Quan sát sanh diệt tuần hoàn
Lìa xa sinh tử trở về Chân Nguyên.*

▪ GIÁC NGỘ THỨ 2

*Tham nhiều khổ cũng nhiều theo!
Trần gian vạn thứ cũng đều diệt sinh
Thấu hiểu sanh tử nhọc nhằn
An vui tự tại, lợi danh không màng.*

▪ GIÁC NGỘ THỨ BA

*Nếu cuộc sống Tâm không biết đủ
Lòng đa mang tham đắm mong cầu
Duyên nghiệp tội ác tăng theo
An vui thanh đạm dù nghèo giữ Tâm.*

*Sống biết đủ vui trong cảnh đạo
Lấy Trí Tuệ làm Sự Nghiệp mình
Kim chỉ nam cho bậc tu hành
Tinh Tấn Giác Ngộ là người chân tu.*

▪ GIÁC NGỘ THỨ TƯ

*Ngày đêm tinh tấn Thiện Pháp lành
Phá trừ phiền não của lợi danh
Sân si, ngũ dục và chấp trước
Không còn cơ hội khởi trong Tâm.*

▪ GIÁC NGỘ THỨ NĂM

*Vì vô minh nên còn sanh tử
Người chân tu cần học hiểu nhiều
Trí Tuệ tăng trưởng lên theo
Dem sự hiểu biết giúp người chung quanh.*

▪ GIÁC NGỘ THỨ SÁU

*Vì nghèo khổ nên sinh đạo tặc!
Nên ác duyên lẩn quẩn quanh mình
Thực hành bố thí lợi sanh
Không còn oán hận, chuyên cần tu Tâm.*

▪ GIÁC NGỘ THỨ BẢY

*Ngũ Dục đó luôn là tai họa
Ở thế gian không nhiễm dục trần
Giữ Tâm thanh tịnh trong lành
Tì bi tất cả chúng sanh muôn loài.*

▪ GIÁC NGỘ THỨ TÁM

*Sinh tử là lửa hồng thiêu đốt!
Khổ và Không ghi nhớ trong lòng
Giác Ngộ luôn nhớ trong Tâm
Phát tâm cứu khổ muôn loài chúng sanh*

*Hết lòng học Tám Điều Giác Ngộ
Quán Thế Gian Sanh Tử Vô Thường
Diệt vô lượng tội vương mang
Tâm mau Giác Ngộ xa lìa Tì Sanh.*

thơ HOÀNG THỰC UYÊN





Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG BA

Nàng châm thêm nước sôi vào bình trà đã cạn. Tôi nói nếu nàng buồn ngủ thì nàng có thể đi ngủ trước. Nàng cười, lắc đầu, nói rằng nàng có thể thức mấy đêm cũng được, để nghe chuyện tù của tôi. Nếu anh cần nghỉ thì anh đi nghỉ, nàng nói. Tôi cũng lắc đầu, nói rằng có lẽ sẽ không ngủ được đêm nay. Thôi thì ngồi nói chuyện. Nàng vui vẻ lấy thêm một cái tách để uống trà với tôi. Nhìn sau lưng nàng, tôi bỗng thấy nhớ Mộng Huyền. Dáng cao, thon thả, tóc dài ngang lưng, bỗng bẽn lẽn. Tôi nhắm mắt lại một lúc.

Nhìn khuôn mặt vừa ngây thơ vừa lãng mạn, tôi tự hỏi: có cần phải thoát ly một cái đẹp không thực trong một thế giới không thực? Nếu thế giới này thực thì cái đẹp kia cũng thực, vậy thì đâu cần phải từ bỏ cái thực! Nếu thế giới này là giả thì cái đẹp kia cũng là giả, vậy thì cần gì phải từ bỏ một cái giả! Nó

đã giả rồi thì tự nó trình hiện rồi tự nó tan biến, đâu cần phải phí công vượt thoát nó!

Anh đang nghĩ gì mà ngó em trân trân vậy? Anh kể tiếp đi, nàng nói. Tôi giật mình. Tới đâu rồi nhỉ? À, thời gian khai cung ở trại B5...

*

Những ngày kế tiếp, dù tôi đã một mực nói rằng tôi không biết gì về chỗ ẩn náu của ông Lương, ông Văn cứ cho "lấy" tôi ra làm việc. Hỏi tới hỏi lui, cũng chừng nấy câu hỏi. Cuối cùng, ông lập một biên bản khá chi tiết, đưa tôi đọc lại trước khi ký. Tưởng vậy là xong, không ngờ vài ngày sau, ông lại gọi tôi, bắt viết bản tự khai về các hoạt động của tôi trong lực lượng Phục quốc. Có lẽ vì chỉ dựa theo biên bản kết cung của công an Sài Gòn, ông Văn không biết gì đến các hoạt động khác của tôi trong Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, Hội Lạc

Long... Điều này có nghĩa rằng: công an Sài Gòn muốn xóa hết vết tích của Hân, hoặc là các hoạt động ấy của tôi không có gì quan trọng, không bị kể như là những hành vi phạm tội rõ ràng đối với nhà nước. Và vì ông ấy không đá động gì đến Đoàn Phật Tử Phụng Đạo hay Hội Lạc Long, tôi cũng không tội gì mà thành thật nhắc đến. Tôi chỉ viết về chuyện tôi tham gia lực lượng Phục quốc. Tôi viết rất thành thật như tôi đã khai với Long, với Sơn ở T20. Tôi có làm điều gì, tôi khai điều nấy, miễn không khai gì liên lụy đến những kẻ khác trong cuộc là được rồi. Vậy mà sự viết tự khai này cũng không đơn giản chút nào. Ông Văn đọc xong, bắt tôi viết lại, rồi viết lại, viết lại... chẳng biết bao nhiêu lần mà cứ bắt viết lại. Nhiều khi cầm bút lên tôi thấy ớn trong cổ như thể bị buộc phải ăn món gì có chất béo trong khi bụng đang no đầy.

Nhưng cuối cùng cũng có ngày tôi được yên thân, không

có cán bộ nào xuống gọi tên đi "làm việc" nữa. Bấy giờ tôi mới rảnh rang cả thể xác lẫn tâm trí để sống theo sinh hoạt của trại giam tập thể.

Trại giam tập thể được chia làm ba khu, mỗi khu có ba phòng giam lớn với tường bao bọc và một sân chơi riêng. Phòng giam tôi ở là phòng 7, cùng với phòng 8 và 9 nhập thành một khu. Mỗi khu có chung một giếng nước đục ngầu vì đất có phèn. Giếng nước có lẽ do tù nhân đào lấy bằng tay, chẳng có thành giếng đàng hoàng như những cái giếng ngoài xã hội, vì vậy, mỗi lúc có mưa lớn, nước ngập lênh láng chung quanh, ngập luôn cả giếng, và người ta sẽ chẳng thấy miệng giếng ở đâu. Dù sao, trong suốt những ngày bị giam, cái giếng ấy cũng là nguồn sống chính của tù nhân chúng tôi. Ba phòng giam với khoảng hai trăm người, mỗi ngày được tủa ra sân một giờ đồng hồ, xúm xít vất kiệt đến xô nước cuối riềng. Chúng tôi lấy nước dội cầu, rửa nền nhà và để rửa chén bát đều từ cái giếng nhỏ xíu ấy. Từ mặt đất đến đáy giếng, chưa tới hai thước. Nước giếng để yên một đêm chưa ai động đến thì nước cũng khá trong và mực nước dâng lên gần đến miệng giếng.

Mỗi phòng do một cán bộ quản giáo trực tiếp quản lý. Quản giáo phòng 7 chúng tôi tên là Khoa. Anh này mập mạp, người miền Nam, trông có vẻ hiền lành, dễ chịu. Mỗi ngày anh xuống mở cửa phòng giam, cho chúng tôi ra sân chơi một tiếng đồng hồ. Trong khi phòng chúng tôi ra chơi, hai phòng 8 và 9 phải ở trong. Chúng tôi vào phòng rồi, một trong hai phòng đó mới được cho ra. Như vậy, phòng nào ra trước thì được hưởng nước trong. Hai phòng ra sau chịu nước đục ngầu mà có khi nước mạch ra không kịp, chẳng lấy được miếng nước nào. Cho nên, ba quản giáo quản lý ba phòng cũng phải hội ý với nhau, chia thời khóa biểu thể nào để ba phòng chúng tôi thay phiên nhau mà được ra sân chơi trước.

Sân của khu chúng tôi hình chữ nhật, hai cạnh phía trong chạy dọc theo mặt trước của ba phòng giam tạo thành chữ L, hai cạnh còn lại là tường thành cao có rào thép gai phía trên. Chiều dài khoảng bốn chục thước,

chiều ngang khoảng hai chục thước. Giữa sân, có lưới để đánh bóng chuyền. Lưới do tù nhân thích chơi bóng của ba phòng góp tiền nhờ quản giáo mua giúp. Ban thì mỗi phòng mua riêng, cũng do những thành viên chơi bóng góp tiền. Mỗi lúc mở cửa cho chúng tôi ra sân chơi, quản giáo mang trái banh theo. Chơi xong, rửa sạch, trả banh lại cho quản giáo cất giữ. Bóng chuyền là trò chơi duy nhất của tù nhân ở ngoài trời. Những người không chơi bóng thì đi qua đi lại, phơi nắng, trồng rau, tán gẫu... Phòng được chia làm bốn đội (dựa theo bốn bức xi măng làm chỗ nằm trong phòng: ai được trưởng phòng sắp xếp nằm trên bức nào thì thuộc về đội đó). Mỗi đội lại chia làm nhiều tổ, mỗi tổ có ba hoặc bốn người. Các tổ thay phiên nhau chịu trách nhiệm lau chùi sạch sẽ cái bức nằm của đội. Riêng đội trực lo vệ sinh của phòng (trong tù gọi là đội *trực sinh*) thì vừa lo vấn đề chia cơm, còn chịu trách nhiệm chuyên nước từ giếng đổ đầy bồn cầu của phòng, và dĩ nhiên là làm vệ sinh nhà cầu cùng *phi đạo* (tức là con đường hình chữ thập ở giữa bốn bức nằm; chữ thập này có một cạnh dài, một cạnh ngắn: cạnh dài chạy dọc theo chiều dài của bốn bức nằm, cạnh ngắn dọc theo chiều ngang của bốn bức và nối liền nhà cầu với cửa sắt ra vào).

Mỗi phòng có trên sáu chục con người mà chỉ lo có mỗi cái việc chung trong ngày là làm vệ sinh, thì dĩ nhiên kết quả mong đợi phải là kết quả tốt. Thực vậy, vấn đề vệ sinh của phòng giam cũng khá so với những trại khác mà tôi nghe bạn tù kể lại. Mỗi ngày trong giờ ra chơi, đội trực sinh của phòng và các tổ trực sinh của đội lau chùi sạch sẽ từ trong phòng ra đến thềm hiên. Lau chùi bằng nước cho đến khi nền xi măng bóng loáng lên. Nền phòng vừa khô thì cũng vừa lúc quản giáo đến điểm danh để cho tù nhân trở vào phòng. Từ sân chơi bước vào mọi người đều phải rửa chân. Trong phòng giam không được mang dép, không được rầy tàn thuốc xuống đất, khạc nhổ hay xả rác bừa bãi. Vậy là đủ sạch cho đến giờ chơi của ngày kế tiếp.

Sinh hoạt trại giam nơi đây

khá giống với sinh hoạt của chùa. Tiếng keng trại khiến tôi cảm thấy sự tương đồng ấy. Từ tiếng keng, tôi lại xét nghiệm, so sánh các sinh hoạt thường nhật khác giữa nhà tù với nhà chùa nữa. Ôi, nếu ở tù mà biết tu, hẳn là để đắc đạo biết bao! Hoàn cảnh ở tù so với ở chùa, e còn thích hợp hơn nhiều cho một nhà tu, nhất là nhà tu khổ hạnh. Này nhé, trước tiên là tiếng keng: ăn cơm, làm việc, ngủ trưa, báo thức ngủ trưa, báo nghiêm... rất giống tiếng keng của một Phật học viện. Còn nữa, học thuộc lòng và đọc nội qui điều lệ hàng tuần hoặc hàng nửa tháng: giống như ở chùa học thuộc lòng các giới luật, các oai nghi phép tắc (nên làm điều này, không được làm điều kia...) và tụng giới nửa tháng một lần. Y phục đơn giản: tù nhân ở trần mặc quần đùi quanh năm suốt tháng, chỉ mặc áo quần đàng hoàng khi đi ra ngoài khai cung với cán bộ thôi—còn đơn giản hơn thầy tu. Hớt tóc nửa tháng một lần, hớt xứng xứng hay hớt trọc: y hệt thầy tu ở chùa! Và những anh nuôi của trại được phát bộ đồ tù màu lam, đầu hớt cao, nhìn chẳng khác mấy ông thầy tu ở chùa. Nằm ngủ dưới đất: có thể tù nhân nằm đất trường kỳ hơn các nhà tu. Ăn uống đạm bạc: tù nhân mỗi ngày được phát hai lần cơm, mỗi lần một chén nước, ăn với nước muối, lâu lâu được chút nước luộc rau muống làm canh; uống thì uống nước giếng: đạm bạc hơn thầy tu thời nay! Hoặc những chuyện chi giống ở bề ngoài như không đâm dục: cả hai giới tu và tù đều bị cấm, nhưng đạo nhân bị cấm bằng giới luật và lý tưởng, còn tù nhân thì bị cấm tuyệt một cách tức tưởi!...

Bịch đường mà Thiên Đắc cho tôi đã hết nhẫn từ nhiều ngày trước. Những ngày đầu tiên mới vào phòng giam, anh trưởng phòng cứ rà tới chỗ tôi, hỏi xin đường để khuấy bột. Tôi nhập trại với tài sản duy nhất là bịch đường cát trắng quý giá đối với người tù, làm sao anh ấy quên được. Mà tánh tôi cũng chẳng biết từ chối ai khi họ xin mình, cho nên, chỉ vài ngày là đã hết bịch đường. Vậy là tôi không còn tí thức ăn nào để ăn với cơm. Tôi muốn nhận phần nước mắm mà trại giam có chia cho mỗi người mấy muống vào mỗi bữa ăn, nhưng một anh bạn tù la lớn: "Áy chết, ông thầy à, nước mắm này

có bỏ tép ở trong đó, không ăn chay được đâu!” Vậy là tôi ngượng nghịu tay không quay trở về chỗ của mình, ăn cơm không. Tôi không biết giải thích như thế nào để sáu mươi mấy người bạn tù hiểu rằng thực ra chuyện ăn cơm với chút nước mắt này chẳng có hao tổn hay trở ngại chi cho tiến trình giải thoát giác ngộ cả. Nhưng thôi, người ta nói vậy là muốn nhắc mình phải giữ gìn chiếc áo tu sĩ đó mà. Tu sĩ Phật giáo đâu có được ăn nước mắt, dù rằng đó chỉ là nồi nước muối đun sôi, chỉ có lèo tèo mấy con tép khô cho có chút mùi. Vậy là tôi cứ xúc cơm không mà ăn. Cơm trại được nấu bằng thứ gạo mốc, nhiều thóc, ăn không năm sáu lần còn chịu được, đến lần thứ bảy thì thấy ngán thật ngán. Lúc đó, tôi thèm được tí muối bột để ăn mà chẳng biết xin ai. Thầy tu mà, không lý ngựa tay đi xin mấy anh tù nghèo kiệt mà anh nào anh nấy đều cố gắng tiết kiệm từng tí từng chút, đâu muốn chia sẻ cho ai! Nếu tôi xin, họ không cho mà còn chửi thì xấu hổ mình, còn nếu họ nể mình mà phải cho thì hóa ra mình ép họ! Thời thì đành ngồi tại chỗ, ăn cơm không. Ôi, ngày xưa thái tử Tất Đạt Đa chứng đạo còn mang bình bát đi xin ăn khắp phố phường, khắp các quốc gia, vậy mà nay, một đệ tử tầm thường, chưa đắc đạo của ngài lại xấu hổ không dám đi xin ăn! Hạnh thật là hạnh cao quý của sa môn ngày xưa. Hạnh thật để có cơ hội tiếp xúc với chúng sinh mà hóa độ họ. Hạnh thật để tạo cơ hội cho chúng sinh làm phước. Hạnh thật để dẹp trừ cái tâm kiêu ngạo. Cao quý vậy đó, mà nay tôi chẳng thực hành được. Tôi cứ ngồi đây, ngồi một chỗ, xúc cơm mà ăn không. Nói thật, đã có lúc tôi cầm ca cơm mà không muốn ăn, dù bụng khá đói. Đừng tưởng tôi không quen ăn uống đạm bạc nhé! Lúc còn tu học ở chùa Long Tuyền, Hội An, tôi cũng ăn cơm với tương hột vừa mặn vừa chua vừa chua loét hết ngày này qua ngày nọ, đâu có sao. Ngoài những bữa cơm đó, có khi đâu có chất ngọt hay chua nào được đưa thêm vào cơ thể, mà vẫn thấy bình thường. Nhưng bây giờ thì quá khác, vì suốt nhiều ngày không có chất ngọt, chất chua và cả chất mặn, thử hỏi phải làm sao? Những anh bạn tù có hoặc



không có thân nhân thăm nuôi chỉ thèm ngọt, còn tôi thì thèm luôn cả chất mặn, muốn có được tí muối để ăn cơm. Mà cũng lạ, hồi tôi còn bịch đường cát với gói thuốc Đà Lạt mà Thiện Đức biểu, nhiều người đến hỏi han, bắt chuyện với tôi lắm. Bây giờ, họ tàn xa hết. Chỉ cần một tuần lễ trôi qua kể từ ngày nhập trại, nếu không có gia đình gửi quà thăm nuôi vào thì coi như không ai thèm nhìn ngó tới mình nữa. Mình trở thành đứa bé mồ côi-trong trại gọi đích xác danh từ “*mồ côi*” cho những ai không có thân nhân thăm nuôi. (Mà muốn có thăm nuôi, đâu phải dễ! Phải khai cung xong xuôi, phải xóa hết những nghi vấn trong đầu các cán bộ thụ lý hồ sơ của mình. Tôi đã làm việc suốt hơn một tuần với ông Văn phó trại mà vẫn chưa kết thúc. Nửa tháng nay ông không gọi tôi ra ngoài nữa nhưng tôi biết ông đang còn điều tra xem những gì tôi khai có đúng sự thật không. Khi nào ông xếp hồ sơ của tôi lại, không còn điều tra nữa, lúc ấy tôi được phép viết thư liên lạc với gia đình hay bạn bè bên ngoài!). Thậm chí anh Văn là người mà trong tù gọi là đồng lõa, đồng phạm với tôi, cũng quên mất là gần một tháng trời tôi ăn uống như thế nào. Cho đến một hôm, thấy tôi có vẻ không muốn ăn cơm, anh mới hỏi:

“Sao không ăn?”

“A... chưa đói,” tôi đáp

nhưng liền lúc ấy tôi biết rằng câu nói ấy không thực chút nào, vì ở tù cộng sản thì phải đói liên tục, làm gì có chuyện chưa đói.

Anh cầm ca cơm của tôi lên nhìn vào, nói:

“Không có thức ăn phải không? Anh ăn tương hột không, để tôi lấy cho.”

Nói rồi anh lôi trong giỏ lát ra một bình tương hột nhỏ, múc cho tôi một muống. Tôi nghiệp anh, gia đình nghèo sống ở kinh tế mới, có tiền bạc đâu mà thăm nuôi đầy đủ. Anh cho tôi một muống tương là quá quý rồi. Tôi cảm ơn anh cho tôi được một bữa ăn ngon. Kể từ đó, cứ đến bữa ăn, anh xúc cho tôi một muống tương hột, nhưng chừng vài ngày thì anh không đủ khả năng để chia sẻ với tôi nữa. Và tôi, vì tư cách nhà tu, hay vì tư cách cá nhân, đã không bước qua bước lại xin xỏ hay nhờ vả bất kỳ ai trong phòng giam để được tí muối hay tương. Có khi tôi thăm trách là mình quá hèn yếu, không dám đập trên dư luận để nhận một chén nước mắt trại mà ăn. Nhưng tôi liền nghĩ lại rằng, có một chút trở ngại đó mà không ráng vượt qua, lại dày mặt dày mày đi nhận nước mắt trại để rồi mang tiếng cho giới tăng sĩ là phạm trai! Tăng sĩ Phật giáo Bắc tông phải ăn chay, ai cũng biết vậy, và người ta còn nghĩ rằng khi tu sĩ không ăn chay nữa thì đã là người chẳng ra gì rồi. Trong khi đó, nếu theo Phật giáo Nam tông thì ăn thịt cá tự nhiên, chẳng ai thắc mắc, mà tăng sĩ phái này vẫn cứ đạo hạnh như thường. Tôi là tăng sĩ Bắc tông, tôi phải giữ gìn chuyện ăn chay, dù có lúc chẳng cần thiết phải giữ gìn, chẳng hạn như lúc này! Vậy là tôi cứ tiếp tục đóng vai người đạo hạnh, cố gắng gìn giữ trai giới. Bụng ca cơm mốc không có thức ăn, tôi quán tưởng đó là bát cam lồ. Cam lồ thì ngọt, thơm, béo bổ... Nhưng pháp quán tưởng nào cũng không đủ sức xoay chuyển được cái thực tế là tôi thiếu dinh dưỡng, thiếu thức ăn, thiếu đủ thứ... Tôi đói. Tôi kiệt sức, và tôi đổ bệnh.

*

Cái bệnh thông thường mà khủng khiếp nhất của tù nhân là bệnh kiệt lý. Đám tù hải sợ nhất là bệnh này, vì thấy nó chẳng gì

trầm trọng nhưng có thể chết người được. Nhiều tù nhân đã chết bởi cái bệnh hiểm nghèo quái ác đó. Nghe rằng chỉ cần mười ngày kiệt lực mà không chữa khỏi là biết chắc hẳn sẽ thành người thiên cổ trong một phút rất gần. Nhưng lúc đó, tôi chưa được nghe kể và cũng chưa có kinh nghiệm về cái bệnh kiệt lực kéo dài ấy. Tôi nhớ lúc còn ở ngoài, mỗi lần bị bệnh này, hình như trong vòng ba ngày là hết, có khi chỉ cần uống một ly cà phê đen không đường là cầm ngay. Và lại, cũng có khá nhiều loại thuốc để chữa trị. Còn ở tù, tôi chẳng biết phải trị thế nào. Mỗi ngày hai chén cơm không, cứ thế mà đưa vào bụng, lại uống nước phong-tên, hay nước giếng đục ngầu dơ bẩn... thử hỏi bụng dạ nào chịu nổi. Mấy ngày đầu bị kiệt lực, tôi phân vân chẳng biết có nên ăn cơm, hay cứ nhịn đói. Có thể nhịn đói sẽ trị được bệnh. Nhưng cơ thể tôi lúc ấy hình như không còn tuân theo ý chí tôi nữa: nó đòi ăn, nó không muốn nhịn chút nào. Tôi đói cào ruột, tôi phải ăn. Ăn vào, tôi đau thêm. Bộ phận tiêu hóa của tôi hình như đã mất đi chức năng của nó. Thức ăn tôi đưa vào, nó chẳng tiêu, cũng chẳng hóa. Cứ năm mười phút, tôi lại phải lê thân vào nhà xí. Có khi suốt cả đêm nó hành tôi đi ra đi vào nhà xí năm mười bận. Trong vòng năm ngày, tôi xọp người xuống. Mặt mày xanh lét. Tay chân lỏng không, nổi cả gân xanh. Lúc đó chẳng hiểu sao tôi cũng chẳng biết được là tôi có quyền báo với anh trưởng phòng rằng tôi bệnh nặng, cần được chữa trị. Tôi bệnh và tôi cứ nằm đó. Khi nào bị bắt buộc phải vào nhà xí thì tôi lụm khụm lét vào. Tôi chẳng nói với ai. Anh Vận nằm kế tôi dĩ nhiên cũng có biết đó, nhưng anh thuộc loại thụ động, suốt ngày lằm lì ngồi một chỗ. Thấy tôi bệnh anh chỉ thương hại, vậy thôi. Cả phòng ồn ào náo nhiệt, sáu mươi mấy người đi qua đi lại trước mặt tôi suốt ngày, vẫn không ai thấy cần thiết là hỏi han, đề nghị uống thuốc, chữa trị thế nào. Cũng có lẽ một phần lỗi tại tôi. Tôi bệnh mà không chịu nhăn nhó, kêu than, làm mặt sầu nào ủ dột... Tôi bệnh mà tôi cứ im lặng, bình thần nhìn người qua lại, mỉm cười. Mỉm cười tươi tắn thì đâu phải bệnh nặng! Không cất tiếng kêu than thì đâu phải

bệnh nặng! Không chịu nằm liệt bỏ ăn thì đâu phải bệnh nặng! Bộ không thấy anh chàng công nhân ăn cắp nhiên liệu nhà nước bị cảm gió mà nằm ỳ mấy ngày không chịu làm công tác hay sao? Bộ không thấy anh chàng ăn trộm bị sốt rét mà rên hừ hừ cả đêm chẳng ai ngủ được hay sao? Bộ không thấy anh chàng vượt biên bị rặng sâu la rống như bị thọc huyết đó sao? Bệnh nặng thì phải biểu lộ sức đau đớn khổ sở vô cùng của mình! Tôi không chịu biểu lộ thì ai mà biết! Không ai biết. Thực sự là không ai biết cho đến ngày thứ chín, thứ mười, khi từ bệnh kiệt lực, bụng dạ tôi chuyển sang thứ bệnh tôi chưa từng gặp trên đời và cũng chưa từng thấy ai mắc phải bao giờ: bệnh trống tràng! Phải, bệnh trống tràng, đó là cái tên mà ông cụ Vương cho tôi biết.

Ông Vương đã ngoài sáu mươi, là một tay "địa chủ" có vườn cam lớn ở Hồ Nai. Ông mới bị bắt vào đầu chúng vài tháng trước tôi vì bị tố cáo là có liên quan tới vụ án Vinh Sơn do linh mục Vàng lãnh đạo (vụ này bị đổ vỡ từ khoảng 1976-1978). Ông Vương là người được thăm nuôi đầy đủ nhất trong phòng giam, nhưng bạn tù nói rằng ông "keo" lắm, chưa bao giờ ông biết chia sẻ thức ăn hay bất cứ thứ gì với ai. Thấy tôi bị bạn tù chửi vì làm hôi thối phòng giam suốt ngày, ông Vương lần la đến chỗ tôi.

"Ông thầy bệnh nặng như thế đã uống thuốc gì chưa nhỉ?"

"Thưa chưa, có thuốc đâu mà uống," tôi cười đáp.

"Có phải ông bị trống tràng không?"

"Trống tràng là sao thưa bác?"

"Trống tràng là ăn vào thứ gì nó cho ra thứ này."

"Chắc là vậy," tôi đáp.

Ông ngưng một lúc rồi ngần ngại nói:

"Không chữa thì vài ngày nữa là chết. Gia đình có biết tin chưa? Chưa có thăm nuôi phải không?"

"Thưa chưa," tôi đáp, và thật xấu hổ, ngay lúc đó, tôi có chút hy vọng rằng ông ấy thấy tôi nghiệp sẽ cho tôi xin vài viên thuốc hay chút muối hay chút nước tương gì đó.

Nhưng không. Ông ấy chẳng bao giờ có ý làm chuyện đó cả. Ông chỉ hỏi thăm bệnh



tình và thông báo cái nguy hiểm sắp đến với tôi mà thôi. Dù sao, tôi cũng đón nhận được cái tình người tôi thiếu qua sự thăm hỏi mà chỉ có ông là người bạn tù dành cho tôi lúc ấy. Ông nói nhỏ:

"Cái đám thằng Đương với thằng trưởng phòng là bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn cán bộ cộng sản hủ lậu vô thần, chúng nó chửi ông, ông đừng bận tâm để ý làm gì! Minh đau cầu thì đi cầu, không ai có quyền cấm! Thằng Đương là đảng viên đấy, là bộ đội phục viên, về làm công nhân nông trường, ăn cắp vật liệu bán ra ngoài. Thứ qui đó nó ghét bọn tù chính trị như mình lắm. Còn thằng trưởng phòng đấy à, cũng một nòi như thằng Đương thôi, nó tên gì nhỉ, à tên Cang, cũng là bộ đội phục viên, làm ăn cướp trên tàu hỏa. Thằng Lý thì là thằng đánh cá, có đạo mà bị ma đưa lối quỷ đưa đường, bỏ Chúa mà theo mấy thằng cán bộ, suốt ngày lo đan lưới cho chúng nó, báo cáo chuyện trong phòng cho chúng nó nghe để được về sớm! Tụi này có chửi ông cũng chẳng đáng gì, phải không! Đừng thêm nói lại tiếng nào với tụi nó. Cứ im lặng như lâu nay ông làm là được rồi. Cũng đừng bao giờ tâm sự trao đổi gì với tụi nó. Tụi nó báo cáo đấy!"

Ông Vương còn nói là sở dĩ ông không dám đến gần tôi, không dám thân thiện với tôi vì tôi là một tù nhân chính trị mới vào phòng, lại là một tu sĩ Phật giáo nữa, ông đến gần sẽ bị bọn tù ăng-ten báo cáo cho cán bộ quản giáo.

Vào những ngày kế tiếp, tôi cứ lãnh phần cơm nhưng thực tình là không còn sức để ăn nữa. Phần cơm không có thức ăn, không có chút mắm hay muối,

đến thời gian này, đã trở thành một thứ hình phạt, một thứ gì thật kinh khủng đối với vị giác của tôi. Suốt một tháng trời ăn những bữa ăn lạt lẽo không đường, không muối, không tương, không chao... như vậy, miệng tôi đã quá lạt lẽo, và trong cơn bệnh, dường như nó tiết ra trong lưỡi một chất gì đó đắng chát, khó chịu. Tôi không muốn ăn cơm nữa, trừ khi có ai cho một chút đường, hay một chút muối. Nhưng chẳng ai cho đâu, Thôi thì cứ để phần cơm đó, nhịn đói. Những ngày trước đó, tôi tự nghĩ: "ăn cơm không trị được bệnh, không ăn chút nào cũng chẳng trị được bệnh, thôi thì cứ ăn." Nay thì tôi nghĩ ngược lại: "ăn vào cũng chẳng hết bệnh, không ăn cũng chẳng hết bệnh, thôi thì nhịn ăn mà chết cho nhẹ nhàng!" Vậy là tôi nhịn ăn. Chỉ có cái bản năng tự tồn hay thứ "bản năng thèm khát ăn uống" vẫn cứ giục tôi hãy ăn. Tôi không chiều ý nó nữa. Tôi chỉ uống nước cầm hơi. Và tôi hãy còn sống, còn thở liên tục nhiều ngày kế tiếp.

Đã đến ngày thứ mười lăm kể từ ngày tôi bị kiệt. Tôi bản thân mệt mỏi lắm, không nhích nổi tay chân. Suốt ngày tôi chỉ muốn nằm. Đến giờ ra chơi, tôi gắng gượng bước ra ngoài, tránh chỗ cho người ta chùi rửa phòng. Tìm một chỗ ngồi tựa lưng vào tường, chờ giờ vào phòng. Về đến chỗ là nằm ì một đống. Tôi có cảm tưởng bây giờ tôi là một bộ xương biết đi. Một ngọn gió nhẹ cũng có thể lay ngã được thân xác khô gầy của tôi. Lúc chưa vào tù, tôi nặng khoảng năm mươi sáu kí lô, bây giờ tôi phỏng chừng còn nặng khoảng ba mươi sáu kí là cùng! Không ăn, chỉ uống nước, vậy mà tôi vẫn bị thúc bách phải vào nhà xí. Dường như tất cả sinh lực gì của tôi nếu còn, cũng theo chất phân nhờn ghê tởm ấy mà ra ngoài. Dù vậy, tinh thần tôi hãy còn tỉnh táo lạ thường! Tất cả thì giờ trong suốt ngày đêm, tôi trì tụng kinh chú, quán tưởng, thiền định dù đang lê thân vào nhà xí hay nằm một chỗ.

(còn tiếp)

NÀY BIỂN HÃY MANG ĐI...

*Này biển, hãy mang đi giùm em
những sáng chiều mịt mùng gió cát
gởi về người nụ hôn ngày âm áp
hay vòng tay xa ngậm ngùi lãng quên?
Thì một đời vẫn cách biệt buồn tênh
Vẫn dấu ấn ngậm ngùi cơn sóng vỗ
Vẫn những chiều biên gào tên nhung nhớ
Vẫn mắt đêm buồn hiu hắt đại dương...
Vĩnh biệt người, chân hồ hải ngàn phương
Em vẫn đợi... bao năm rồi vẫn đợi!
Chiều bên ai sóng ru lời ân ái
Vòng tay xa, lạnh buốt mắt đêm
Vẫn những chiều, em - biển gọi tên
nghe con sóng vỗ về cơn bão dữ
Em-vô-vọng mắt đêm buồn dong ruổi
vẫn mơ chân ai lạc bước quay về
Trùng dương đêm mắt biển gọi hôn mê
Vẫn héo hắt đèn khuya, chờ đợi...*

NGƯỜI QUÊN EM CHƯA?

*Người. bao năm rồi... quên em không?
đón bước chân xưa có ngại ngần
Có như em? hai dòng lệ ướt
nhìn. Ngập ngừng. Rồi thôi, quay lưng.
Em về chiều nay khi đông sang
tháng mười hai mưa khóc muộn màng
mưa gọi tên người. Hay phiên khúc
của những ngày mưa xưa - lang thang...
Em đã về sao người chưa vui
sao cả trời xưa vẫn ngậm ngùi
sao cả hồn xưa buồn cảm nín
khi bên trời mưa lác đác rơi?
Em đứng một mình trong phố đêm
gọi người. Mưa âm vọng buồn tênh
đêm ơi, xin níu thời gian lại
hôn xưa đâu hồi, một trời quên?
Mai em đi rồi. Thôi hãy vui
dù mai kia góc bể chân trời
Em - những chiều nhìn mưa vẫn nhớ
Một người. Một thuở, rất xa xôi...*



thơ PHƯƠNG ANH